

Tác Giả và Tác Phẩm

Nguyễn Tường Bách (Tự Lực Văn Đoàn)

Tiểu sử

Sinh năm 1916 tại huyện Cẩm Giàng, Hải Dương.
Mất ngày 11.5.2013 tại Garden Grove, California, Hoa Kỳ.

Tác phẩm

Việt Nam, một thế kỷ qua I & II (hồi ký)
Trên sông Hồng cuộn cuộn (truyện dài)
40 năm sống ở Trung Quốc (hồi ký)



Mục Lục

Vài hàng về tác giả - 2

Tự Lực Văn Đoàn: Nhất Linh - 3

Mạn đàm với Bác sĩ Nguyễn Tường Bách – Lâm Lễ Trinh - 5

Kỷ niệm về chú Viễn Sơn Nguyễn Tường Bách – Nguyễn Lâm - 10

Đọc hồi ký "Nguyễn Tường Bách và Tôi" - Nguyễn Mạnh Trinh – 12

Thạch Lam, hình bóng khôn nguôi - Nguyễn Tường Giang - 16

Nguyễn Tường Bách: Việt Nam, một thế kỷ qua – Nguyễn Sỹ Tế - 18

Người kết thúc chiến tranh quốc cộng 1945 - Nguyễn Tường Tâm - 20

Phụ đính:

Việt Nam, một thế kỷ qua
(trang 37)

(Tim bài đọc: ở "Keyboard", nhấn nút "F5", đánh số trang, rồi "Enter")

Vài hàng về tác giả



Nguyễn Tường Bách sinh năm 1916 tại huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương, từ một gia đình gốc làng Cẩm Phô, phủ Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam dời ra sinh sống tại miền Bắc từ hai đời trước. Trừ người anh cả Nguyễn Tường Thụy là công chức không dính líu đến văn nghệ và chính trị, các người em còn lại: Nguyễn Tường Cẩm, Nhất Linh - Nguyễn Tường Tam, Tú Ly, Hoàng Đạo - Nguyễn Tường Long, Nguyễn Thị Thế, Thạch Lam - Nguyễn Tường Lân, và người em út, Viễn Sơn - Nguyễn Tường Bách, đều là những người tham dự vào văn chương.

Từ thời trẻ, Nguyễn Tường Bách đã viết báo, làm thơ, viết truyện ngắn đăng trên hai tờ báo Phong Hóa và Ngày Nay.

Từng theo học trường Bưởi, trường Albert Saurraut, đại học Y Khoa Hà Nội, tốt nghiệp bác sĩ năm 1944.

Năm 1939, tham gia đảng Đại Việt Dân Chính cùng Nguyễn Tường Tam, Nguyễn Gia Trí, Khải Hưng, Nguyễn Tường Long, v.v... Năm 1942 Thạch Lam qua đời, Nguyễn Tường Bách phụ trách nhà xuất bản Đồi Nay.

Năm 1943 Đại Việt Dân Chính hợp nhất với Việt Nam Quốc Dân Đảng.

Năm 1945 VNQDD kết hợp với Đại Việt Quốc Dân Đảng dưới danh nghĩa Quốc Dân Đảng.

Tháng Ba năm 1945, sau khi Nhật đảo chính Pháp, Nguyễn Tường Bách làm giám đốc tờ Ngày Nay bộ mới với sự cộng tác của Khải Hưng, Hoàng Đạo, hô hào độc lập, dân chủ.

Tháng Năm năm 1945 Việt Minh cướp chính quyền, Nguyễn Tường Bách cùng với Việt Nam Cách Mệnh Đồng Minh Hội, Việt Nam Quốc Dân Đảng ra hoạt động công khai. Ông giữ chức ủy viên trung ương, phụ trách tờ Việt Nam chống đối chính sách của đảng Cộng Sản, rồi phụ trách công tác tuyên truyền, công tác tổ chức đảng.

Nguyễn Tường Bách sáng lập Quốc Gia Thanh Niên Đoàn, giữ chức nhiệm đoàn trưởng.

Tháng Năm, 1946, tình thế cấp bách Nguyễn Tường Bách lên Đệ Tam Chiến Khu (gồm từ Vĩnh Yên tới Lao Kay), phụ trách chỉ huy bộ cùng với Vũ Hồng Khanh. Tháng Sáu, 1946, Việt Minh tăng cường vũ trang công kích, Tháng Bảy phải rút lên Yên Bái, Lao Kay. Tháng Tám, 1946 cụ sang Trung Quốc hoạt động ngoại viện và liên lạc với các tổ chức người Việt ở hải ngoại.

Cuối năm 1946 lập gia đình với bà Hứa Bảo Liên tại Côn Minh.

Năm 1947, Nguyễn Tường Bách từ Vân Nam sang Hồng Kông. Quốc Dân Đảng không tán thành giải pháp Bảo Đại với điều kiện Pháp đưa ra và chủ trương tiếp tục hoạt động bí mật.

Tháng Tám, 1948, Hoàng Đạo đột nhiên mất trên xe lửa từ Hồng Kông về Quảng Châu.

Tình thế Trung Quốc biến chuyển. Một số anh em trở về quốc nội. Vì không muốn trở về khu Pháp, Nguyễn Tường Bách cùng một số anh em ở lại Trung Quốc. Từ năm 1950 hành nghề bác sĩ tại Phật Sơn, Quảng Đông, cho tới khi về hưu.

Năm 1988, di dân sang Hoa Kỳ, định cư tại Nam California.

Ở hải ngoại Nguyễn Tường Bách tiếp tục hoạt động cho tự do, dân chủ và nhân quyền tại Việt Nam, góp sức vào sự đoàn kết và tổ chức một số phong trào liên minh và mặt trận. Nguyễn Tường Bách là một trong những sáng lập viên, và sau giữ chức cố vấn của Mạng Lưới Nhân Quyền Việt Nam và là tác giả cuốn tiểu thuyết Trên Sông Hồng Cuồn Cuộn và tập hồi ký Việt Nam Một Thế Kỷ Qua phần I (1998) và phần II (2001). Nguyễn Tường Bách viết nhiều bài bình luận và bút ký cho một số báo hải ngoại, dưới bút hiệu Viễn Sơn.

Người con út của “gia đình Nguyễn Tường thế hệ Tự Lực Văn Đoàn” qua đời

Fountain, California

Cụ Nguyễn Tường Bách, người con út của gia đình Nguyễn Tường đầy tài năng về văn học đã xuất bản hai tờ báo Phong Hóa và Ngày Nay cùng thành lập Tự Lực Văn Đoàn từ thập niên 1930 của thế kỷ trước, vừa qua đời tại bệnh viện Fountain Valley, Nam California, vào lúc 2 giờ 15 phút chiều ngày 11 Tháng Năm, hưởng thọ 97 tuổi. Tin từ gia đình cho hay cụ mất vì tuổi quá cao, thời gian gần đây ngày càng yếu dần, và đã thanh thản ra đi hôm nay.

Tự Lực Văn Đoàn : Nhất Linh

Viễn Sơn Nguyễn Tường Bách nói về nhà văn Nhất Linh Nguyễn Tường Tam

Nhất Linh Nguyễn Tường Tam là một nhà văn xuất chúng, lại là một chiến sĩ cách mạng lỗi lạc chống thực dân và chống Cộng Sản độc tài. Chắc đa số các vị ở đây cũng đã rõ. Ở đây tôi chỉ lược qua tiểu sử và vài nét đặc biệt của anh, vì thời giờ có hạn.

Anh sinh năm 1905, là người con thứ ba trong một gia đình 7 người, trong đó có Nguyễn Tường Thụy, Nguyễn Tường Cẩm (bị Việt Minh thủ tiêu năm 1947), Nguyễn Tường Long tức Hoàng Đạo, mất năm 1948 tại Quảng Đông, Nguyễn Thị Thế (mất ở Hoa Kỳ), Nguyễn Tường Lân (hay Vinh) tức Thạch Lam mất năm 1982, và tôi là con út, hiện còn sống sót.

Gia đình chúng tôi lúc đó tại một huyện lỵ nhỏ, huyện Cẩm Giàng, vì bố mất sớm, nhà rất nghèo, do mẹ và bà ruột tần tảo duy trì. Do gia cảnh, chúng tôi từ nhỏ được tiếp xúc với cảnh bùn lầy nước đọng, nghèo cùng của nông dân, ảnh hưởng đến suy nghĩ và viết văn sau này,

với tính chất bình dân, vị tha, không ưa những thứ quyền quý, trường giả, và ghét danh lợi, mấy đặc điểm của Tự Lực Văn Đoàn sau này.

Bà nội và mẹ chúng tôi đều là Phật tử chân thành. Những câu "Đời là bể khổ", "Cửa Phật từ bi" đã thấm vào đầu óc người Việt Nam. Có thể triết lý này đã có ảnh hưởng đến tình thương bằng bạc trong các tác phẩm của Nhất Linh, Thạch Lam.

Những mâu thuẫn trong các gia đình hồi đó gây ấn tượng không ít cho Nhất Linh, vì anh là người có phản ứng nhạy cảm nhất đối với hiện trạng và biến chuyển của xã hội. Anh là con người đi tiên phong trong suy nghĩ và trong hành động. Vì thế có thể nói anh là người đi trước thời đại, anh có nhiều sáng kiến, có óc sáng tạo và biết biến suy nghĩ thành hành động.

Một mặt, khác với nhiều người chỉ đi theo danh lợi cá nhân, anh hoạt động hoàn toàn vì lý tưởng, vì muốn làm cho xã hội tốt đẹp hơn, cho người dân sống được dễ chịu hơn.

Muốn hiểu rõ Nguyễn Tường Tam, thiết tưởng cần phải nhận thức rằng vào thời đại đó, có ba trào lưu nổi bật trong xã hội Việt Nam. Thứ nhất là trào lưu dân tộc độc lập mà cao điểm là cuộc khởi nghĩa Yên Bái, hai là trào lưu cải cách xã hội, đòi phê phán những truyền thống phong kiến bảo thủ và khắc nghiệt, đòi tự do phóng khoáng cho con người, ba là trào lưu cải cách văn học, rời bỏ những thứ giáo điều, gò bó, sáo rỗng, đi tới một nền văn nghệ tự nhiên, nhân đạo và trong sáng hơn.

Năm 1932, cùng một số anh em, anh sáng lập tờ báo Phong Hóa có thể gọi là mở một thời kỳ mới trong văn học. Cùng với số nhà văn tài hoa, anh thành lập Tự Lực Văn Đoàn, đánh dấu sự phồn thịnh văn học. Năm 1935, tờ Ngày Nay được xuất bản. Năm 1936, anh khởi xướng Phong Trào Ánh Sáng xây dựng nhà trẻ cho người nghèo.

Cùng với những hoạt động bận rộn trên, anh đã viết một số tiểu thuyết và truyện ngắn, mà tiêu biểu là cuốn "Đoạn Tuyệt", đều có giá trị văn chương và xã hội rất cao. Sức làm việc của anh khó có ai bì được.

Độc giả và các giới xã hội đều hoan nghênh cả các tác phẩm và hoạt động của anh.

Nhưng dù đã đạt tới đỉnh cao của danh vọng, anh cũng quyết tâm dấn mình vào cuộc đời cách mạng gian nan và đầy chông gai. Năm 1938, cùng với một số bạn hữu, anh thành lập đảng Đại Việt Dân Chính. Năm 1941, do Pháp khủng bố, anh phải chạy sang Trung Quốc, kết hợp với Việt Nam Quốc Dân Đảng, và hợp tác với cụ Nguyễn Hải Thần. Năm 1945, tháng 11, anh trở về Hà Nội, tổ chức hàng ngũ quốc gia chống lại Việt Minh Cộng Sản. Vì tình thế thúc đẩy, tháng 2 năm 46, anh giữ chức Bộ Trưởng Ngoại Giao trong chính phủ Liên Hiệp Kháng Chiến. Nhưng từ tháng 4-46, hai bên phá liệt, anh lại sang Trung Quốc, lưu vong một lần nữa.

Năm 1947, vì phản đối việc thoả hiệp với Pháp, anh ở lại HongKong cho tới 1951, vì sức khoẻ yếu, anh về nước, với dự tính chỉ hoạt động về văn học. Nhưng tới 1959, anh lại tham dự Mặt Trận Quốc Dân Đoàn Kết, chủ trương chống độc tài, xây dựng tự do dân chủ.

Việc này đưa đến kết cuộc bi thương là ngày 7-7-1963, anh uống thuốc ngủ tự sát, một ngày trước khi phải ra toà. Lúc đó, tôi ở ngoại quốc, nghe tin dữ, cũng chỉ biết khóc thầm cho người anh thân yêu, từ nay vĩnh biệt.

Cuộc đời thực là đặc biệt, thực là đầy đủ của một anh tài kiệt xuất của đất nước. Ít có một tài năng và có công lao toàn diện về cả mặt văn học cũng như cách mạng như Nhất Linh Nguyễn Tường Tam. Chúng ta có thể tự hào về đức tính và sự nghiệp của anh.

Song, những thất bại và đau thương của Nguyễn Tường Tam cũng phản ảnh thất bại và đau thương của dân tộc. Ngày nay, những đau thương thương đó vẫn còn, dưới chế độ chuyên chế độc đảng. Trong lúc kỷ niệm quá khứ, điều quan trọng nhất là cần phải gắng sáng tạo một tương lai mới, với sự đồng lòng nhất chí không phân biệt chủng tộc, địa phương, tôn giáo, già trẻ, để đấu tranh trong một vận hội mới của dân tộc.

Đó chính là cách kỷ niệm tốt nhất về Nhất Linh Nguyễn Tường Tam và tất cả các vị tiền bối đã dấn thân và hy sinh cho đại cuộc.

Mạn đàm với Bác sĩ Nguyễn Tường Bách Lâm Lễ Trinh



Năm 1988, bác sĩ Nguyễn Tường Bách và gia đình di cư từ Trung quốc qua Californie. Một thời gian sau, chúng tôi có dịp tiếp xúc với nhau và trở nên đôi bạn tâm giao. Sau khi phổ biến năm 1995 quyển tiểu thuyết “Trên Sông Hồng Cuồn Cuồn”, Bs Bách cho ra mắt độc giả năm 1999 “VN, Một thế kỷ qua. Hồi ký cuốn một, 1916-1946”. Tiếp theo là tập ký ức phần 2 “Việt Nam, Một thế kỷ qua”. 54 năm lưu vong Trung quốc (1946-1988) và Hoa kỳ (1988-2000) ” mà tôi đã nhận lời giới thiệu trong buổi ra mắt sách ngày 23.9.2001 tại Hội quán Little Saigon Radio, Californie. Từ nhiều năm, hai chúng tôi là Cố vấn của tổ chức bất vụ lợi “Mạng Lưới Nhân quyền” thành lập tháng 11.1997. Bs Bách (NTB) là một thành viên trong nhóm sáng lập. Ngày 24.9.2005, anh chị Bách mới chấp nhận cho tôi (LLT) thực hiện một cuộc mạn đàm thân mật trên hai giờ đồng hồ tại tư thất của anh chị thuộc thành phố Westminster. Cuộc mạn đàm này được Đinh Xuân Thái, Đài Little Saigon TV, đích thân thu hình.

Sau đây là những đoạn có thể tiết lộ trong cuộc phỏng vấn:

LLT: Xin anh vui lòng cho biết vài nét chính về vị trí của anh trong gia tộc Nguyễn Tường.

NTB: Tôi sinh năm 1916 tại huyện Cẩm Giàng, Hải Dương. Con út trong một gia đình 7 người con trong đó có Nguyễn Tường Cẩm, Nguyễn Tường Tam (Nhất Linh), Nguyễn Tường Long (Hoàng Đạo), Nguyễn Tường Lân (Thạch Lam) và Nguyễn Thị Thế, định cư và qua đời ở Hoa kỳ. Hai anh Tam và Long từng giữ chức Bộ trưởng Ngoại giao và Bộ trưởng Kinh tế trong Chính phủ Liên Hiệp Kháng chiến VN thời Hồ Chí Minh. Anh Hai Nguyễn Tường Cẩm bị Việt Minh thủ tiêu khi mới 44 tuổi tại Bắc Việt mặc dù không từng tham gia đảng phái nào. Sau khi xong tiểu học tại Hải Dương và Thái Bình, tôi về Hà Nội, đường Hàng Vôi, để tiếp tục chương trình sơ học. Tôi vào trường Bưởi, tức Chu Văn An, để luyện thi Tú tài nhưng sau một thời gian, tôi xin thôi, về nhà mua sách để tự học vì không thích không khí giáo dục bảo hộ. Đỗ Tú tài 1 Pháp lối năm 1930, tôi trượt Tú tài 2. Tại trường Albert Sarraut, ban Triết, tôi được Giáo sư Bourguignon chú ý vì ông nhận thức tôi có một cái vốn Triết khá vững nhờ nghiên cứu riêng. Đậu hạng ưu, tôi ghi tên vào Trường Y khoa Hà Nội. Tôi thích văn chương hơn nhưng gia đình khuyên nên có một chọn lựa thực tế, bảo đảm đời sống tương lai.

LLT: Lúc ấy, ngành y đòi hỏi mấy năm học? Anh thi đậu năm nào? **NTB:** Bảy năm, gồm có một năm chuẩn bị PCB. Tôi nộp luận án năm 1943 và qua năm sau lãnh cấp bằng bác sĩ, trước ngày 3.9.1945 Nhứt đảo chính Pháp. Trong lúc học y khoa cũng như sau khi ra trường, tôi hoạt

động hồi kín trong Đảng Đại Việt Dân chính, làm thơ, viết báo. với nhóm Tự lực Văn đoàn và phụ trách - trong cương vị hoặc chủ nhiệm, hoặc chủ bút - các tờ báo Ngày Nay Tập mới, Bình Minh, Việt Nam Thời báo và sau hết, tờ Việt Nam, cơ quan ngôn luận của Việt nam Quốc Dân Đảng.

LLT: Căn cứ vào ba tác phẩm của anh kể ở đoạn trên thì cuộc đời anh có thể chia ra thành ba giai đoạn: 1) thời niên thiếu và đấu tranh văn hóa và cách mạng trong xứ (1916-1946) 2) giai đoạn lưu vong tại Trung quốc (1949-1988) 3) di cư qua Hoa kỳ năm 1988 đến nay. Trước hết, xin anh vui lòng cho biết về chủ trương và hoạt động của nhóm Tự lực Văn đoàn, đặc biệt vai trò cốt cán của Nhất Linh Nguyễn Tường Tam. NTB: Lúc còn trẻ, anh Tam đã bắt đầu viết lách và được dân chúng biết qua hai sáng tác Nho Phong và Người Quay Tờ. Khi đi học ở Pháp về với bằng cử nhân vật lý, anh trở thành chủ nhiệm tờ Phong Hóa do một người bạn nhường lại năm 1932. Cùng với một số anh em gồm có Khải Hưng, Hoàng Đạo, Thạch Lam, Thế Lữ, Tú Mỡ, Cù Huy Cận, Nguyễn Gia Trí, Nguyễn Cát Tường tức họa sĩ Lemur..., anh thành lập Tự Lực Văn Đoàn. Chủ trương của TLVĐ là canh tân xã hội, chế độ các tệ đoan và chống hủ lậu, phong kiến. Riêng về tôi (lúc đó là người trẻ nhất trong nhóm), tôi cũng tập tành làm thơ mới như Bằng Bá Lân, Thế Lữ, Xuân Diệu, Huy Cận.. Thơ của tôi đăng báo dưới bút hiệu Tường Bách. Bài thơ được chú ý nói về Tết. Tuy nhiên tôi không thể tiếp tục lâu. Phong Hoá bị đóng cửa. Tôi phải thay thế anh Nguyễn Tường Cẩm quản lý tờ Ngày Nay.

Hoàng Đạo có bằng cử nhân luật, làm tham tá lục sự, chuyên viết bài bình luận thời cuộc và nổi tiếng, đặc biệt trong giới thanh niên, với tác phẩm Mười Điều Tâm Niệm. Hoàng Đạo không liên hệ gì đến phong trào hướng đạo của Hoàng Đạo Thúy. Về sau, Thúy là cha vợ của Tạ Quang Bửu, Tổng trưởng Quốc phòng Việt Minh, người thay mặt Bắc Việt ký vào Hiệp định Genève. Thạch Lam không làm chính trị, chỉ chuyên về văn chương, viết truyện ngắn và lo việc quản trị toà soạn. Thạch Lam chết sớm, lúc 33 tuổi, vì bệnh phổi, trong hoàn cảnh thiếu thốn.

Nhất Linh là lãnh tụ Đại Việt Dân chính. Tổ chức này hợp nhất với Việt Nam Quốc dân Đảng năm 1943. Năm 1945, VNQDD nhập với Đại Việt Quốc Dân Đảng dưới danh xưng chung Quốc Dân Đảng. Hoàng Đạo và Khải Hưng từng bị bắt và tra tấn ở Vũ Bản. Anh Tam cũng bị giam bốn tháng ở bên Tàu và được thả ra nhờ sự can thiệp của cụ Nguyễn Hải Thần.

LLT: Chúng ta hãy đề cập đến giai đoạn 2: giai đoạn lưu vong. Trong trường hợp nào, năm 1946, với tư cách Chỉ huy trưởng Đệ tam chiến khu của Quốc Dân Đảng (gồm từ Vĩnh Yên tới Lào Kay), anh rút lên Yên Bái và từ đó, qua Trung Hoa? Chiến khu này có bao nhiêu quân? Tàn quân qua Tàu gồm có ai? Lúc đó, Nguyễn Tường Tam ở đâu? Anh giải thích như thế nào lực lượng Việt Minh có ảnh hưởng mạnh trong quần chúng? Vì sao phía quốc gia năm 1946 tan rã mau chóng trước đám quân Việt Minh?

NTB: Tháng 8.1945, Việt Minh cướp chính quyền. Cùng với VN Cách Mệnh Đồng Minh Hội, VN Quốc Dân Đảng xuất hiện đấu tranh công khai. Tôi là ủy viên trung ương, phụ trách tờ Việt Nam để tuyên truyền chống CS. Mặt khác, tôi tổ chức Quốc gia Thanh niên Đoàn. Tháng 6.1946, Việt Minh tăng cường áp lực. Sau khi cầm cự lối nửa năm, đảng trưởng Vũ Hồng Khanh, tôi và Lê Khang, trong Bộ Chỉ huy, phải rút lên Việt Trì, rồi Yên Bái và Lào Kay. Lực lượng Đệ tam khu lúc đó gồm có lối một nghìn người: hai, ba trăm chí nguyện quân từ Trung Hoa về, cộng với một số cựu lính khổ xanh của Pháp, võ trang khá thô sơ. Thành phần kể sau không có ý chí tranh đấu mạnh. Phía ta không có đài phát thanh, thiếu phương tiện quảng bá, chỉ có tờ báo Việt Nam. Quân ta đóng chốt tại các tỉnh lỵ nên bị Việt Minh bao vây. Việt Minh không đông nhưng ảnh hưởng mạnh quần chúng vì họ có tổ chức, biết đoạt thời cơ, tuyên truyền sâu rộng và lôi cuốn đồng bào với các chiêu bài ăn khách như đả thực, chống đế quốc và áp bức. Phía quốc gia xích mích nội bộ, chủ quan, coi thường đảng CS và đặt hết niềm tin

vào sự hỗ trợ của quân đội Trung Hoa nên thua là phải. Tháng 7.1946, khi hay tin Việt Minh nhóm đại hội tại Thái Nguyên và Nhật bản sắp đầu hàng, cánh quốc gia đã không tổng hành động kịp thời, tiến tới khởi nghĩa. Bị kẹt giữa Pháp và Việt Minh, các đảng quốc gia không chiếm được địa bàn đủ rộng và không có đủ sức chống lại hai thế lực đó từ Nam ra Bắc.

Một ngày cuối tháng 7.1946, toàn anh em chúng tôi gồm có 8 người vượt qua cầu sắt Lào Kai - Hà khẩu để sang Trung Hoa. Khi ấy anh Tam đã có mặt tại Côn Minh. Như Nam Ninh và Quảng châu, Côn Minh là nơi ẩn thân của nhiều nhà đấu tranh VN. Hội nghị đảng viên bầu một Hải ngoại Bộ để tiến hành công tác ngoại vận và gây lại các cơ sở địa phương. Thành phần lãnh đạo gồm có anh Nguyễn Tường Tam (chủ nhiệm), Nguyễn Tường Long (ngoại vụ) và Xuân Tùng (kinh tài). Tâm trạng chung lúc đó khá bối rối, phức tạp, có người tỏ ra thất vọng nhưng phần đông thông cảm tình thế khó khăn

LLT: Trung tuần tháng 10.1949, Quân đội Mao Trạch Đông “giải phóng” Trung Hoa lục địa, Tưởng Giới Thạch rút qua Đài Loan. Lúc đó anh đã kết hôn với một sinh viên người Việt gốc Hoa, có quốc tịch Pháp, tên Hứa Bảo Liên quen từ Hà Nội. Anh chị được giấy lưu trú tại Phật Sơn. Một dư luận cho rằng chị Bách đã thuyết phục anh ở lại Trung quốc. Đúng hay không? Lý do nào khiến anh không trở về tranh đấu ở Việt Nam? Sống 40 năm dưới chế độ Tàu Đỏ có phải là một sự phí phạm hay không?

NTB: Cô Hứa Bảo Liên là một tình nguyện viên Hoa kiều Việt Nam làm việc tại Nhà thương Phủ Doãn Hà Nội trong lúc tôi tập sự nơi đây cùng với Phạm Biểu Tâm, Trần Đình Đệ... Cô cũng có hợp tác viết lách và phiên dịch trong các tờ báo do tôi phụ trách, vì thế cô quen nhiều với gia đình Nguyễn Tường. Cô là một phụ nữ có tinh thần phóng khoáng, tự lập và dấn thân. Lúc tôi vượt biên sang Trung Hoa năm 1945 thì cô đang học môn văn chương tại Đại học Côn Minh, CS chưa chiếm lục địa. Chúng tôi thành hôn ở thành phố này vào giữa năm 1947. Chuyện ở lại Trung Hoa là quyết định cá nhân tôi, tôi không chấp nhận về nước sống trong khu Pháp kiểm soát. Nhà tôi nhiệt tình san sẻ kiếp lưu vong của chồng.

Tôi không nghĩ đã phí phạm cuộc đời ở Trung Hoa. Anh em đồng chí chúng tôi rút kinh nghiệm để nghiên cứu tại chỗ một con đường đấu tranh mới trong thế bí của các phái quốc gia. Tháng 3.1949, chúng tôi thoát ly Quốc Dân Đảng và thành lập nhóm “Cách Mệnh Xã hội” với chủ trương chống chuyên chính vô sản và tư bản bóc lột; thực hiện một chế độ “xã hội chủ nghĩa” nhưng không độc tài theo lối Bắc Âu. Tờ báo Cách Mệnh Xã hội ra được vài số rồi ngưng xuất bản.

Tháng 2.1950, tôi được nhận làm việc tại Đệ tam Y viện tỉnh Quảng Đông. Trước đó, năm 1948, Liên được tuyển dạy văn hoá và toán ở một trường tiểu học Phật Sơn, lương trả bằng gạo. Quy chế của chúng tôi là ngoại kiều cư trú, phải đi học tập chính trị. Đời sống chật vật vì đông con. Tôi đã chứng kiến tận mắt tất cả các trận bão táp của chế độ Mao: cải cách ruộng đất, kế hoạch đấu tố tư sản, phong trào học sinh lên núi xuống đồng, cuộc vận động “ba chống, năm chống”, Đại hội 8 của Trung cộng, Cách mạng văn hóa 1968, Đại Nhảy vọt về nông nghiệp, nạn đói kinh khủng, sự phản đối khuynh hướng “hữu khuynh, xét lại” v.v.. Năm 1963, Lê Duẩn ngã hẳn về phía Bắc kinh. Trung Cộng tự phong là “hậu phương môi hở răng lạnh” với Bắc Việt. Dân Tàu lẫn Việt đồng hát vang “Việt Nam, Trung Hoa, núi liền núi, sông liền sông!”

LLT: Nhất Linh nghĩ sao về đường lối chính trị và hoạt động của anh tại Trung Quốc? Xin cho biết chi tiết về cái chết của Nhất Linh và Hoàng Đạo. Quyết định tự vẫn của ông Tam có hợp lý hay không?

NTB: Tháng 7.1947, tôi rời Côn Minh đi Quảng châu để cùng với Nguyễn Hải Thần, hai anh

Tam, Long và một số nhân vật đến từ VN như Nguyễn Văn Sâm, Nguyễn Bảo Toàn, Lưu Đức Trung...v.v... hội nghị với cựu hoàng Bảo Đại tại Hồng Kông về những điều kiện thương thuyết của Cao ủy Pháp Bollaert. Phiên họp không đi đến đâu vì một số - trong đó có chúng tôi - cho rằng thoả hiệp với Pháp là mất chính nghĩa. Giữa 1948, Trung ương Quốc Dân Đảng VN cử Vũ Hồng Khanh và tôi đi Nam kinh cầu viện với Chính phủ Tưởng Giới Thạch. Chúng tôi tiếp xúc với một số nhân vật Quốc Dân Đảng và Liên Minh Á châu chống Cộng, đặc biệt với Phó Tổng thống Lý Tôn Nhân. Chuyến đi này không đem lại kết quả vì, trước sự tấn công ào ạt của CS, một số cơ quan chính phủ đã bí mật dọn đi Đài Loan.

Anh Tam chủ trương không thể cộng tác với Pháp dù là tạm thời và cũng không thể liên hiệp với CS dù là kháng chiến. Về ý kiến của chúng tôi đi tìm một sinh lộ mới cho Đất Nước, anh không tán thành hay phản đối. Xưa nay, anh không có thói quen áp đặt quan niệm của mình, có thể vì thế mà anh không tổ chức được hàng ngũ đấu tranh có kỷ luật chặt chẽ. Vả chăng, lúc ấy, anh Tam đã yếu, suy nhược thần kinh, đau dạ dày nên cần tịnh dưỡng một thời gian.

Tháng 8.1948, Hoàng Đạo qua đời đột ngột, lúc 42 tuổi, vì bệnh tim trên chuyến xe lửa đi từ Hồng Kông về Quảng châu sau khi gặp vợ ở VN đưa con qua thăm. Được thông báo tin dữ, anh Tam, tôi và năm đồng chí đến ga Thạch Long để nhận xác và tổng táp với tất cả lòng đau xót và thương tiếc.

Tháng 7.1963, chúng tôi đột nhiên nhận được điện tín của một người bạn tên Vũ Đức Văn gửi từ Thượng Hải cho biết Nhất Linh đã tự vẫn ngày 6.tháng 7 tại Sài Gòn để phản đối chế độ Ngô Đình Diệm. Anh Tam đã trở về Việt Nam để viết sách và làm báo. Anh bị điều tra trong vụ đảo chính hụt Chính phủ nhưng không có bằng chứng. Sức khoẻ của anh không tốt, bệnh đau dạ dày hành hạ. Trong lúc khủng hoảng tinh thần, anh đã lấy một quyết định đáng tiếc. Trong thâm tâm, tôi không mấy tán thành. Anh Tam qua đời lúc 59 tuổi. Anh còn có nhiều khả năng giúp đỡ Quê hương. Rất uổng! Đám táng của anh khá trọng thể, quần chúng tham gia đông đảo. Cái chết của Nhất Linh, dù sao, làm giảm uy tín chế độ đương quyền giữa lúc vấn đề Phật giáo sôi sục.

LLT: Tháng 10.1977, anh có về Việt Nam sau nhiều thập niên lưu vong. Vì lý do gì? Tiếp xúc với ai? Anh nhận xét ra sao về Đất nước thời ấy? NTB: Đúng vậy, tôi và đứa con trai có về VN hai tháng, đi bằng xe lửa, từ Bắc Kinh đến Hà Nội, qua ngã Mạc Tư Khoa. Lý do dẫn dụ là nhớ nhà, thăm mồ mã gia tiên và muốn biết thực trạng Quê hương. Tôi viếng nhiều chỗ: Lạng Sơn, Bắc Giang, Nam Định...v.v...Tại Hà Nội, tôi bùi ngùi thấy không còn bao nhiêu dấu vết củ của ngôi nhà từng được dùng làm toà soạn báo Phong Hoá, Ngày Nam và Việt Nam. Quê hương nghèo đói, tụt hậu và rách nát thảm thê! Buổi giả tử họ hàng và thân hữu để trở về Phật Sơn thật vô cùng cảm động, tôi nhớ mãi. Tôi không có tiếp xúc với ai cả ngoài bạn bè và thân quyến.

LLT: Bây giờ hãy nói đến giai đoạn ba trong cuộc đời sôi nổi của anh chị: giai đoạn định cư tại Mỹ. Vì sao lại chọn Hoa kỳ? Anh đã có những hoạt động văn hoá và chính trị nào từ ngày đặt chân trên xứ này? NTB: Tháng 3.1988, sau 40 năm sinh sống tại Trung Quốc, vợ chồng chúng tôi quyết định di cư qua Mỹ để đoàn tụ với hai con Hứa Anh và Hứa Chân. Lưu vong đâu nữa cũng là lưu vong. Tuổi tôi đã quá 72. Thủ tục giấy tờ phiền toái nhưng cuối cùng cũng vượt qua. Máy bay đáp xuống phi trường Los Angeles. Chúng tôi xúc động trùng phùng với người thân và đặt chân trên đất của Nữ thần Tự do. Nơi đây tôi sẽ sáng tác theo ý muốn vì đối với tôi, từ xưa nay bác sĩ là chức nghiệp, cách mạng là sự nghiệp, văn nghệ mới là ước nguyện chính. Thời gian đầu để dành đi thăm bá con và bạn bè tản lạc ở nhiều tiểu bang. Đặc biệt, tôi còn một người chị ruột là Nguyễn Thị Thế ở Virginia, gần 80 tuổi, chưa gặp quá 40 năm. Sớm du nhập vào nếp sống Hoa kỳ, cập nhật hoá tin tức và nghiên cứu tài liệu là những nhu cầu khẩn thiết đối với tôi. Quốc tịch Hoa kỳ giúp làm thủ tục xin cho các con khác ở Trung Quốc sang định cư

nếu chúng muốn.

Tôi bắt đầu viết lách lại và xuất bản được trong các năm 1995, 1999 và 2000 ba sáng tác kể ở phía trên: một quyển tiểu thuyết và hai hồi ký. Ngoài ra, tôi hợp tác với nhiều báo Việt ngữ dưới bút hiệu Viễn Sơn. Tôi cũng tiếp xúc với nhiều hội đoàn và tổ chức người Việt. Ngày 12 và 13 tháng chạp 1988, một Đại hội đảng phái quốc gia nhóm sơ bộ tại Santa Ana, California, chỉ định tôi trình bày mục tiêu. Một Văn phòng phối hợp ra đời để nghiên cứu và thảo kế hoạch. Ngày 16.9.1989, một Đại hội chính thức được triệu tập, tôi đọc diễn từ khai mạc, Nguyễn Long Thành Nam thuyết trình về mô thức kết hợp, Trần Đức Thanh Phong về lập trường chính trị và nội quy, Phạm Đình Đệ về kế hoạch công tác. Ngày hôm sau, Đại hội biểu quyết lấy danh xưng là “Ủy ban Điều hợp các tổ chức đấu tranh cho VN tự do”. Văn phòng điều hợp Trung ương được thiết lập và một Thông cáo chung được thông qua. Ngày 25.5.1991, cũng tại Santa Ana, Mặt trận Dân tộc Dân chủ Việt Nam, gồm có 8 đảng và một số nhân sĩ, ra mắt quần chúng. Cơ quan ngôn luận của Mặt trận là tờ Tiếng Dân. Tiếc thay, về sau, một tổ chức trong Mặt trận vi phạm cương lĩnh bằng cách chủ trương thỏa hiệp với cộng sản, đối thoại vô nguyên tắc, đầu cơ. Để tránh những xung đột vô ý nghĩa giữa các thành viên, Mặt trận đã ngưng hoạt động vào năm 1995. Một lần nữa, giấc mơ kết hợp gây thất vọng.

LLT: Thành phần tham gia Đại hội gồm có đảng phái, chính khách nào? Tổ chức nào đã cổ động hòa giải hoà hợp với CS. Sau hết, một cách vắn tắt, anh nghĩ sao về tương lai của Việt Nam?

NTB: Theo thứ tự trong biên bản, các tổ chức tham dự là VN Quốc Dân Đảng, Mặt trận VN Tự do, VN Dân chủ Xã hội Đảng, Liên Minh Dân chủ VN, Lực lượng VN Tự do, Liên Minh Toàn Dân VN Quốc gia, Tổ chức Phục Hưng, Cơ sở Dân quyền Canada, Tổ chức Phục Việt Âu châu... Đại diện đảng và nhân sĩ gồm có Hà Thúc Ký, Nguyễn Ngọc Huy, Bùi Diễm, Lê Duy Việt, Lê Phước Sang, Trần Minh Công, Trần Văn Sơn, Nguyễn Văn Trần, Nguyễn Long Thành Nam, Hà Thế Ruyệt, Hoa Thế Nhân, Trần Huỳnh Châu, Phạm Ngọc Lũy, Lưu Trung Khảo, Trần Đức Thanh Phong, Nguyễn Văn Tại..v.v..

Sau khi Gs Nguyễn Ngọc Huy qua đời, Liên Minh Dân chủ VN vỡ làm đôi. Cánh Stephen Young tiếp xúc với Hà Nội để tìm giải pháp thỏa hiệp. Tôi tin tưởng CS không tồn tại lâu ở VN vì chủ nghĩa Mác Lê đầy mâu thuẫn, tự diệt và xa dân quần chúng. Đấu tranh cho Nhân quyền có thể đẩy động đại chúng và thúc đẩy áp lực của quốc tế đối với Hà Nội. Bởi thế từ 1996, tôi nhiệt liệt cổ động việc thành lập “Mạng Lưới Nhân Quyền VN” Tổ chức này được hợp thức hóa trong Đại hội thế giới triệu tập vào tháng 10.1997 tại California và đang hoạt động hữu hiệu

Kết luận Sự hấp tấp quyền sinh của Nhất Linh và bốn thập niên cố tình ẩn tích của Bs Bách tại một nước CS láng giềng là những điểm nêu câu hỏi trong giới người Việt từng dành nhiều cảm tình cho gia tộc Nguyễn Tường. Gia tộc này đã hiến cho Đất nước những người con ưu tú trong lãnh vực chính trị lẫn văn hóa. Hồi tưởng quá khứ, Bs Bách đã bộc trực thú nhận như sau trong quyển ký ức 2 “VN, Một thế kỷ qua, 54 năm lưu vong”, trang 417,: “... Dù sao việc ở lại Trung Quốc trong bốn mươi năm cũng không khởi gây ra thắc mắc, hiểu lầm, thậm chí công kích từ một số người Việt quốc gia, trong đó có cả thân hữu. Tôi nghĩ việc này cũng là tự nhiên thôi. Mỗi người trong biến cố phức tạp của cuộc đời, có thể có những sai lầm nghiêm trọng.” Nơi trang 251 của tập Hồi ký 1 “VN Một Thế Kỷ qua”, anh Bách cũng không ngại nhắc đến câu Nhất thất túc thành thiên cổ hận, Lỡ một bước đành hận ngàn thu.

Thất bại tuy nhiên có thể là mẹ của thành công nếu biết rút những bài học thích đáng để sửa sai kịp thời. Chỉ có những kẻ khiếm nhược sợ hành động mới không bao giờ sai lầm. Bs Bách đã chọn đường thân không sờn lòng, không mệt mỏi. Trong một trang khác của Hồi ký nêu trên, anh viết - như một lời nhắn nhủ -: “Đời là một cuộc đấu tranh. Thua keo này, bày keo khác, đó là quy luật của cách mạng. Bỏ cuộc tức là chịu thua.” (trang 471).

Nguyễn Tường Bách đáng là tấm gương cho thế hệ trẻ trong công cuộc đi tìm con đường sáng để phục vụ lý tưởng và dân tộc.

Tư liệu:

- 1- “Trên Sông Hồng Cuồn Cuộn”, của Nguyễn Tường Bách, nxb Tân Văn 1995, Californie
- 2- “VN Một thế kỷ qua. Hồi ký I (1916-1946)” của Nguyễn Tường Bách, nxb Thạch Ngữ, Californie 1999
- 3- “VN Một thế kỷ qua, Hồi ký II. 54 năm lưu vong, Trung quốc (1946-1988) - Hoa kỳ (1988-2000)”, nxb Thạch Ngữ 2000.
- 4- “Nguyễn Tường Bách và Tôi” của Hứa Bảo Liên, tác giả tự xuất bản, Westminster 2005.
- 5- “Hồi ký về Gia đình Nguyễn Tường” của Nguyễn Thị Thế, nxb Văn Hoá Ngày Nay, 1996.

Thủy Hoa Trang Ngày 6.6.2006

Kỷ niệm về chú Viễn Sơn Nguyễn Tường Bách Nguyễn Lâm

(con Hoàng Đạo)

Kính thưa chú,

“Trăm năm còn có gì đâu

Chẳng qua một nắm cỏ khâu xanh rì” (Kiều)

Chú ra đi trong thanh thản. Nhưng cháu không nghĩ vậy. Cứ mỗi năm gặp gỡ, lần nào chú cũng thờ dài. Chú vẫn nuối tiếc sự nghiệp dang dở. Chú vẫn chưa thấy mình làm trọn bổn phận với dân tình, với đất nước. Và trước khi nhắm mắt, chú biết rằng mình đã bất lực. Bài thơ CHIỀU viết tại Tiên Sơn (Trung Quốc) hai chú cháu cùng tâm đắc:

“Chiều tà lê gót xóm Kiều hương

Mắt lệ mờ loang bóng phố phường

Tuổi thơ hoài bão nay còn hết?

Vận nước lắm đo mấy ngã đường.

Bao năm bão táp như sồn gối,

Ngàn xưa lý tưởng gấn đau thương

Cây tùng nghênh gió qua ngày tháng

Mái tóc xanh giờ đã điểm sương” (Viễn Sơn)

Hàng năm, dù hai miền đông tây xa cách, cháu vẫn bay sang thăm chú. Cháu muốn tìm lại tình phụ tử mà cháu mất khi chưa đầy 10 tuổi. Cháu muốn nhìn lại hình ảnh thân quen của Ba cháu (Hoàng Đạo Nguyễn Tường Long) qua người em ruột. Cháu muốn ngắm kỹ nét đặc thù của dòng họ từ hình dáng đến tư tưởng. Ba cháu, bác Tam và chú là những người nhiệt thành, phóng khoáng, mang tư tưởng Tự Lực Văn Đoàn, mang tính chất người cách mạng Việt Nam.

Ngày cháu còn nhỏ, khoảng 6,7 tuổi - 70 năm về trước - chú là một thanh niên hiếu động, một sinh viên y khoa sắp ra trường, tương lai rạng rỡ. Dáng người dong dong cao, trắng trẻo, đẹp như lai. Hồi đó chắc nhiều cô theo đuổi. Nhưng sao cháu lại kỵ chú? Cháu sợ mỗi khi chú kề bên. Chú hay chọc ghẹo con nít nhất là ngày ấy cháu trông “ngon quá”. Chú thì thầm: “Sạch sẽ, thơm tho thật! Ra đường cướp thấy nó xẻo tai cho!” Chưa hết! Cháu đang ăn bánh là bị chú cướp giật. Cháu đang uống nước dừa là bị chú hắt đổ. Cháu bực lắm! Chú thích vui, thích đùa cười mà lại đùa dai. Cháu còn bé dại đâu hiểu nổi!

Ngày, tháng qua...

Rồi Cách Mạng tháng Tám năm 1945... Rồi Việt Minh Cộng Sản cướp chính quyền. Rồi thực dân Pháp trở lại. Rồi những người Quốc Gia thua trận phải lưu vong! Chú đã vượt biên giới sang Tàu, tìm lại các anh (Hoàng Đạo, Nhất Linh) tìm lại những người cùng chung chí hướng, cùng nhau mưu đại sự cho ngày mai. Nhưng “mưu sự tại nhân, thành sự tại thiên” hay là vì những người quốc gia chưa đủ trình độ gian xảo như cáo Hồ nên ... suốt đời bôn ba, mất nơi hải ngoại như ba cháu, tự hủy mình để đấu tranh cho nhân quyền như bác Tam, hay tóc bạc mới được hưởng những năm tháng tự do trong tuổi già như chú để cuối đời vẫn ngậm ngùi nuối tiếc chưa trả xong nợ núi sông?! Năm 1988 cháu gặp lại chú. Chú vẫn đẹp nhưng là đẹp lão. Chú trầm tính hơn xưa nhiều. Đây là lúc cháu học nơi chú. Đây là lúc cháu cảm thấy rất gần gũi với chú. Những hoạt động của người cách mạng, những phấn đấu, những đắng cay, những khó khăn mà người yêu nước dần thân phải trải qua. Thời gian này, chú là nhân chứng duy nhất có thể kể lại cho thế hệ sau những biến cố lịch sử xảy ra trong khoảng thời gian 1932-1946. Tên tuổi của những nhân vật siêu việt trong nước hoặc xảo trá bịp bợm nhất lịch sử chỉ mình chú sống sót, là nhân chứng mà thôi. Hơn thế, chú đã dự phần vào cuộc đấu tranh chung ấy. Cháu còn tò mò muốn biết đời sống của chú trong thời gian 39 năm ở Trung Hoa lục địa. Chú vẫn giữ quốc tịch Việt Nam. Là một bác sỹ có lương tâm, chú tận tụy với bệnh nhân không phân biệt chính kiến. Là một người ly hương giản dị, làm việc để vợ con đủ ăn, thế thôi. Thì gia đình mình, từ thời bà nội vẫn thanh bạch, thừa chú! Chú nói chuyện chậm rãi, nhẹ nhàng và điều mà cháu kính yêu nơi chú, sự khiêm tốn. Chú là con người chí tình, là con người không ưa phô trương. Một điểm son nữa ở chú là với bất cứ ai, dù là kẻ thù, chú không một lời thóa mạ, bôi nhọ. Chú còn công nhận kẻ đối đầu là người tài giỏi mặc dù hẳn không cùng chiến tuyến, đi sai đường lối dân tộc. Thế có phải là tính chất Nguyễn Tường không, thừa chú? Chú không phải là người quá khích mặc dù trên phương diện đấu tranh, chú là người cương quyết, quả cảm. Thêm điểm son nữa cháu mến mộ.

Ngày qua... tháng qua... năm qua...

Sự nhanh nhẹn, mình mẫn kém dần... Ai chẳng thế! Biết vậy, sao cháu vẫn đau lòng khi thấy tay chú run lên từng hồi, chân bước nặng nề khó khăn hơn, tóc bạc hơn, phản ứng chậm chạp hơn. Gia đình nhà ta chỉ còn mình chú là bác trưởng thượng. Tuy nhiên so với các anh chị, chú là người thọ nhất. Chú Thạch Lam mất mới ngoài 30, ba cháu qua đời ở tuổi 42, và bác Nhất Linh từ trần khi 57 tuổi. Thâm tâm tự an ủi, chú Bách sống lâu hơn các anh nhiều! Cháu biết chú thích trò chuyện với cháu. Mỗi lần tới thăm, cháu thấy mắt chú sáng lên. Mắt cháu cũng sáng lên vì giờ phút này cháu là người trêu chọc chú. Cháu muốn chú vui. Cháu muốn bộ não của chú hoạt động. Cháu muốn trí nhớ của chú bền bỉ. Mấy năm trước, chú đọc cuốn truyện ngắn đầu tay Sôi Nổi của cháu, chú bảo: “Viết tiếp đi. Viết truyện dài đi. Viết về đất nước, xã hội hay viết chuyện tình... cố gắng viết nhé. Anh viết được đấy. Thích viết về gì?” – “Thưa chú, chuyện tình. Mà phải là chuyện tình của Viễn Sơn Nguyễn Tường Bách cháu mới có hứng. Chú kể cho cháu nghe đi. Cháu không viết thì chẳng còn ai biết tình cảm của chú thuở xa xưa nữa. Chú nghĩ sao?”

Chú im lặng. Cháu thúc giục. Chú chậm rãi: “Quên hết rồi! – Vì nhiều quá? – Không, vì phải quên, vì còn nhiều chuyện quan trọng hơn. – Vì đất nước, cháu hiểu. Nhưng đó là ngày xưa. Bây giờ đã lớn tuổi, có tiếng tăm, chú cần ghi lại những mẩu đời lãng mạn cho hậu thế - Tiếng tăm là cái gì?”. Chú ngờ ngác nhìn cháu như thăm khuyển “Họ Nguyễn Tường không có suy nghĩ kiểu đó!”

Cứ cái điệu này biết bao giờ cháu mới moi được cuộc đời tình ái của chú. Nhưng rồi, chú cũng kể... thi vị và lãng mạn, đẹp như mộng những mối tình dang dở... nào những khi sóng bước trên đường Cổ Ngư, nào những lúc bơi thuyền trên mặt nước Tây Hồ... những tình tiết nên thơ đó chỉ còn là kỷ niệm... chỉ vì lý tưởng, vì đất nước! Cháu vừa phục vừa thương, chú ơi!

Đêm qua giật mình vì tiếng chuông điện thoại từ Westminster cho biết chú đã từ trần lúc hơn hai giờ trưa. Cháu không ngạc nhiên vì từ mấy năm nay chú yếu lắm rồi. Nhưng cháu vẫn lặng người, vẫn thấy hụt hẫng. Tháng 7 này, ngày kỷ niệm 50 năm của Nhất Linh, ngày hội thảo về Tự Lực Văn Đoàn không còn chú nữa! Trống vắng quá!

Đêm nay, ngồi viết những giòng chữ này, hình ảnh chú hiện ra trước mắt. Những ngày cuối cùng của một cụ già còm cõi bại liệt, một con người tài hoa, có chí hướng, đầy nhiệt tâm, chân thành và lãng mạn thuở xưa nay còn đâu!

Trước mắt cháu những cuốn sách của chú bày la liệt... Việt Nam Những Ngày Lịch Sử, Trên Sông Hồng Cuồn Cuộn, Hồi Ký Việt Nam Một Thế Kỷ Qua... và những bài tản văn... Cháu sẽ đọc lại để học hỏi, để nhớ chú, để nhớ một con người mà theo cháu: *Không thành công nhưng thành Nhân.*

Giờ này chú đang đoàn tụ cùng các anh chị và thím. Chú đang vui.
Sẽ có ngày chú cháu mình gặp lại.

Thương kính,
Cháu Nguyễn Lân

(Viết tại Virginia 3 giờ rưỡi sáng ngày 12 tháng 5 năm 2013)

Độc hồi ký "Nguyễn Tường Bách và Tôi" Nguyễn Mạnh Trinh

Ở tuổi của tôi, những điều hiểu biết về Tự Lực Văn Đoàn không phải chỉ gồm trong sách vở. Qua những người quen biết, đã có những câu chuyện, những giai thoại chung quanh những nhân vật đặc biệt của lịch sử này. Cuộc sống của họ, trôi nổi theo những biến cố của đất nước và tôi nghĩ, nếu ở những lớp hậu sinh, nhìn vào đó sẽ gặt hái được nhiều kinh nghiệm. Số phận của những quốc gia nhược tiểu thường không nằm trong chủ quyền độc lập mà thường lệ thuộc vào những kế sách và âm mưu của những cường quốc... Việt Nam là một ví dụ cụ thể nhất. Từ những khai phá về văn chương tạo thành một thời kỳ văn học rực rỡ, những thành viên trong Tự Lực Văn Đoàn còn là những nhà cách mạng và họ là những người hành động có mặt trong những thời kỳ đầy biến động của lịch sử. Nhất Linh, Khái Hưng, Hoàng Đạo,... không phải chỉ là nhà văn mà còn là chiến sĩ, là người đem lý tưởng của văn chương thực hiện trong cuộc sống.

Và một nhân vật, là một trong lớp bác sĩ Tây y đầu tiên của Đại Học Hà Nội, đã viết văn làm thơ từ khi còn trẻ, là chủ nhiệm tờ báo Ngày Nay, là em út trong gia đình bảy người con trong đó có những tên tuổi lẫy lừng: Nhất Linh, Hoàng Đạo, Thạch Lam, cũng là một khuôn dáng lịch sử, của những nhà văn mà cũng là những người cách mạng, đã hành động với lý tưởng đã ôm ấp từ thuở thiếu thời: bác sĩ Nguyễn Tường Bách.

Cụ Nguyễn Tường Bách sinh năm 1916 đến năm nay đã 92 tuổi. Tiểu sử của cụ là nhà văn, phụ trách tờ Ngày Nay bộ mới năm 1945, rồi tờ Việt Nam, tham gia đảng Đại Việt dân Chính rồi sau gia nhập Quốc Dân Đảng hợp nhất của Đại Việt cách Mạng Đảng và Việt Nam Quốc Dân Đảng. Năm 1946 lưu vong sang Trung Hoa và bị kẹt lại khi Mao Trạch Đông chiếm Hoa Lục và hành nghề bác sĩ đến năm 1988 mới cùng gia đình sang định cư ở Hoa Kỳ. Cuộc sống ấy, được cụ viết trong tập tiểu thuyết có phong vị của một tập hồi ký "Trên Sông Hồng Cuồn Cuộn".

Tôi vốn là đứa tò mò và luôn luôn muốn tìm hiểu xem những lớp cha anh của tôi đã suy nghĩ thế nào, đã sống như thế nào trong những thế thời lịch sử đã qua. Tôi độ chừng là từ chuyện

kể của cụ Nguyễn Tường Bách sẽ tìm được những chi tiết lý thú cho cá nhân tôi và có khi cho độc giả nữa. Anh Duy Lam, vốn là cháu của cụ Bách đã sắp xếp để tôi có dịp được hầu chuyện với cụ nhân thể vấn an sức khỏe cụ bà luôn. Chúng tôi dự trù là sau tết âm lịch sẽ cố gắng có một buổi phỏng vấn mà tôi nghĩ sẽ tìm hiểu được nhiều điều từ bên trong lịch sử dân tộc cũng như lịch sử của văn chương cũng như nỗi niềm, tâm sự của người trí thức trước những ngã rẽ quanh co của thời thế.

Nhưng, tuần rồi, nghe tin cụ bà vừa từ trần. Tự nhiên, thấy có một điều gì buồn buồn, mát mát. Những chân dung con người ấy, rồi cũng phải mờ phai. Những cuộc sống ấy, rồi sẽ thành những câu chuyện kể của quá khứ.

Đọc lại cuốn sách cụ vừa viết và xuất bản năm 2005 "Nguyễn Tường Bách và Tôi" như một cách thể tưởng niệm. Cuộc đời ấy, dường như cũng trôi nổi theo thời thế, cũng có niềm xót đau chung của một thế hệ. Trong suốt gần một thế kỷ, trải qua bao nhiêu là dâu biển, sự việc đã đổi thay đến chóng mặt, ngoài một yếu tố. Cái tình của người đối với người, cái sắt son của tình chồng vợ và tấm lòng yêu đất nước dân tộc và quặn đau theo những biến cố lỗi kéo con người vào những hoàn cảnh đau thương. Nhưng, có một điều, là tinh thần lạc quan chan hòa trong hồi ký. Cái tinh thần của hướng đạo sinh cộng với nhân sinh quan đầy chất nhân bản đã giúp tác giả vượt qua được những thác ghềnh của cuộc sống...

Trong tác phẩm, tôi đã gặp một nhà văn Hứa Bảo Liên, với văn phong đơn giản, thành thật nhưng truyền cảm. Ở đó, tôi gặp lại mẫu người vợ, người mẹ tuy là người Hoa nhưng lại mang tinh thần và suy nghĩ của người vợ, người mẹ Việt Nam. Bên cạnh người chồng, trải qua bao nhiêu thăng trầm của cuộc đời, vẫn còn giữ mãi hình ảnh của người yêu lúc trẻ, tài ba, trí thức, yêu đất nước và đầy lý tưởng. Làm người kể chuyện, có những chuyện thật gay cấn, thế mà dưới cảm quan và cái nhìn của cụ, vẫn đơn giản, bình thường, chân thực nhưng chuyên chở được cảm xúc cũng như suy tư lúc đó.

Trong phần mở đầu "Mấy giòng tâm sự" cụ vẫn chân thành tâm sự:

"... Vì có nhiều người khuyến khích và cổ vũ, nên sau một thời gian ôn về quá khứ, tôi mới cầm bút viết. Ban đầu tôi viết có vài ba chục trang" Một người chồng tốt, người cha tốt". Nhưng sau đưa cho một số người thân đọc, thì họ đều cho rằng tôi viết quá ngắn ngủi, sơ sài, cần viết cụ thể hơn, nên thêm vào những nhân vật có quan hệ mật thiết mà tôi đã gặp và nên kể thêm về mình nữa.

Tôi đang cố gắng định viết, thì tai bay vạ gió, tôi mắc phải một căn bệnh hiểm nghèo, phải mổ và chữa chạy hơn một năm trời. Phải chạy điện, tiêm thuốc ròn rã thực là khổ sở. Nhìn những giọt thuốc từ từ rỏ vào mạch máu vì không muốn bỏ phí thì giờ trôi đi lãng phí, tôi cố gắng cầm bút, có khi ngồi, có khi nằm, nguệch ngoạc viết. Tôi cố thuật lại những sự kiện đã qua, vì tôi nghĩ rằng có nhiều sự kiện chỉ có tôi biết mà thôi, anh Bách thì chắc chắn sẽ không viết, nếu tôi không viết ra thì phí mất. Cuối cùng, tôi viết ra được cuốn hồi ký nhỏ này, ít ra cũng là thành thực và khách quan..."

Viết trong hoàn cảnh đau ốm như vậy phải kể là người có nghị lực nhất là ở niên kỷ đã cao như cụ. Là người luôn sống với kỷ niệm và không bao giờ quên kỷ niệm, cụ bắt đầu thiên hồi ký của mình với một thành phố: Hà Nội:

"Ngay bây giờ, trong lúc đứng trên những mảnh đồi xanh mướt, hay những bãi cát vàng vô tận, gợn sóng bạc nhấp nhô của bờ biển Tây Thái Bình Dương Hoa Kỳ, tôi lại nhớ. Nhớ tha thiết tới

những cánh đồng lúa tại ngoại thành Hà Nội, hay mặt nước xanh êm đềm của hồ Hoàn Kiếm hay hồ Tây mênh mang.

Hà Nội là nơi chôn nhau cắt rốn của tôi, là nơi mà tôi không bao giờ quên được, là nơi mà mỗi khi lưu lạc chốn nào trên thế giới, tôi vẫn thường nhớ tới. Vì quãng đời thơ ấu và tuổi trẻ của tôi, những ngày có bao nhiêu kỷ niệm tươi đẹp, nhưng vẫn pha lẫn bao u buồn, đều đã qua tại thành phố đặc biệt ấy...”

Tác giả là con gái của một ông bang trưởng người Trung Hoa, nhưng sống gần gũi nhất và cũng là người yêu thương nhất là người bà và người mẹ. Tuy sống trong một gia đình giàu có nhưng hoàn cảnh của bà là tình cảnh của một đứa con lớn lên trong nhiều nghịch cảnh. Khi người bà và người mẹ mất đi, bà phải phấn đấu để cố gắng vượt qua những trở ngại trong gia đình. Ở ngoài xã hội, tác giả là một cô gái năng động, thích thể thao, có lý tưởng, yêu đất nước, dân tộc. Hè năm 1943, bà bị quân Nhật bắt giam vì tham gia vào những việc phản kháng. Sau được bảo lãnh và trả tự do cùng với sự cam kết sẽ không dính vào những vụ việc phản kháng nữa. Tác giả hay lui tới nhà thương Phủ Doãn và ở đây đã gặp và quen biết với sinh viên Nguyễn Tường Bách học Y khoa năm cuối cùng đang tập sự tại đây. Trai tài gái sắc, hai người trở thành một cặp tình nhân lý tưởng dù thời cuộc lúc ấy vô cùng rối ren, bom mìn thả khắp nơi, lại có nạn đói chết hàng triệu người ở miền Bắc, rồi quân Nhật đảo chính và sau đầu hàng Đồng Minh. Quân Tưởng vào miền bắc rồi rút đi, cuộc chiến tranh với Thực dân Pháp và cuộc chiến Quốc Cộng...

Bác sĩ Nguyễn Tường Bách đã tham dự vào những hoạt động chính trị với sự hăng say của tuổi trẻ. Làm chủ nhiệm báo Ngày Nay bộ mới với tôn chỉ của người Việt quốc gia, sau đó làm chủ bút Việt Nam Thời Báo, rồi chủ nhiệm tờ Việt Nam. Cùng với Khái Hưng và Hoàng Đạo, ông viết bài để đối chọi lại với tờ Cờ Giải Phóng của Việt Minh lúc đó. Trong khi đó, tác giả Hứa Bảo Liên vừa đi dạy học và cũng vừa tập tành cầm bút và dịch từ Việt ngữ sang Hoa ngữ những bài viết trên Việt Nam và Việt Nam Thời Báo.

Năm 1946, tác giả sang học tại Đại Học Văn Nam ở thành phố Côn Minh. Ở đây tình cờ bà gặp lại những người quen biết của Việt Nam Quốc Dân Đảng từ Việt Nam chạy qua như Nguyễn Tường Tam, Hoàng Đạo, Vũ Hồng Khanh, Xuân Tùng,... Và sau này bà cũng gặp lại bác sĩ Nguyễn Tường Bách từ Hà Khẩu chạy qua sau những ngày chiến đấu với Việt Minh.

“Chúng tôi gặp nhau trên đất xa lạ này, thực là không ngờ. Sự trùng phùng nhanh chóng này làm tôi không khỏi nghĩ đến nhiều khi người ta chỉ khác nhau ở một bước đi, mà cả cuộc đời đã thay đổi hẳn, Mấy tháng trước nếu tôi thay đổi ý kiến ở lại Hà Nội. Tôi không khỏi rùng mình khi nghĩ đến những sự kiện có thể xảy ra- bất bớ, tù tội do những kẻ ngạo mạn, điên cuồng! Sinh ly, tử biệt do chiến tranh bùng nổ! Lại rất có thể vì hoàn cảnh ác liệt, thời gian quá xa xôi, đến khi có dịp gặp lại nhau, một sợi dây vô hình đã ngăn cản giữa chúng ta thì sẽ ra sao?

Cuối năm đó chúng tôi đã thành hôn với hình thức đơn giản, không thủ tục và cũng không có nhân chứng. Chỉ có lòng tin ở nhau, can đảm cùng bước vào tương lai còn mờ mịt...”

Sau khi ở Côn Minh một thời gian, mọi người di chuyển về Quảng Châu cho gần Việt Nam hơn và tiện mọi việc liên lạc. Mọi người sống rất đạm bạc, lưu vong nhưng vẫn cố gắng hoạt động để mong ngày trở về. Giữa năm 1946, có một cái tang lớn, nhà văn Hoàng Đạo từ trần trên chuyến xe lửa từ Hồng Kông đi Quảng Châu và chôn cất ở bên đường. Trong lúc túng quẫn, tác giả phải là người đi chạy tiền để có ngân khoản lo liệu:

“...Tôi biết số tiền này rất cần, nhưng số tiền lớn như vậy, tương đương với hai lượng vàng, không biết có thể vay được hay không? Nhưng nay không còn thì giờ để nghĩ ngợi được nữa.

Lúc đó vào buổi trưa, trời nắng chang chang, giao thông lúc này cũng không tiện lợi. Ra tới bến tôi phải đợi tàu qua sông và đi bộ khá xa. Nhà cô ta ở phố buôn bán, lại cũng không biết bây giờ cô ta có ở nhà hay không?

Cô Bình là bạn thân của tôi khi còn ở Hà Nội. Vừa gặp cô tôi nói luôn việc tôi muốn nhờ. Cô bạn biết tính tôi, nếu không cần lắm, tôi không bao giờ vay mượn ai cả. Nên sau khi nghe tôi nói, cô bảo tôi ngồi chờ. Tôi thấy cô bạn bịu chạy lên chạy xuống. Một lúc 1lâu cô đưa cho tôi một tập giấy bạc hỗn độn giấy lớn giấy nhỏ. Xem ra cô phải mượn tạm của mấy cô em dâu mới đủ. Tôi mừng quá, vội gài cẩn thận vào túi trong rồi vội vàng cáo từ ra về.

Khi về đến nhà đã gần tối, cả nhà đang chờ đợi. Sau khi trao số tiền cho anh Tam, tôi mệt lử vì trong nửa ngày hôm nay tôi đã vừa đi vừa chạy không biết bao nhiêu cây số. Đó là chưa kể khi còn phải chờ đợi để chen chúc nhau đáp tàu qua sông...”

Sau đó là tan tác. Phần đông mọi người trở về Việt Nam trong khi bác sĩ Nguyễn Tường Bách ở lại Trung Hoa và kẹt lại cho đến khi Hồng Quân Trung Hoa chiếm được cả Hoa Lục. Một cuộc sống mới được kể ra với sự chân thực của người kể. Bao nhiêu là biến cố: cải cách ruộng đất, công tư hợp doanh, tức phẫn, tam phần, phản phái hữu, công xã nhân dân nhảy vọt lớn, đại cách mạng văn hóa,... tất cả được gói gọn trong những trang sách khiến độc giả từ những nhan đề khẩu hiệu lạ tai ấy biết được một phần nào chính tình Trung Hoa qua cái nhìn và cảm nhận của một người dân bình thường. Cuộc sống đầy những cái chết vô lý, những sự bất công và con người đối xử với nhau hành hạ nhau nhiều khi làm hạ thấp vị trí của con người xuống thành con vật. Gia đình bác sĩ Nguyễn Tường Bách may mắn không bị bách hại gì nhưng cũng phải chịu chung đời sống nghèo đói thiếu thốn của mọi người. Tác giả thì dạy học, còn bác sĩ Bách thì làm ở nhà thương cho đến khi về hưu. Năm 1988, sau hơn 40 năm sinh sống ở Trung Quốc, gia đình tác giả định cư ở Hoa Kỳ và hiện sinh sống tại Nam California.

Đọc xong những trang hồi ký, nghĩ về một người vừa từ trần, tôi thấy hình như mình vừa được nghe chuyện về một người vợ hiền, một người mẹ tốt. Sinh trưởng trong một gia đình giàu có nhưng vẫn cố gắng học tập rèn luyện và luôn luôn nghĩ rằng thân phải tự lập thân và không nhờ cậy gì đến sự giàu có của gia đình. Với tinh thần phấn đấu của hướng đạo sinh, tham gia làm những công tác xã hội không quản thời giờ và tiền bạc cũng như thường giúp đỡ những người nghèo khổ kém may mắn.

Dòng dã gần cả một thế kỷ, đất nước Việt Nam đã trải qua biết bao nhiêu biến cố và những cuộc đời bị lôi theo con lốc ấy đã thành những cuốn hồi ký sống động. Trong văn học Việt Nam có quá nhiều cuốn hồi ký nhưng phần đông đều viết với chủ ý ngoài văn chương, hoặc để phân bua bào chữa cho mình hoặc có dụng ý đánh bóng tự khen mình. Hiếm có cuốn hồi ký như “Nguyễn Tường Bách và tôi” của tác giả Hứa Bảo Liên. Qua cái tôi của tác giả, chúng ta thấy được những nét phác họa đời sống, sinh hoạt, suy tư, của chân dung Nguyễn Tường Bách. Và cũng ở đó, chúng ta nhìn thấy những nhân vật lịch sử đang sống, đang hoạt động như Nhất Linh Nguyễn Tường Tam, như Hoàng Đạo Nguyễn Tường Long, như Vũ Hồng Khanh, như Xuân Tùng... Họ sống lưu vong, vật lộn với đời sống khó khăn ở xứ Trung Hoa và luôn luôn hướng vọng về đất nước chờ một chuyến trở về.

Dù thiên hồi ký này viết với bút pháp đơn giản tự nhiên nhưng cũng có những đoạn tả tình tả cảnh khá lý thú. Những thành phố, những con sông không phải chỉ là đơn thuần những địa

đang mà còn là nơi chứa đựng những kỷ niệm một đời mà khi tác giả tả lại hoặc nhắc đến là với cả tấm lòng gửi theo. Có lẽ tác giả đã viết bằng cảm xúc của trái tim mình hơn là lý luận của bộ óc suy tư.

Đời người dù dài hay ngắn đều cũng phải qua đi theo lẽ sinh diệt của đất trời. Nhưng, có những điều vẫn còn tồn tại. Đó là những trang sách, như một đóng góp cho đời, như trong hồi ký “Nguyễn Tường Bách và tôi” của cụ bà Hứa Bảo Liên. Xin cầu nguyện cho hương hồn cụ bà thông dong nơi đất Phật...

Thạch Lam, hình bóng khôn nguôi

Nguyễn Tường Giang

(con trai Thạch Lam)



Chân dung Thạch Lam

(Đình Cường 2004)

sơn dầu trên carton 40 x 40 in

Tôi biết nói gì về một người cha, khi ông mất, tôi mới chưa đầy ba ngày tuổi. Tôi chưa bao giờ nhìn thấy ông, được nắm tay ông, hay như những người con may mắn khác, được gọi ông bằng cha và được nghe ông gọi tên tôi, nhưng tôi luôn luôn hình dung và bị ám ảnh bởi cái chết của ông, cái chết của một nhà văn nghèo, bệnh hoạn và còn quá trẻ. Nếu tôi có được cái tài của một họa sĩ, như Picasso chẳng hạn, vào thời kỳ blue, tôi sẽ vẽ lại cái khung cảnh ấy. Đó là một người đàn ông gầy và cao nằm trên một cái giường tre nhỏ, trên người đắp một cái chăn mỏng, ngực lép xẹp nhưng khuôn mặt có dáng dấp Tây phương, gò má hóp, mũi cao và nhất là hai con mắt sâu thẳm, đầy bóng tối, khuất sâu dưới hàng lông mày rậm, mái tóc rất đen, mềm và dày, vài sợi tóc lòa xòa trên vàng trán cao. Tất cả đều mờ ảo trong nền màu xanh đậm nhạt, như sáng lên trong bóng tối. Bên cạnh giường là hình ảnh mờ nhạt của hai người đàn bà tóc quấn khăn nhưng, áo dài the đen, một người lớn tuổi, cằm hơi vuông, mắt sâu và lông mày rậm, một người trẻ hơn nhưng khuôn mặt phẳng phất khuôn mặt người mẹ, hai người ngồi phía cuối chân giường, hơi nghiêng về phía trước. Một người đàn bà nhỏ nhắn, tóc buông đen dài trên áo cánh trắng, khuôn mặt nhỏ và thon, đôi mắt buồn rầu như muốn khóc, nắm tay người đàn ông, những ngón tay dài, thon nhỏ và xanh xao. Phía trên giường nằm mở ra một cửa sổ, có đôi chút ánh nắng chiếu vào, màu trắng nhạt, xa hơn là bóng những cành liễu nhỏ, rũ xuống, buông lơ lửng mờ nhạt. Tựa đề của bức tranh: “Cái chết của một nhà văn trẻ”. Tôi không thể không nghĩ tới số phận của những nhà văn Việt nam thời đó, và có thể cho tới bây giờ. Những người làm văn chương và nghệ thuật, những nhà báo, đã hy sinh đời mình cho lý tưởng và cái đẹp, hình như vẫn chỉ là những người có một đời sống vật chất rất khiêm nhường trong

xã hội, phải chăng chỉ vì cái lạc thú được theo đuổi những giấc mơ của chính mình. Còn những người thân cận, những vợ, con của những nghệ sĩ tài danh đó, hoặc là bươn chải cho giấc mơ của chồng, cha hoặc âm thầm hy sinh và chịu đựng những cơ cực của đời thường. Tôi nghĩ, đó chính là hình ảnh và thực tế của đời sống Thạch Lam, cha tôi. Đó là lời phát biểu bộc phát khi tôi, như một người con phải nói đôi điều về Thạch Lam trong buổi hội thảo Tự Lực Văn Đoàn và báo Phong Hóa/ Ngày Nay: “Tôi không biết là tôi thương ông hay không thương ông”. Thạch Lam, như một người cha đã thường xuyên vắng mặt, nhưng tên tuổi và những tác phẩm để lại, cái gia tài tinh thần ít ỏi và ngắn ngủi của ông, lại ảnh hưởng đến cuộc đời tôi biết bao, trên bảy mươi năm ròng rã, để tôi đã là tôi ngày hôm nay, chắc chắn không có thể xảy ra khác được, như con đường đã được chọn lựa, từ khi tôi ba ngày tuổi và từ khi ông từ bỏ cuộc đời này, vĩnh viễn.

Tôi bắt đầu biết đến văn chương Thạch Lam từ một buổi học Việt văn khi tôi ở lớp đệ thất (lớp 6 bây giờ) trường trung học Hồ Ngọc Cẩn khi mới di cư vào Nam. Tôi còn nhớ khá rõ thầy giáo dạy Việt văn tên Hải, một hôm gọi tôi đứng lên đọc một đoạn văn trong chương trình, một đoạn văn trích dẫn trong một truyện ngắn nào đó của Thạch Lam. Tôi đứng lên, đọc thông suốt, không ngập ngừng, như đoạn văn đó đã ở trong trí nhớ tôi từ lâu, lâu lắm. Đến khi tôi ngừng đọc, thầy giáo Hải có vẻ cảm động, khen tôi đọc bài lưu loát và tình cảm. Tôi ngồi xuống, mắt đỏ hoe. Tôi đã biết Thạch Lam là cha tôi do những lần mẹ tôi dẫn đến nhà bác Tam (Nhất Linh) ở Hàng Bè -Hà Nội, hay những lần bà nội cho người gửi tiền đến cho mẹ tôi, nói là tiền in sách của cha tôi. Trong suốt thời niên thiếu ở Hà Nội, theo bậc tiểu học ở trường Hàng Than (Nguyễn Công Trứ), những đoạn văn tôi đọc chỉ là những bài viết trong mấy tập Tân Quốc Văn hoặc Quốc Văn Giáo Khoa Thư, tôi chưa bao giờ nhìn thấy và đọc một cuốn truyện của Thạch Lam. Có lẽ tôi còn quá nhỏ chưa đủ hiểu biết để đọc tiểu thuyết, hoặc là vì tôi chỉ ham mê đọc truyện kiếm hiệp hay truyện Tàu, đôi khi đọc những truyện trẻ con như Đế Mèn Phiêu Lưu Ký hay truyện dịch ngoại quốc Tâm Hồn Cao Thượng, Vô Gia Đình... Chỉ có một khoảng thời gian ngắn trước khi di cư vào Nam tôi mới bắt đầu tiếp xúc với văn chương Tự Lực Văn Đoàn, chủ yếu là Khái Hưng, Thế Lữ, Nhất Linh và Trần Tiêu. Tuyệt nhiên không có Hoàng Đạo và Thạch Lam. Thầy giáo Hải sau đó, có lẽ biết tôi là con của Thạch Lam, nên rất ân cần và nâng đỡ tôi trong giờ Việt văn. Tôi rất cảm động trong tình thầy trò thì ít, nhưng có lẽ tôi đã nhìn thấy cha tôi qua sự yêu mến văn chương Thạch Lam của thầy. Tôi bắt đầu có những ý thích về văn chương và nuôi mộng trở thành một nhà văn, như cha tôi Thạch Lam. Nhưng viết văn không phải cứ muốn là được, và ở tuổi tôi, có biết bao nhiêu điều vui thú khác quyến rũ hơn, cộng với tính lười biếng và ham chơi, tôi không bao giờ làm gì hơn là những bài luận văn để lấy điểm trong lớp. Về sau này, tôi nhớ có hai lần quyết tâm theo đuổi nghiệp văn chương. Lần đầu tiên vào khoảng năm 1957-58, khi bác Tam bỏ Đà Lạt về Sài Gòn làm báo Văn Hóa Ngày Nay, tôi có cặm cụi viết một vài truyện ngắn đưa cho bác Tam đọc, một tuần sau đó, nhân một buổi đến thăm bác, bác ký tặng tôi một số Văn Hóa Ngày Nay và nói: cháu còn trẻ và viết văn giống Thạch Lam quá, cháu nên viết những gì riêng biệt cho cháu thì tốt hơn. Bác Tam cũng khuyên tôi nên đọc thêm nhiều sách khác, nhưng ông khuyên tôi không nên đọc cuốn Bướm Trắng của ông vì tôi còn quá nhỏ. Tôi đã không có cái can đảm để cong lưng viết thêm vì không thấy hứng thú, và bay lượn với những đường banh trên sân cỏ đã quyến rũ tôi hơn. Gần mười bảy năm sau, trong khi đang hành nghề y khoa, tôi lại một lần nữa cảm thấy sự thúc đẩy từ sâu thẳm trong tâm hồn, tôi bỏ hết thì giờ và năng lực để hoạt động trong môi trường sách báo, viết văn và làm thơ, nhưng sự kết thúc bi thảm của chiến tranh (một điều tôi rất mơ ước) đã đẩy tôi tới một môi trường sống khác, tôi lại không có cái can đảm như một nhân vật trong truyện Ngày Mới của Thạch Lam, tìm thấy hạnh phúc trong một đời sống thanh đạm và giản dị, nói chung là một cuộc sống nghèo, để theo đuổi giấc mộng văn chương.

Vào khoảng thời gian những năm đầu di cư vào Nam, tôi đang ở tuổi thiếu niên, tuổi mới lớn và có nhiều nhu cầu vật chất. Mẹ tôi lúc đó là một công nhân lao động ở nhà Bưu Điện, lương bổng ít ỏi chỉ đủ ăn hai bữa cơm rất thanh đạm hàng ngày. Lúc đó, cái gia sản vật chất nhỏ bé cha tôi để lại, dù chỉ là một số lượng sách khiêm nhường, cũng đã giúp anh tôi và tôi có được

áo quần tươm tất và phương tiện di chuyển như các bạn cùng lứa thuộc gia đình trung lưu. Đó là lúc bác Tam (Nhất Linh) thành lập nhà xuất bản Phương Giang và in lại một số truyện ngắn của Thạch Lam, và cũng là thời gian tôi làm quen nhiều với những tác phẩm của cha tôi, vì kèm theo tiền bản quyền, nhiều khi do chính tay bác Tam đưa tới, chúng tôi cũng nhận được một số sách để giữ hoặc tặng bạn bè. Không thể nói là tôi sống trong cái bóng của cha tôi, nhưng quả thật những truyện ngắn ông viết đã ảnh hưởng nhiều trong cuộc đời tôi. Không phải là thường xuyên, nhưng những gì ông viết ra, bất chợt nhắc nhở tôi trong những tình huống đặc biệt, từ đó tôi tập sống làm một người lương thiện, biết thương yêu những người nghèo khó, những hoàn cảnh khốn cùng. Tôi cố gắng trong cư xử hòa thuận, tôn trọng nhân phẩm mọi người và hiểu rằng đôi khi một hành động nhỏ không suy nghĩ có thể gây ra những tai hại lớn lao và khốc liệt cho người khác. Tôi cũng học tập và tin tưởng qua những điều ông viết, là một đời sống thanh đạm và giản dị là căn bản của hạnh phúc, rằng tiền bạc chỉ là những ảo tưởng phù du. Nhưng than ôi, đối với đời sống và quan niệm thực tế thời tôi lớn lên, và nhất là sau này khi phải lưu lạc nơi đất Mỹ, những suy nghĩ và hành xử của tôi trong xã hội chỉ làm tôi là một người đứng bên lề. Dĩ nhiên, để đối phó với những khó khăn của cuộc sống, tôi phải hòa mình sống như mọi người. Tôi cũng đã có nhiều lần nghĩ những điều không tốt đẹp, có những hành động và cư xử có thể làm tổn thương người khác, cũng tranh đua với đời. Mỗi lần như thế, nghĩ đến danh tiếng của cha tôi, nhớ đến những bầy tỏ về tính nhân bản trong các truyện ngắn của ông, đêm nằm nhìn lên trần nhà, tôi cảm thấy vô cùng xấu hổ và khổ sở.

Đã có rất nhiều lần trong đời, tôi rất bất mãn và ngượng nghịu trong xã giao đời thường, khi được giới thiệu: “Đây là anh/ông Giang, con út nhà văn Thạch Lam”. Lời giới thiệu đó đã làm tôi rất khó chịu và rất khó đối xử, vì tôi bị chộp ngay vào đầu cái vòng kim cương của cha tôi, tôi không còn là tôi nữa, những ý tưởng của tôi đã bị điều kiện hóa. Tôi không biết phải ứng xử ra sao để phù hợp với “con út của nhà văn Thạch Lam”. Đôi khi, những người bạn văn nghệ bàn về cái hay cái đẹp của văn chương Thạch Lam, mặc dù tôi rất thích văn chương ông, nhưng mặc cảm về liên hệ cha con đã khiến tôi, hoặc im lặng, hoặc lánh tránh. Tôi, đôi khi chỉ muốn là con của một người bình thường nào đó, không có tiếng tăm và được yêu mến như Thạch Lam. Bây giờ, đã hơn bảy mươi tuổi đầu, khi đọc lại những tác phẩm của Thạch Lam, tôi thường thức với cảm xúc khách quan của một độc giả, tôi rất hãnh diện khi có người nhắc tới tôi là con của nhà văn Thạch Lam, trong Tự Lực Văn Đoàn, một nhà văn tôi cũng rất yêu quý vì văn tài của ông. Thực tế, dù chấp nhận hay từ chối, tôi đã là con của Thạch Lam. Cũng chẳng còn bao lâu nữa, tôi sẽ có dịp gặp lại mẹ tôi và Thạch Lam, lúc đó có thể tôi sẽ được nắm tay ông và nhìn vào đôi mắt sâu thẳm của ông để gọi hai tiếng:

Cha ơi. Hai tiếng ngắn ngủi đã bao nhiêu năm tôi vẫn hằng mong ước.

08/21/2013

Nguyễn Tường Bách Việt Nam, một thế kỷ qua Nguyễn Sĩ Tế

Tôi được hân hạnh đọc và giới thiệu một thiên hồi ký đặc biệt của một tác giả thuộc hàng huynh trưởng nổi danh, cuốn Việt Nam, Một Thế Kỷ Qua (cuốn I: 1916-46) của Nguyễn Tường Bách. Nơi một quốc gia, sau một thời kỳ đại loạn với muôn ngàn biến cố mà ý nghĩa cùng chính sự việc còn là đối tượng truy cứu và đề tài tranh luận của nhiều người, thường khi người ta thấy xuất hiện một loại văn chương gắn bó với lịch sử trong đó, thể tài hồi ký xem ra được lưu tâm hơn cả. Cuốn Mémoires - Hồi Ký - của tướng De Gaulle- Pháp-quốc, anh hùng kháng chiến chống Đức, viết sau thế chiến II, là một thí dụ điển hình. Cũng thế, trong cuộc đời của một nhân

vật quan trọng mà thân phận phải thăng trầm theo biến thiên xã hội, chính nhân vật đó trong lúc rảnh rỗi về sau, chép lại những kỷ niệm riêng tư của mình nối kết với bối cảnh lịch sử trên. Sách này cũng là hồi ký. Điển hình cho loại hồi ký này là cuốn Mémoires d'outre tombe - Hồi ký bên kia nấm mồ - của Chateaubriand, một văn tài thế kỷ 19 Pháp, rời quê hương lưa lác tại Anh quốc và Mỹ quốc, kể lại chuyện đời mình.

Cuốn Việt nam, Một Thế kỷ Qua của Nguyễn Tường Bách là một thiên hồi ký đứng lưng chừng giữa hai loại hồi ký nói trên. Một mặt, nó cho ta theo dõi cuộc đời của một người sinh ra, lớn lên, học hành, yêu đương, viết văn, làm chính trị từ hồi đầu thế kỷ trở về sau (1916-1946). Mặt khác, nó soi sáng nhiều sự việc chung quanh một người đã tham dự, làm chứng nhân và nạn nhân của một sân khấu chính trị ung nhọt đầy xảo trá của phe đối nghịch. Tác giả đã có cái may mắn làm em út trong một gia đình có tiếng - gia đình Nguyễn Tường - mà mấy ông anh đã sớm thành công trong lãnh vực văn học và là thành viên sáng lập của một văn đoàn - Tự lực văn đoàn - có một chủ trương văn hóa tiến bộ. Để rồi chẳng bao lâu, tác giả lại làm một thành viên của một đảng phái chính trị - Việt nam Quốc Dân đảng - đã có một quá trình và thành tích đấu tranh từ hai thập kỷ trước.

Dù theo khuynh hướng biên niên (Annales, chroniques) hay khuynh hướng tự thuật (autobiographie) thì hồi ký vẫn không phải là lịch sử. Lịch sử có vấn đề sử quan và phương pháp khoa học trong viễn tượng của một thứ lịch sử đại đồng. Hồi ký giới hạn vào hành động riêng tư, cung cách biện minh và diễn giải chủ quan của người viết. Lịch sử sử dụng tư duy và lý hội (comprehension) một cách thanh quang của một hay nhiều người, ít nhiều đứng ở ngoài lịch sử. Hồi ký xoay chung quanh sự sống toàn diện với ý nghĩ và cảm quan sôi động của người viết. Thế mà từ sự nghĩ đến sự sống, con đường còn xa - du pensée au vécu, il y a loin. Đó cũng là cái sở trường và sở đoản tương đối của hai bộ môn văn học trên đối với người thường ngoạn văn chương hay người đi tìm chân tướng của quá khứ.

Tôi yêu cái thế tình - humain trong câu chuyện tâm sự của Nguyễn Tường Bách. Thiên hồi ký của ông mở ra cho chúng ta thấy cái bản chất uyển chuyển và đa dạng không dấu diếm trong con người của ông: một bác sĩ - nhà văn - nhà báo - nhà hoạt động chính trị. Trong một bản chất phức tạp, một số thành tố thường làm ngáng trở cho nhau, nhất là chất nhà văn và chất nhà chính trị. Viết trong những năm tuổi tác đã cao, chuyện áo cơm danh vọng không còn là mối lo, kỷ niệm xưa lắng đọng, nhận thức quan thanh thản, tác giả của thiên hồi ký đã phục hồi được cái khí thế của văn tài của ông trong những năm đầu.

Ông bước vào làng văn qua cửa ngõ của Tự lực văn đoàn. Hồi ký bao giờ cũng là của một nhân vật đã tác động hay chứng kiến một thời quá khứ không xa xưa. Trong tư thế đó, cuốn Việt nam, Một Thế kỷ Qua có mang phần cống hiến lịch sử của nó. Cống hiến cho người đọc văn học Việt nam thời hiện đại về chủ trương, đường lối, thành viên, bằng hữu, việc làm và công trình của một văn đoàn tiên phong, có tổ chức quy mô. Cống hiến cho người nghiên cứu hay tham khảo lịch sử Việt nam thời hiện đại về một số sự việc chưa được biết tới một cách tường tận, hoặc còn ẩn khuất trên sân khấu chính trị cực kỳ rối ren của nước nhà hồi 1946 trở về trước: - các đảng phái, các liên minh, hoạt động trong và ngoài nước của họ, thái độ của thành phần nho gia, trí thức mới trước thời cuộc... Nhất là trong tình trạng của môn sử học đầy dẫy những mạo tác, những xuyên tạc của các nhà cầm quyền trong chế độ độc tài. Đối với thứ lịch sử tuyên truyền đó, Việt nam, Một Thế kỷ Qua của Nguyễn Tường Bách là một phần bác hùng hồn vậy. Lại nữa, muốn lý hội cho trọn vẹn một thiên hồi ký, ta phải lấp nó vào cái bối cảnh lịch sử toàn diện của nó (contexte historique). Một cái nhìn đối chiếu và tổng hợp các sử liệu, một động viên trí nhớ của toàn dân cho ta rõ ngay về cái bối cảnh đó: quang cảnh của một dân tộc làm than dưới ách thống trị của thực dân Pháp và trong ánh sáng tranh tối, những hoạt động của các hội kín làm chính trị, của các văn đoàn, báo chí, học sinh, sinh viên... tranh đấu cho tự do của giống nòi. Kế đó, trong cao điểm chung quanh năm 1945, với sự bại trận của

thực dân quân phiệt Nhật hất chân thực dân Pháp, lịch sử Việt nam đã ghi nhận một tấn thảm kịch vô cùng xót xa của một dân tộc vừa mới thấy bình minh của độc lập ló rạng thì đã sa vào một cuộc chiến tranh ý hệ, huynh đệ tương tàn mà rơi dần vào trong bàn tay sắt của Đệ Tam Quốc tế . Dân tộc bị phản bội, người có ý hướng cứu nguy rời xa, chiến tranh đế quốc kéo dài... Thiên Việt nam, Một Thế Kỷ Qua đã giống lên một tiếng nói trong lành trong tiếng nói của toàn dân Việt đã bị đẩy tới cái ý nghĩa tận cùng của tấn thảm kịch trên: họa vong quốc. Ích lợi trong việc đi tìm cái chân và cái thiện của mọi người Việt nam sinh sau - nhất là các bạn trẻ ly hương - nơi tác phẩm của Nguyễn Tường Bách không phải là nhỏ.

Cách đây hai năm, trong lời phát biểu vào dịp lễ ra mắt cuốn tiểu thuyết dài Trên Sông Hồng cuộn cuộn của Nguyễn gia, tôi có nhấn mạnh về cái mối xúc động thẩm mỹ bao trùm của sáng tác phẩm đó ở nơi cái đau và cái đẹp của một sự thất bại bất công - danh từ bất công hiểu theo nghĩa nặng của người Tây Phương. Tôi thấy chuyễn qua thiên hồi ký Việt nam, Một Thế Kỷ Qua, nhận định của tôi cũng đúng. Để kết thúc, tôi cũng xin ghi lại sau đây một bài thơ tứ tuyệt tôi làm cách đây chừng một năm chưa đề tặng ai, nay xin tặng người bạn già, tác giả bài thơ Chiều đặng ở cuối sách, cùng ly hương trên đất Mỹ như tôi. Gọi là để nói lên cái tâm sự héo hon chỉ còn biết đặt trọn niềm hy vọng và tin tưởng vào ý chí của các bạn trẻ, những người đến sau tôi trong cuộc cờ nhân thế.

Cựu mộng

Mây trắng vẫn là mây trắng cũ,
Trời xanh đâu cô khác trời xưa.
Giếng sâu áp ủ lòng thương nhớ
Đôi cánh chim bằng tạt đậu thưa.

(G.G. 22-4-98)

Bác sĩ Nguyễn Tường Bách-Người kết thúc chiến tranh quốc cộng 1945 Nguyễn Tường Tâm

Sự ra đi của Bác sĩ Nguyễn Tường Bách ngày 11/5/2013 tại Fountain Valley , Orange County, California, hưởng thọ 97 tuổi, đã hoàn toàn kết thúc cuộc chiến tranh Quốc-Cộng 1945...(về phe Quốc Gia). Phe Quốc Gia ở đây được định nghĩa là những người chống lại lý thuyết Mác Xít, chống lại Cộng sản. Phe Cộng sản thì vẫn còn một người thuộc thành phần lãnh đạo từ thời 1945 là Đại tướng Võ Nguyên Giáp. Cũng nên biết thêm, cụ Bách là cộng tác viên thân cận của nhóm Tự Lực Văn Đoàn từ ngày nhóm này ra số báo Phong Hóa đầu tiên (thời gian này nhóm chưa lấy tên là TLVĐ).

Về quân sự cụ Võ Nguyên Giáp đi trước cụ Bách. Vào năm 1944 trong khi cụ Bách mới tốt nghiệp Đại học Y khoa Hà Nội thì theo tài liệu của Cộng sản, vào ngày 22-12-1944 tại Cao Bằng cụ Giáp thành lập Việt Nam tuyên truyền Giải phóng quân (tiên thân của quân đội nhân dân Việt Nam) tại chiến khu Trần Hưng Đạo, lúc đó có 34 người được trang bị 2 súng ngắn, 17 súng trường, 14 súng kíp và duy nhất một súng máy. Nhưng không có tài liệu hay chứng cứ nào cho thấy sau đó lực lượng vũ trang vài chục người đó được phát triển nhiều hơn. Lịch Sử đảng Cộng sản cũng thừa nhận sau khi Nhật thất trận, các tù nhân chính trị được chính phủ Trần Trọng Kim trả tự do, trong đó có cả những tù nhân cộng sản, thì số lượng đảng viên cộng

sản chỉ khoảng 5 ngàn người. Đây là con số do cộng sản công bố; con số thực có lẽ ít hơn nhiều.

Phe Quốc gia gồm Việt Nam Quốc Dân Đảng, và Đại Việt có lẽ số đảng viên cũng không nhiều hơn. Lúc đó Bác sĩ Nguyễn Tường Bách sáng lập lực lượng Quốc Gia Thanh Niên Đoàn, đồng thời chỉ huy lực lượng quân sự của Việt Nam Quốc Dân Đảng. Bác sĩ Bách cũng thú nhận số đảng viên và lực lượng vũ trang của Việt Nam Quốc Dân Đảng cũng không nhiều và so với lực lượng của cộng sản có phần yếu hơn (xem hồi ký Việt Nam Một Thế Kỷ Qua và tập truyện Trên Sông Hồng Cuồn Cuộn của Ng. Tường Bách).

Do tình cờ lịch sử, cả hai cụ Võ Nguyên Giáp và Nguyễn Tường Bách đều có một số điểm tương đồng. Trước tiên, cả hai cụ cùng ở vị trí lãnh đạo cao cấp của hai lực lượng chống đối nhau thời 1945: Cụ Bách ở Việt Quốc, cụ Giáp ở Việt Minh, một tổ chức của Cộng Sản dựng lên để thu hút thành phần yêu nước cũng tương tự như tổ chức Mặt Trận Giải Phóng Miền Nam sau này được Cộng Sản Miền Bắc lập nên năm 1960, trá hình là một tổ chức yêu nước của nhân dân miền Nam. Cả hai cụ đều là nhân vật lãnh đạo lực lượng vũ trang của tổ chức của mình. Và thật lạ lùng, cả hai cụ cùng trường thọ và là hai vị cuối cùng thuộc giới lãnh đạo cao cấp trong cuộc tranh chấp Quốc Cộng 1945. Bác sĩ Bách vừa mãn phần ở tuổi 97; cụ Võ Nguyên Giáp vẫn còn sống và đã 103 tuổi.

Cả hai cụ cùng là trí thức tiểu tư sản. Cụ Võ Nguyên Giáp xuất thân cử nhân luật và là giáo sư sử tại trường trung học Thăng Long, một trường trung học nổi tiếng vì có nhiều giáo sư nổi tiếng nhất Hà Nội thập niên 1930. Trong thời gian đó cụ Nguyễn Tường Bách học đại học Y khoa Hà Nội và tốt nghiệp Bác sĩ năm 1944, ở tuổi 28, cùng lớp với Giáo Sư Thạc Sĩ Y Khoa Trần Đình Độ, cựu Khoa trưởng Đại học Y khoa miền Nam. Cụ Võ Nguyên Giáp lớn hơn Bác sĩ Bách 5 tuổi nên hoạt động chính trị có lẽ trước Bác sĩ Bách cũng khoảng từng ấy năm. Vào thập niên 1930 – 1940 thanh niên Việt Nam hoạt động trong các tổ chức bí mật chống Pháp ở tuổi rất trẻ. Trong hồi ký Việt Nam Một Thế Kỷ Qua (hồi ký VNMTKQ) ở trang 36, cụ Bách cho biết tinh thần cách mạng chống Pháp của học sinh trường Bưởi như sau, “một bạn học năm thứ ba (ghi chú của người viết, tức là mới lớp 8) có đến tìm tôi (ghi chú của người viết, lúc đó cụ Bách mới 13 tuổi và học lớp 6), và đưa một tờ truyền đơn ký tên là “Thanh Niên Ái Quốc,” rủ tôi vào một tiểu tổ lúc đó thành lập ngay trong trường. Tôi ngỡ ý tán thành.” Sau này, Bác sĩ Bách khởi đầu hoạt động chính trị từ thời còn là sinh viên y khoa trong đảng Đại Việt Dân Chính do nhà văn Nhất Linh là anh ông thành lập khoảng 1939.

Cả cụ Võ Nguyên Giáp lẫn Bác sĩ Bách đều không được huấn luyện quân sự mà đều được tổ chức của mình trao nhiệm vụ lãnh đạo quân sự. Điều đó cho thấy lực lượng quân sự của cả hai bên lúc đó đều không đủ mạnh để đương đầu với thực dân Pháp. Cụ Bách từng cười mà nói với tôi, “Chú là bác sĩ mà anh em giao cho chỉ huy quân sự thì đủ hiểu là lực lượng mình không mạnh!”

Cả hai cụ đều là đại biểu trong Quốc Hội khóa 1 năm 1946. Cụ Giáp là đại biểu của Cộng sản (núp dưới danh xưng Việt Minh). Bác sĩ Bách là đại biểu của Việt Quốc.

Trong chính phủ Liên Hiệp Quốc Cộng cụ Giáp giữ chức Bộ Trưởng Nội Vụ. Bác sĩ Bách tuy không tham gia chính phủ Liên Hiệp nhưng khi tôi hỏi vấn đề này thì Bác Sĩ Bách cho biết cụ đã có hai người anh tham gia chính phủ Liên Hiệp với tư cách Bộ Trưởng rồi, đó là nhà văn Nhất Linh Nguyễn Tường Tam là Bộ Trưởng Ngoại Giao và nhà văn Hoàng Đạo Nguyễn Tường Long làm Bộ Trưởng Kinh Tế nên đảng Việt Quốc trao cho cụ trọng trách tổ chức nội bộ đảng. Nhưng cụ cũng cho biết trong công tác chính phủ hàng ngày cụ cũng tham gia với tư cách đại biểu của Việt Quốc, do đó cụ cũng nhiều lần trực tiếp gặp cụ Hồ Chí Minh và cụ Võ Nguyên Giáp cũng như các thành viên khác của Cộng Sản trong Quốc Hội và Chính Phủ.

Cả hai cụ đều là những nhân vật lãnh đạo cuối cùng của tổ chức của mình còn sống sót từ thời 1945 cho tới đầu thế kỷ 21. Bác sĩ Bách tuy khoảng hai năm cuối sức khỏe đã yếu, không đi lại được, nhưng tinh thần vẫn còn minh mẫn, vẫn còn trả lời những câu hỏi liên quan tới các hoạt

động văn hóa của TLVĐ và các hoạt động vũ trang chống Cộng thời 1945 cho tới lúc cụ và lực lượng Việt Quốc thất bại phải bỏ tẩu sang Trung Quốc năm 1946.

Trong hai, ba tháng cuối trước khi qua đời Bác sĩ Bách tuy còn tỉnh táo nhưng đã kém trí nhớ; cụ quên cả tên những người cháu tới thăm cụ, ngay cả tôi cụ cũng không nhớ tên, chỉ biết là cháu gọi bằng chú. Thời gian này chỉ kéo dài vài tháng và Bác sĩ Bách không phải trải qua giai đoạn dùng dụng cụ trợ sinh (life support) trước khi qua đời. Như thế Bác sĩ Bách đã có một sự ra đi mau mắn của người già, một điều mà những người già đều mơ ước. Đây là một may mắn cho cụ.

Cụ Võ Nguyên Giáp không may mắn bằng. Tuy “còn sống” nhưng nghe nói từ lâu cụ Giáp đã không còn biết gì hết, phải dùng dụng cụ trợ sinh (life support).

Là em út trong gia đình Nguyễn Tường, cụ Nguyễn Tường Bách đã là một trong những cây bút trẻ nhất góp mặt trong những số báo Phong Hóa đầu tiên của Tự Lực Văn Đoàn. Lúc đó cụ mới 17 tuổi, chưa xong trung học. Tôi hỏi cụ, “Lúc đó chú tới tòa báo với tư cách một chú em nhỏ tới chơi xem các anh của chú làm báo hay chú tới với tính cách ngang hàng của người cộng tác?” Cụ nói, “Tuy lúc đó chú nhỏ, nhưng chú tới với tính cách người cộng tác; chú viết mà.”

Tuy sau này khi từ giã gia đình ra đi làm cách mạng, Bác sĩ Bách ở hoàn cảnh một gia đình khá giả như chàng Dũng trong Đoạn Tuyệt hay Đồi Bạt, hai cuốn tiểu thuyết của Nhất Linh, nhưng khởi đầu cụ Bách sinh ra trong một gia đình nghèo. Có thể nói là cực nghèo (xem hồi ký về Gia Đình Nguyễn Tường của cụ Nguyễn Thị Thế, em gái cụ Nhất Linh). Tuy ông nội cụ làm tri huyện (tương đương quận trưởng hay chủ tịch huyện) Cẩm Giàng, nhưng qua đời đã lâu và gia đình trở nên túng quẫn. Bố cụ Bách lại hầu như cả đời không làm gì để nuôi gia đình. Mãi gần cuối đời bố cụ mới đi làm thông ngôn tòa sứ bên Lào. Theo gia phả bên họ Lê, tức bên họ mẹ các anh em Nguyễn Tường thì “ông Nhu làm thông ngôn ngạch tòa Công sứ”. “Ông Nhu” ở đây chính là bố của các cụ Nguyễn Tường. Bố các cụ không phải làm người bê ghi (người gác) ga xe lửa Cẩm Giàng như một số sách sau 1975 viết. Hồi ký của cụ bà Thế ở trang 48 cho biết bố các cụ làm thông ngôn cho ông Công Sứ Hải Tường một thời gian. Sau đó ông ta được đổi sang làm Công Sứ tỉnh Sầm Nứa bên Lào. Năm 1917, tình cờ gặp lại ông Công Sứ đó ở Hà Nội, ông Công Sứ mời bố các cụ sang làm thông ngôn cho ông ở bên Lào và ngày 31-8-1917 bố các cụ lên đường (hồi ký của cụ Thế trang 59). Nhưng bố các cụ chỉ làm được tám tháng thì qua đời vì bạo bệnh.

Kể từ đó gia đình 9 người gồm mẹ, 7 anh chị em và bà nội chỉ trông vào việc buôn gạo của mẹ cụ. Trong hồi ký VNMTKQ ở trang 8, cụ Bách viết, *“Cảnh nghèo nàn thiếu thốn trong gia đình, dù mẹ tôi và bà tôi cố gắng xoay sở, cũng chưa giải quyết được vì đông con.”* Trang 30, cụ lại viết về việc người con gái duy nhất trong gia đình, là chị Thế của cụ, không được đi học vì nhà nghèo, *“Trong lúc gia đình khó khăn chị không được đi học nữa và về nhà giúp mẹ trong việc buôn bán...Chị cần cù đảm đương mọi việc trong gia đình, đã giúp đỡ không ít để các anh em yên tâm học hành, làm việc.”*

Cảnh nghèo khiến nhiều năm gia đình Nguyễn Tường không ăn tết. Trang 57 của hồi ký cụ Thế ghi, *“Tết năm nay nhà không gói bánh chưng. Bà ngoại thấy tôi hỏi nhà cháu đã gói bánh chưa, tôi đáp thưa bà năm nay mẹ cháu không có tiền nên không gói ạ.”* Chẳng những không có tiền ăn tết mà mẹ các cụ có năm còn phải trốn nợ vào ngày cuối năm. Sau này vì lý do tuyên truyền chính trị, cộng sản lên án Tự Lực Văn Đoàn có cái nhìn xã hội của những kẻ thuộc giai tầng “bên trên” nhìn xuống.

Thực ra không phải vậy. Quan niệm xã hội của anh em Nguyễn Tường trong Tự Lực Văn Đoàn đã hình thành từ cái huyện Cẩm Giàng nghèo khổ, cực kỳ nghèo khổ mà gia đình Mẹ Lê trong truyện của Thạch Lam là điển hình và gia đình các nhà văn này cũng không khá hơn các gia đình nghèo trong phố huyện, nơi theo sự kể lại trong gia đình và trong các hồi ký, chỉ có mấy gia đình giàu là gia đình mấy “chú Tàu” chủ tiệm trên phố chính của huyện. Có thể nói vào thời đó, gần như cả huyện Cẩm Giàng đều nghèo như Nhà Mẹ Lê cho nên ngoài anh em nhà

Nguyễn Tường không gia đình nào có con ra khỏi phố huyện sau khi “tốt nghiệp” sơ cấp (ba năm đầu của bậc tiểu học) để tiếp tục học cao hơn. Trong hồi ký VNMTKQ, ở trang 9, cụ Bách mô tả cái nghèo của dân huyện Cẩm Giàng, “chung quanh, cảnh nghèo khổ, tiêu điều trong các gian nhà lụp xụp, cảnh chân lấm tay bùn của nông dân cặm cụi trên đồng ruộng làm lội; những người chỉ có một cái khố che thân, cảnh chợ phiên lều tều... tất cả những cái đó đã ăn sâu vào trí óc chúng tôi. Về sau đã thúc dục chúng tôi muốn viết lên, muốn làm một cái gì để thay đổi tình trạng đó.” Bà chị gái của cụ, bà Thế, ở trang 53 hồi ký của riêng mình cũng ghi, “Xóm chợ gần nhà tôi toàn là người làm ruộng quê ở Hà Nam, Phủ Lý vì bị lụt lội không đủ sống nên đưa nhau đến đây. Đa số gia đình làm nghề đi kéo xe hoặc làm mướn như nhà bác Đồi, đánh cá vớt tép như nhà bác Lê và còn nổi tiếng nghèo vì quá đông con.” Truyện ngắn Nhà Bác Lê nổi tiếng của Thạch Lam chính là dựa trên chuyện thực của gia đình bác Lê này. Và gia đình Nguyễn Tường cũng không khá hơn những gia đình trong xóm. Trong mấy tạp chí địa phương của Cẩm Giàng ngày nay, người dân địa phương cũng xác nhận cha ông họ thời trước 1945 thật là nghèo, không có tiền gửi con đi học ở bên ngoài phố huyện, nên toàn huyện không có người đỗ đạt, ngoại trừ mấy anh em nhà Nguyễn Tường. Cơ ngơi gọi là “Trang trại Nguyễn Tường, TLVĐ” tại Cẩm Giàng được tạo lập sau này, sau khi mấy anh em nhà Nguyễn Tường đã thành đạt ở Hà Nội, giúp mẹ trở về Cẩm Giàng lập trại để an dưỡng tuổi già (xem hồi ký về gia đình Nguyễn Tường của Nguyễn Thị Thế).

Anh em nhà Nguyễn Tường sống trong hoàn cảnh gần như đáy cùng xã hội. Ở trang 54 cuốn hồi ký, cụ bà Thế viết tiếp, “Những năm mất mùa đói kém, xe kéo chẳng ai đi những gia đình này bữa cơm bữa cháo. Nhà tôi chưa phải ăn thiếu nhưng cũng chẳng giàu gì hơn họ.” Từ hoàn cảnh gần như đáy cùng xã hội đó, anh em Nguyễn Tường của cụ đã vươn lên qua sự thông minh và quyết tâm, và nhất là quyết tâm của một bà mẹ tuyệt vời. Trong hồi ký VNMTKQ, ở trang 30-31, cụ Bách vừa mô tả cái nghèo của gia đình vừa mô tả sự quyết tâm nuôi con ăn học của mẹ cụ qua đôi câu “cãi nhau” giữa mẹ cụ và Thạch Lam, “*“Lâu nay không biết mày làm gì? Nhà đương túng bán mà sao không mang được một đồng về? – Có lẽ vì anh bỏ trường rồi chưa làm việc gì. So với các anh lớn, có thể anh không làm cho mẹ vừa lòng lắm. Hai mẹ con cãi cọ một lúc, rồi không biết sao cả hai đều khóc. Ngạc nhiên, chúng tôi chạy ra ngoài. -Con xin lỗi mẹ, con sẽ đi làm.” Anh vừa nói vừa gạt nước mắt, trông cũng đáng thương. Chắc anh nghĩ rằng mình cũng chưa làm gì giúp mẹ. -Ừ thì mẹ cũng tha lỗi cho con. Nếu muốn đi học, thì dù thiếu thốn, cả nhà cũng sẽ giúp.”*”

Tất cả mấy anh em của cụ từ những năm đầu đi học đã học ở ngôi trường duy nhất, chỉ có bậc sơ cấp (3 lớp đầu bậc tiểu học) trong cái huyện Cẩm Giàng cực kỳ nghèo khổ đó. Như đã kể, dân huyện quá nghèo, không ai đủ điều kiện cho con cái theo đuổi sách đèn ở mức vượt khỏi lũy tre làng. Chỉ có mấy anh em cụ, nhờ quyết tâm của bà mẹ, là thoát khỏi sau bậc tiểu học để lên Hà Nội tiếp tục theo đuổi sách đèn. Mẹ các cụ, sau khi chồng mất, một mình phải lo kiếm tiền nuôi gia đình tổng cộng 9 miệng ăn kể cả mẹ chồng. Để vượt qua nhiệm vụ khó khăn đó, mẹ các cụ rất cương quyết, cho các con bỏ việc mặc áo tang cho hết sầu thảm, không khóc lóc để có tinh thần mà làm ăn. Ở trang 52 hồi ký cụ Thế, có ghi: “Em Bẩy lúc đó mới có ba tuổi bà tôi cũng bắt đội khăn xô, tôi thì đầu chẳng có tóc cũng phải chít khăn như người lớn, quần may bằng vải chàm trông y mán vậy. Mẹ tôi bắt bỏ hết bảo chúng nó còn bé bắt để tang chi trông sầu thảm. Bà nội khóc thì mẹ tôi nói người chết đã yên phận rồi, bây giờ bà phải thương các cháu lo sao cho khỏi chết đói, để yên con phải lo buôn bán chứ cứ ngồi khóc hoài sao, người chết cũng chả sống lại được mà người sống thì chết đói.”

Mẹ các cụ là người bà mà thế hệ chúng tôi luôn ngưỡng mộ là một phụ nữ rất cứng rắn và cương quyết trong mục tiêu theo đuổi, nhưng lại rất dịu dàng với các con cháu. Mục tiêu theo đuổi cả đời của cụ là sự học của các con trai. Khi cụ mang cốt của phu quân từ bên Lào về chôn tại Cẩm Giàng, cụ mẹ chồng nghĩ phải tìm ngôi đất nào cho phát phú ngay chứ nghèo quá đi thôi (Hồi ký cụ Thế trang 64). Nhưng cũng chính trang hồi ký này ghi, “Thầy địa lý cho mời

mẹ tôi tới bàn cãi bà muốn phát phú thì con cháu học dốt, hay quý và thọ thì nghèo, bà tính sao. Mẹ tôi nói ngay quý và thọ thôi chứ phú trọc mà làm gì.” Chẳng biết có phải nhờ ông thầy địa lý người Tàu đặt mộ hay không mà sau này mấy anh em ông đều phát Quí như độc giả đều biết (nhưng không phát Phú). Mặc dù nghèo gần như không đủ ăn, nhưng với chuyện học của các con thì cụ hết lòng, kể cả phải cho tiền mua sách từ bên Pháp về cho các con học. Và may mắn thay các con cụ đều học giỏi, người nào cũng từng nhiều lần đứng nhất lớp, nhất trường, hay nhất cuộc thi và cũng từng thi nhảy hai lớp ở bậc trung học, rút ngắn được khá nhiều thời gian và tiền bạc. Trang 62 hồi ký của cụ Thế ghi, “*Các anh tức lắm về bàn với mẹ tôi gửi mua bên Pháp đủ các thứ sách đem về học gấp. Năm sau đổi tuổi đi thi đậu thành ra đỡ được hai năm, đỡ tốn bao nhiêu công lao và tiền bạc.*”

Mấy anh em của cụ rất quyết tâm và thông minh nên thường chiếm giải nhất hay học thi nhảy lớp. Từ anh Cả, hầu như cụ nào cũng học nhảy hai lớp (hồi ký cụ Thế trang 62). Trang 62 của cuốn hồi ký cụ Thế cũng ghi muốn học vượt lớp thì phải đổi giấy khai sinh cho thêm tuổi. Từ hồi bé, trong gia đình, nhiều lần tôi đã nghe chuyện tất cả các chú bác và bố tôi đều học giỏi nên phải khai thêm tuổi để đi thi, tôi thường thắc mắc làm thế nào để các anh em của bố tôi đổi tuổi? Mới đây, đọc kỹ trong hồi ký của cô tôi, ở trang 72, cụ Thế đã ghi, “*Thỉnh thoảng chúng tôi lại sang chơi bên ấp Phiên Đình là ấp có ông lý trường đã đưa cả triệu lý trường cho mẹ tôi muốn đóng vào đâu thì đóng. Chắc hẳn ông không thể ngờ được cái triệu đó đã giúp cho mấy nhà văn nổi tiếng trong văn học sử sau này.*” Hóa ra, để đổi tên, đổi tuổi của mấy anh em nhà Nguyễn Tường, bà nội tôi cứ lấy cái triệu của ông lý trường ấp Phiên Đình, huyện Cẩm Giàng mà “in” vào giấy khai sinh mới do chính cụ làm lại là xong(?) Cụ Bách cũng nhảy hai lớp, và thường được giải nhất cuối năm. Phần thưởng mang về phải chở bằng xe kéo. Nghe vậy anh em chúng tôi thấy thực dân Pháp tuy thế mà rất chuộng sự học, cho dù là sự học của dân bản xứ.

Việc học của cụ Bách thật buồn cười, và sự đối xử của mẹ cụ cùng các anh cụ đối với việc học của cụ cũng rất thoáng; có thể nói là quá thoáng so với cả tiêu chuẩn giáo dục gia đình bây giờ. Theo dõi việc học của cụ Bách ở bậc trung học thôi cũng giúp hiểu thêm về sinh hoạt của Tự Lực Văn Đoàn ngay từ buổi đầu ra báo Phong Hóa. Năm 1929 cụ Bách thi vào trường Bưởi và đỗ thứ 28 trong khi nhà trường chỉ lấy có 130 người trong số rất đông học sinh dự thi. Cụ đỗ cao nhờ bài Pháp Văn (hồi ký VNMTKQ trang 33 và 35).

Nhưng ngay trong ngày khai trường, cụ Bách đã cảm thấy một bầu không khí ngột ngạt, khó thở, mà cụ cho là bầu không khí thực dân. Ở trang 35 cụ viết, “*Một bầu không khí thực dân...tôi nghĩ. Tôi liền tưởng đến những truyền đơn, báo bí mật và những tiếng đồn về các hội kín chống Pháp...Từ ngày ấy, đối với nhà trường, tự nhiên tôi đã không có thiện cảm.*” *Cuối cùng, sau khi mới lên năm thứ hai, tương đương lớp 7 ngày nay, cụ bỏ trường về Cẩm Giàng tự học thi Tú Tài Tây. Ở trang 41 hồi ký VNMTKQ cụ viết, “1931. Suy nghĩ vài tháng rồi, tôi lấy một quyết định mạo hiểm: bỏ học về nhà. Tôi sợ nói ra, mẹ tôi và các anh chị sẽ phê bình tới tấp và sẽ ngăn cản. Vì có ai dại mà bỏ đi một trường học tốt như vậy, không dễ thi vào. Và nếu tự học thì có làm nổi không, bằng Tú Tài đâu phải dễ lấy; mà tôi lúc này mới lên năm thứ hai.”*

Gia đình cụ rất phóng khoáng, ngay cả trong việc học của con cái là việc quan trọng nhất trong mọi gia đình. Trang 44, cụ ghi nhận, “*Khác hẳn với dự đoán của tôi, các anh tôi chẳng ai cho là việc đáng bàn, còn mẹ tôi sau khi do dự, cũng bằng lòng: “-Ừ thì mày về nhà mà học lấy. Nhưng phải chăm mới được.”*”

Năm 1933 cụ thi Tú Tài Tây phần thứ I và trượt. Tường cũng nên nhắc lại, năm 1929 cụ Bách mới thi đỗ vào năm thứ nhất trường Trung học Bưởi, tức là vào lớp 6. Năm 1931, ở năm lớp 7 cụ xin bỏ học để về Cẩm Giàng tự học. Thế mà năm 1933, tức là đáng lẽ mới hết lớp 9 (đệ niên trường Bưởi) cụ đã đi thi Tú Tài Tây phần thứ nhất, tức là vượt 2 lớp (10, 11). Các anh em khác đều học vượt hai lớp như cụ. Mặc dù thi trượt nhưng cụ cũng đã đỗ phần thi viết, tức là

đỗ các môn chính. Và cụ chỉ bị trượt vì vào vấn đáp môn Anh Văn. Anh văn cụ tự học nên phần phát âm sai hoàn toàn. Cũng trang 57 cụ kể, “gặp giám khảo hắc búa, bắt tôi đọc một một đoạn truyện “David Copperfield” của Dickens. Tôi gân cổ đọc, còn ông chỉ ngồi cười. Sau tôi mới hiểu, vì ông nghe chẳng hiểu gì hết với cái tiếng Anh lạ tại của tôi. Tất nhiên là trượt, về nhà học lại.” Đọc tới đây tôi lại nhớ tới kinh nghiệm của chính tôi. Năm 1962, tôi học đệ tam Hồ Ngọc Cẩn, Gia Định, thi nhảy tú tài I, cũng đỗ thi viết, rồi vào vấn đáp cũng trượt vì vấn đáp tiếng Anh. Ông giám khảo nói tiếng Anh với tôi rằng, “tiếng Anh của anh khiến tôi thất vọng”. Như vậy chế độ thi cử của Pháp tuy khó về nội dung nhưng lại rất mềm dẻo về thủ tục, học sinh muốn thi là nộp đơn thi, không cần học bạ gì cả. Nhưng tại sao lại có vấn đề giới hạn tuổi đi thi thì tôi chưa tìm hiểu được. Tới thời Việt Nam Cộng Hòa thì thủ tục có khó hơn một chút, là muốn thi Tú Tài I thì phải có giấy đã học lớp 11 của một trường tư hay của bất cứ một tư nhân nào có bằng cử nhân chứng nhận. Việc chứng nhận chỉ cần ký tên rồi mang công chứng chữ ký, thủ tục không quá vài phút. Chế độ thi cử hiện nay thủ tục không được dễ như vậy, chặt chẽ hơn, nhưng trình độ học sinh lại kém hơn nhiều.

Một điều đáng ghi nhận là chính cái năm thi trượt Tú Tài phần I (hè 1933), tức là đáng lẽ mới học lớp 9, cụ Bách đã bắt đầu tham gia viết báo, làm thơ trên tờ Phong Hóa. Ở trang 57 hồi ký VNMTKQ, cụ viết: “Năm đó, thi bằng Tú Tài phần thứ nhất, tôi đã “trượt vồ chuối,” tuy đã cuốc bờ hơi tai trước kỳ thi.” Ở trang 58, cụ Bách viết tiếp, “Thế là lại phải cuốc một năm nữa... Cũng may, năm ấy, tôi bắt đầu bước vào nghề viết báo, làm thơ, nên thì giờ cũng dễ trôi qua.” Năm sau, 1934 cụ mới đỗ Tú Tài Tây phần I nhờ ông giám khảo thi vấn đáp tiếng Anh không quá khó. Như vậy sau hai năm học trong trường và ba năm tự học vất vả mới đỗ được Tú Tài Tây phần thứ I, cụ thấy không tự học được nữa mà phải vào trường. Và cụ không trở lại trường Bưởi mà xin vào trường tây Albert Sarraut. Ở trang 55 hồi ký VNMTKQ cụ kể: “Một cách chặt vật, tôi cũng qua được phần thứ nhất bằng Tú Tài Tây... Nhưng phải đối diện với phần thứ hai làm sao đây? Theo ý kiến của các bạn, muốn ăn chắc, nên xin vào học trong trường Trung Học Albert Sarraut.” Ông viết tiếp, “*Mùi thực dân của trường này tất sẽ nặng nề, nhưng đành phải chịu.*”

Ông giỏi triết và học thi Tú Tài Triết. Trang 59 ông kể, “*Vì trước kia, tôi đã ưa đọc những sách triết học, nên được giáo sư dạy môn triết mến, những tác văn của tôi thường thường ông chỉ sửa chữa rất ít và khuyến khích.*” Trong nói chuyện riêng tư cụ kể nửa năm đầu cụ vất vả vì tiếng Pháp thua đám học sinh gốc của trường và thua đám tây, đằm. Nhưng nửa năm sau thì cụ vượt lên đứng đầu. Cụ viết ở trang 55 hồi ký VNMTKQ: “*Cuối năm, dù không dốc hết sức để ôn tập các bài vở, nhưng may mắn tôi cũng được giải nhất trong lớp và tương đối dễ dàng qua được phần thứ hai bằng Tú Tài...*” Vị giáo sư Triết người Pháp rất thích cụ và cứ ngỡ sau này cụ sẽ theo ban triết trên đại học.

Như vậy cụ đỗ Tú Tài phần II vào năm 1935. Nhưng tại sao, mặc dù học giỏi, mãi 9 năm sau, năm 1944, cụ Bách mới đỗ Bác sĩ. Từng có nhiều dịp gần gũi cụ mà chúng tôi không để ý tới chi tiết này để hỏi. Thời gian này gia đình cụ đã vươn lên tới mức bề ngoài cũng không thua kém gia đình nào; mấy anh đầu đã đi làm có chức phận. Đặc biệt anh Tam của cụ (Nhất Linh) đã tốt nghiệp cử Nhân khoa học ở Pháp về và thành lập báo Phong Hóa.

Tuy gia cảnh đã thăng tiến cả về kinh tế lẫn tiếng tăm, nhưng cụ Bách lúc nào cũng đau nỗi đau “không duyên cớ” của chàng Dũng trong Đoạn Tuyệt & Đôi Bạn, hai tác phẩm của Nhất Linh được giới trẻ thời đó ưa thích. Cái nỗi đau không rõ ràng vì không liên hệ trực tiếp tới cuộc sống của bản thân và gia đình mình. Nhưng lúc nào cụ cũng suy nghĩ, muốn làm một cái gì đó... không rõ ràng. Có thể nói, tâm trạng của cụ Bách lúc đó là tâm trạng chung của giới trẻ ở cái thời có nhiều cuộc chuyển mình của đất nước từ sau cuộc khởi nghĩa bất thành đưa tới đoạn đầu dài của lãnh tụ Nguyễn Thái Học và 12 đồng chí của ông trong Việt Nam Quốc Dân Đảng. Cái tâm trạng đó chắc chắn cũng là tâm trạng của Nhất Linh từ thời rất trẻ và ông đã đưa được vào văn chương. Tất cả những điều này đã được cụ Bách mô tả ở trang 32 hồi ký

VNMTKQ: “Sau 1925, là một giai đoạn rung động mạnh trong xã hội Việt Nam và cũng rung động đến cả tầng lớp học sinh nhỏ... Những tiếng đồn về các hội kín chống Pháp, về những truyền đơn bí mật như tờ “Hồn Nước”, in bằng thạch mà chúng tôi truyền nhau đọc, những cuộc bãi công, biểu tình, cái tên Nam Đồng thư xã v.v... đều ít nhiều khơi dậy lòng yêu nước của những tâm hồn trẻ thơ.” Và rồi cụ thể hơn, cụ viết rằng, chính cái đêm khởi nghĩa của Nguyễn Thái Học và Việt Nam Quốc Dân Đảng mà các anh em cụ chứng kiến, hồi hộp theo dõi tại Hà Nội đã ảnh hưởng và tạo nên Nhất Linh và Tự Lực Văn Đoàn sau này. Ở trang 37 hồi ký VNMTKQ, cụ Bách viết, “Một ngày tháng 2 năm 1930. Buổi tối, độ chín mười giờ... Bà, mẹ tôi đã đi ngủ. Nhớ lại còn ngồi trên gác đọc sách có anh Tam (Nhất Linh), anh Sáu (Thạch Lam) và tôi. Anh Cả đi làm ca đêm vắng nhà. Chung quanh im lặng. Bỗng đột ngột, vắng từ xa đến mấy tiếng nổ, xem ra lớn hơn tiếng súng thường. Tiếng gì đây? mọi người sửng sốt. Súng? Bom, tạc đạn? Trong thời kỳ bất thường này chúng tôi nghĩ ngay tới một cuộc nổi dậy. Anh Tam chạy ra phía cửa sổ, hé mở cánh cửa nghe ngóng. Vài tiếng nổ thêm, lác đác. Trong thâm tâm, chúng tôi hi vọng đây sẽ là một cuộc tấn công lớn của cách mệnh; đều khát vọng cuộc khởi nghĩa sẽ đưa tới chấm dứt sự thống trị hung tàn của thực dân, dành được độc lập tự do cho dân tộc. Tiếng nổ hình như vọng tới từ trên, phía bờ sông. Nhưng rất nhanh, im lặng lại trở lại... Anh em chúng tôi chờ đợi một thời gian, không thấy có động tịnh gì khác, lại đặt mình xuống giường. Không ai nói với ai một câu nào, những đều biết là suốt đêm trần trọc không ngủ được. Có lẽ ai cũng đã cảm thấy thất vọng sâu xa... Mặc dầu thất bại, nhưng tấm gương anh hùng ấy vẫn luôn in mãi trong trí óc anh em chúng tôi.” Và ở trang 39, cụ kết luận về ảnh hưởng của cái đêm “cách mạng Nguyễn Thái Học” đó đối với xã hội nói chung và đối với TLVĐ sau này như sau, “*Tinh thần này không những sẽ phản ảnh trong các cuộc cách mệnh sau này, mà còn sẽ phản ảnh về các lãnh vực văn hóa, xã hội. Nếu không có tinh thần này, thì nói riêng, cũng sẽ không có Nhất Linh, Phong Hóa, và Tự Lực Văn Đoàn.*”

Lược qua tình hình vừa nêu, người ta có thể hiểu tại sao cụ Bách lúc đó tuy học trường Tây nhưng nỗi đau “vô có” vẫn ám ảnh khôn nguôi. Tình yêu và lý tưởng luôn luôn là cuộc sống và nỗi ám ảnh của tuổi trẻ. Với cụ Bách cũng vậy. Cụ Bách trẻ, đẹp trai, tài hoa, chơi nhạc hay, khiếu vũ giỏi, học cũng giỏi, lại thuộc gia đình đang nổi tiếng vì thành lập được nhóm TLVĐ, dĩ nhiên không thiếu cô mê. Trong mấy cô gái trẻ có một cô cùng lớp mà tới những ngày cuối đời mới đây, khi tới thăm cụ, tôi vẫn được nghe cụ nhắc lại. Cô ta là đầm lai, học cùng lớp. Mỗi chiều tan học cô ta thường đạp xe theo cụ trên đường về. Thời đó “Hà Nội Ba Mươi Sáu Phố Phường” (tên của Hà Nội do Thạch Lam đặt) còn yên tĩnh với những con đường chìm dưới hai hàng cây, với Hồ Gươm lóng lánh bên hàng liễu rủ, biểu tượng của thủ đô ngàn năm văn vật, với Nghi Tâm, Quảng Bá, hai tụ điểm của trai thanh gái lịch vào mỗi cuối tuần, với những nam thanh nữ tú ngày ngày đạp xe đạp từ từ dong duỗi trên các ngã đường. Hà nội của những năm xưa đó chưa có khói xe, chưa có kẹt đường. Hà Nội của mơ và mộng. Bây giờ mỗi khi nói tới một Hà Nội thời êm ấm đó nhiều người Hà Nội trung niên trở lên thường nói, “Hà nội thời Tự Lực Văn Đoàn”. Nhưng chàng thanh niên Nguyễn Tường Bách lúc nào cũng u-uẩn một tâm trạng. Trong đáy cùng tâm khảm, chàng tuổi trẻ Nguyễn Tường Bách luôn có một “chàng Dũng”, sau này xuất hiện trong Đoạn Tuyệt và Đôi Bạn. Không phải chỉ có cụ là có tâm trạng của chàng Dũng. Nhất Linh cũng vậy. Đã có một thời Nhất Linh trên đường lưu vong làm cách mạng đã đổi tên Nguyễn Tường Tam thành Nguyễn Tường Dũng để che dấu tung tích. Trong hồi ký VNMTKQ trang 140 cụ Bách kể: “Anh Tam lúc này lấy tên là Nguyễn Tường Dũng (đúng như tên anh chàng Dũng trong truyện Đoạn Tuyệt), bị giam vào một hang đá gần Liễu Châu...” Về cô đầm lai đó, cụ đã nói với tôi, “Cuối cùng chú nghĩ không thể yêu cô ta được, vì cô ta là đầm lai”. Và từ đó cụ cắt đứt liên hệ với cô ta. Tuy cũng như Dũng của Đoạn Tuyệt, lúc đầu chưa biết phải làm gì, nhưng việc đầu tiên đối với cụ Nguyễn Tường Bách là phải cắt đứt một “mối tình mới chớm”, chỉ vì cô ta có máu Tây.

Thế là con đường trước mặt của chàng Dũng Nguyễn Tường Bách đã khá được định hình: phải tìm cách đưa đất nước thoát vòng nô lệ thực dân Pháp. Cũng như Dũng đã già từ Loan,

dù chàng rất yêu, để lên đường làm một điều gì đó cho quê hương, chàng Dũng Nguyễn Tường Bách cũng cắt đứt một mối tình mới chớm để khởi đầu một con đường mới cho dân tộc. Ở hoàn cảnh của Cụ Bách, với 3 người anh đang mở tuần báo Phong Hóa cũng với ước vọng phải làm cuộc đổi mới cho quê hương, thì con đường hợp lý nhất và khả thi nhất đối với chàng Dũng Nguyễn Tường Bách là gia nhập cùng nhóm Phong Hóa với các anh để dùng tài văn chương của mình, qua các phóng sự, qua các bài viết, cho độc giả thấy được những nét đẹp về nước non và văn hóa dân tộc cùng những cảnh “Bùn Lầy Nước Đọng”, những cảnh khốn cùng của người dân nô lệ để từ đó mỗi người dân tự ý thức phải tìm một con đường cứu nước. Tự Lực Văn Đoàn đã khởi đi như thế; và chàng Dũng Nguyễn Tường Bách cũng khởi đi như thế.

Cụ Bách có tài văn chương và cụ mê văn chương. Cụ đã có những bài phóng sự hay. Cụ đã có ít ra là một truyện ngắn viết về một đêm Giao Thừa ở nhà thương thực cảm động. Khi hỏi về truyện ngắn này cụ Bách không còn nhớ. Tám mươi năm rồi còn gì! Tôi và Bác sĩ Nguyễn Tường Giang, con trai thứ của Thạch Lam trong nhiều lần nói chuyện với cụ có hỏi, “Tại sao chú không vào TLVĐ?” Cụ trả lời, “Vào TLVĐ đối với chú thì không khó, nhưng lúc đó việc vào TLVĐ đâu có quá quan trọng.” Chúng tôi hỏi tiếp, “TLVĐ lúc đó chưa nổi tiếng à?” Cụ cho biết, “Lúc đó TLVĐ cũng nổi tiếng rồi chứ, nhưng đâu ngờ nổi tiếng như sau này.”

Cụ có khiếu viết văn và thích viết văn. Và lại cụ thích đọc sách triết và giỏi về triết mà. Cụ viết văn ở tuổi rất nhỏ. Ở trang 32 cuốn hồi ký, cụ viết: “qua việc đọc những tác phẩm thời ấy, tôi cũng thấy ngứa tay, và viết bừa ra mấy truyện ngắn khi còn 11, 12 tuổi.” Cụ cho biết cụ thích viết văn hơn làm bác sĩ nhưng cụ phải học đại học. Không thích nghề bác sĩ lắm nhưng cụ cho biết lúc đó toàn 3 nước Đông Dương (Việt, Miên, Lào) chỉ có một đại học Hà Nội. Mà đại học Hà Nội ngoài phân khoa Canh Nông cụ không thích thì chỉ còn lại có hai phân khoa Luật và Y. Cụ không thích Luật, học luật thời đó đa số chỉ để ra làm quan, quan huyện (quận trưởng) chẳng hạn. Tất cả các anh em cụ mặc dù có thừa điều kiện để đi vào quan trường nhưng không ai thích làm quan. Ở trang 29 hồi ký cụ viết: “*Trong anh em chúng tôi, không ai thích làm quan, và cũng không thích quan. Chúng tôi không thích quan liêu, quyền quý, cũng như trọc phú chỉ biết trục lợi; không thích triều đình phong kiến và những kẻ cộng tác với bọn thực dân.*” Và thế giới quan-trường đã bị một trong các tác giả của TLVĐ là Khái Hưng chỉ trích trong tác phẩm “Gia Đình”. Như vậy cụ chỉ còn một con đường là học Y để ra làm bác sĩ. Cụ phải học bác sĩ nhưng cụ cũng luôn đau khổ vì không thích nghề này. Trong hồi ký VNMTKQ ở trang 97, cụ viết: “*Trong đời tôi, có lẽ một sự lầm lẫn trong nhiều lầm lẫn khác, là việc vào học y khoa. Lầm nó làm một cái cân câu còm hạng tốt, không hơn không kém. Vì tôi cũng như một số bạn hữu khác, lúc mới vào học, rất ít nghĩ đến tính chất “cứu nhân độ thế” hay là những câu châm ngôn của Hippocrate.*” Nhưng dù sao, nghề y đã cứu cụ và gia đình cụ trong suốt gần 40 năm lưu vong bên Trung Cộng. Cụ cho biết chính nghề Y đã giúp cụ và gia đình tồn tại tương đối nhàn hạ và bình an hơn các người dân Trung Hoa cùng thời tại địa phương trong suốt mấy chục năm kẹt lại tại Trung Cộng. Đặc biệt, cụ kể, trong thời kỳ Cách Mạng Văn Hóa tại Trung Cộng (1966), những đồng nghiệp hay xếp của cụ bị Hồng Vệ Binh bắt mang đi diễu phố và đánh đập tàn nhẫn, thương tật, không ai giám cứu giúp, thì cụ, vì có qui chế ngoại kiều, nên không bị Hồng Vệ Binh hành hạ, do đó cụ có cơ hội kín đáo cứu chữa những người bị đánh đập. Sau này những người đó trở lại nắm quyền đều nhớ ơn cụ.

Khi hai chúng tôi hỏi sao cụ không tiếp tục vừa viết văn vừa học Y khoa thì cụ cho biết học y khoa rất bận rộn. Vào những năm chót y khoa thì tình hình chính trị lồi cuốn nên cụ càng bận rộn hơn. Đó là lý do cụ chấm dứt con đường văn chương ngoài việc sau khi đã tốt nghiệp y khoa cụ làm chủ nhiệm rồi chủ bút mấy tờ báo của Việt Quốc trong những năm đầu của cuộc tranh chấp Quốc Cộng 1945. Hồi ký của Hứa Bảo Liên ở trang 65 và 67 ghi rằng sau khi chế độ thực dân Pháp bị sụp đổ, tờ Ngày Nay bộ mới ra đời với cụ làm chủ nhiệm. Sau đó tờ này bị đình bản, tờ Bình Minh ra đời cụ lại làm chủ nhiệm. Không lâu sau tờ này lại bị đình bản, tờ Việt

Nam Thời Báo ra đời, cụ làm chủ bút. Trong những tờ báo này chủ yếu cụ viết bình luận chính trị. Chẳng bao lâu sau, tờ Việt Nam Thời Báo lại bị đình bản, tờ Việt Nam ra đời. Tờ này là cơ quan ngôn luận của Việt Nam Quốc Dân Đảng đối chọi với tờ Cờ Giải Phóng của Việt Minh, cụ lại được anh em cử làm chủ nhiệm với sự cộng tác của các tác giả Khái Hưng, Hoàng Đạo. Hàng ngày cụ phải đọc kỹ tờ “Cờ Giải Phóng” của Việt Minh để đối chọi những quan điểm bất đồng. Ở trang 68, tác giả Hứa Bảo Liên (nàng Loan của Nguyễn Tường Bách) viết tiếp, “*Đầu năm 1946, anh Bách ở luôn nhà báo cho tiện làm việc. Mỗi khi ra ngoài phải có người bảo vệ. Anh bận rộn đến nỗi tóc không cắt, râu không cạo, đầu tóc bờm xờm như người “vô gia cư”.* Trụ sở của mấy tờ báo này chính là trụ sở của TLVĐ, số 80 Quan Thánh Hà Nội (hiện nay tòa nhà to lớn này vẫn còn mang số cũ và có nhiều người cư trú, nhưng không ai biết đó là căn nhà gắn liền với những biến động văn hóa và lịch sử đất nước của một thời gian gần 15 năm cho tới 1946 khi Bác sĩ Bách chỉ huy lực lượng vũ trang Việt Quốc rút lui khỏi Hà Nội lên chiến khu của Việt Quốc ở Vĩnh Yên.

Trong thời gian sinh hoạt văn nghệ với TLVĐ cụ Bách thân với một số những cây bút trẻ như Huy Cận, Xuân Diệu... và đặc biệt cụ hay nhắc tới nhà thơ Huyền Kiều, một nhà thơ to, khỏe và nghèo, là người bạn thân nhất của cụ. Cụ Bách đã phù rể trong đám cưới của Huyền Kiều. Tường Bách, Đình Hùng, và Huyền Kiều là ba trong số những người trẻ nhất trong đám văn hữu thân cận TLVĐ. Trong số những người văn nghệ sĩ trẻ kia có thể kể thêm Xuân Diệu và Huy Cận. Đình Hùng đã gọi nhóm 3 người bạn thân này là “ba tiểu quỷ”. Có một giai thoại về Huyền Kiều do Đình Hùng kể, mà nghe qua vừa thấy buồn cười, vừa thấy được hết cái tình cảm thân thương của anh em văn nghệ sĩ thân cận với TLVĐ, vừa thấy được phần nào, cái “bề sâu” của TLVĐ. Giai thoại đó có tựa, “Khái Hưng và Nhất Linh trong thơ Huyền Kiều” do nhà văn Quốc Nam thuật lại lời Đình Hùng như sau (1):

“Huyền Kiều vốn là bạn thân thuở nhỏ của Đình Hùng, ở Hà Nội ... Là hàng xóm, gần nhà Thạch Lam nơi phường Trúc Bạch, tôi thường ghé thăm Thạch Lam, bàn chuyện thơ văn rất lấy làm tương đắc. Và rồi tôi dẫn Huyền Kiều lại giới thiệu: “Huyền Kiều, một nhà thơ rất có triển vọng! Tên thực anh ta là Bùi Kiều. KIỀU HUYỀN KIỀU! Huyền Kiều, giản dị vậy!”

Thạch Lam cười xòa, vui vẻ dẫn hai bạn ... thơ vào thư phòng trò chuyện. Nơi cư trú của gia đình nhà văn Thạch Lam, trong Tự Lực Văn Đoàn, là một ngôi nhà tranh đặc biệt, cất theo kiểu Nhà Ánh Sáng, do phong trào Nhà Ánh Sáng mà báo Ngày Nay phát động từ mấy năm trước. Có phòng khách, phòng ngủ, với đầy đủ tiện nghi ... Tuy là nhà lợp tranh, vách bằng đất bùn nhồi rơm, lán xi măng, quét vôi sáng sữa, ngôi nhà trông thật bề thế vì vẻ cao ráo, thoáng mát của nó. Nhất là ở cạnh Hồ Tây quanh năm thoáng mát. Có vườn hoa trồng đủ cây cảnh lạ, đẹp. Một thú chơi tao nhã của tác giả “Hà Nội Băm Sáu Phố Phường”...

Một bữa vào cuối hè sang thu, Thạch Lam nhắn chúng tôi (vẫn lời Đình Hùng) đến nhà anh dùng bữa cơm tối. Theo thông lệ, chúng tôi đến sớm, ngồi nơi vườn hoa, ngắm cảnh chiều tà trên gương hồ bát ngát ... “gió rung trăng”. Thật thế đấy, nhằm đầu tháng ta, trăng mọc sớm, lơ lửng dưới làn nước trong; từng cơn gió nhẹ lướt mặt hồ, rung động ...

Thạch Lam cười vui:

- Huyền Kiều làm thơ đi! Nếu cần, tớ gà cho.

Tôi chẳng mấy ngạc nhiên, vì đã hơn lần được nghe Thạch Lam nói chuyện về Thơ, phẩm bình về các trường phái Thơ ...

Tuy nhiên Huyền Kiều vốn khiêm tốn, chỉ ậm ừ, cười bảo:

- Để lát nữa. Có lẽ sau bữa cơm tối nay, trong lúc tửu hậu trà dư ... chúng mình thơ thần ...

- Được lắm!

Đúng lúc, có tiếng chị Thạch Lam gọi. Và Khái Hưng, Nhất Linh ở đâu tới, cũng ào ra vườn. Một lát lại có cả Thế Lữ nữa.

Chủ nhà nhìn mọi người, khắp lượt, bảo:

- Quần hùng tề tựu gần đủ. Thôi mời quý vị vào dùng bữa, kéo nguội cả.

Vào nhà thì đã thấy Nguyễn Tường Bách ở đấy từ bao giờ...

Cơm xong, chuyện vãn khá lâu. Mãi khuya đêm Nhất Linh mới bảo, vẻ thật trịnh trọng: “Lát nữa tôi sẽ phải rời xa các anh em, nên có thể đây là một đêm họp mặt để tạm biệt. Chuyến hành trình này sẽ không lâu đâu. Chúng ta sẽ còn gặp lại nhau. Bây giờ chúng ta có thể chia tay nhau được rồi. Riêng tôi, tôi còn có điều nói riêng với anh Khải Hưng, vậy các bạn ra vườn chơi, hoặc đi ngủ. Thành thật cảm ơn tất cả...”

Tôi nhớ đặng ý thế, vì đã quá lâu ngày. Mọi người đều buồn nhưng không ai lên tiếng – không có can đảm lên tiếng hỏi, vì đều biết Nhất Linh là người hoạt động cách mạng. Đã đến lúc phải “mạnh tay” với thực dân Pháp, chứ không còn ở giai đoạn làm văn hóa để nâng cao dân trí người mình nữa ...

Ba đưa tôi cùng kéo nhau ra vườn, ngồi nghe cá quẫy, nhìn trăng vời vọi. Có lẽ Thế Lữ đã về nhà gần đấy. Quanh quần vẫn chỉ có Huyền Kiều, Thạch Lam và tôi thôi. Và Thạch Lam, lại chính là Thạch Lam, khơi mào sau khi đã nghĩ lung:

- Thơ ... ra rồi! Này, hãy nghe đây! và anhặng hắng, ngâm:

“Hiu hắt giăng khuya lạnh bốn bề ...”

Đấy câu mở đầu đấy! Huyền Kiều hãy làm tiếp đi!

Huyền Kiều và tôi ngơ ngác. Tôi không rõ vì sao bữa nay Thạch Lam lại nhiều ... thi hứng đến thế.

- Được! Huyền Kiều nói. “Hiu hắt giăng khuya lạnh bốn bề ...” Ờ, được đấy. Và anh ngâm nghĩ. Câu mở của Thạch Lam thật tuyệt. Nó gợi ý cho tôi về một cái gì có thể gọi là ...”cổ kính”. Một đêm tiễn đưa nhau chẳng hạn. Hết đôi bạn Khải Hưng và Nhất Linh trong đêm khuya nay ... trước giờ ly biệt.

- A, khá! Thạch Lam cười. Anh nắm bắt được ý thơ rồi đấy. Vậy cứ thế mà tiếp nối. Tôi vào nhà đem trà nóng ra đây nhá. Nhân thế coi xem họ ra sao?

Một lát sau Thạch Lam đem bình trà và tách ra, bảo:

- Anh ba tôi và Khải Hưng im lìm ngồi trong thư phòng. Cả hai đều không nói năng gì cả. Phòng không đèn đóm nên bóng tối chan hòa. Ánh trăng mờ tỏ ... Có con mèo tam thể tôi nuôi quỳện dưới ghé Nhất Linh ngồi. Bên cửa sổ sát vách tường, bức liễn trúc treo rung động dường như cảm thông cho đôi bạn đang nhấp chén rượu suông trong phút giờ sắp ly biệt ...

Tôi chợt lên tiếng:

- Buồn thật. Mà cổ nhân cũng đã từng than: “Ôi! biệt ly sao mà buồn thế!” thật là chí lý.

Chúng tôi uống trà. Trăng vừa lặn. Gà rền tiếng gáy phía xa. Sao dần rơi ... dần rơi và tôi chợt thấy lạnh lạnh.

Vẫn không thấy chút động tĩnh gì nơi Khải Hưng và Nhất Linh ở trên nhà. Tôi cảm nghĩ trong giờ phút thiêng liêng ấy, ta không nên vọng động. Cũng đừng hỏi han gì cả. Trời sắp sáng rồi.

Và quả thật, ở bên Hồ Tây bữa ấy, trong sân nhà Thạch Lam, ba đưa chúng tôi đều rất dè dặt, hạn chế từng câu nói, tiếng cười. Trong khi ấy Huyền Kiều trầm lặng “làm việc”: suy tư về ý thơ và ý nghĩa của sự chia tay của đôi bạn văn Tự Lực Văn Đoàn.

Chợt Huyền Kiều nói:

- Tôi thử đọc cho các anh nghe. Bài thơ nhan đề “Tương Biệt Dạ”. Hay, dở tùy nghi Thạch Lam và Đình Hùng giúp sửa lại. Và anh khe khẽ ngâm sau khi dục Thạch Lam vào nhà lấy giấy bút ghi tốc ký, bắt kẻ trời vừa sập tối lại vì trăng đã chẳng còn... Tình bạn thơ – văn giữa chúng tôi thấm thiết là thế đó.

Tương Biệt Dạ

Hiu hắt giăng khuya lạnh bốn bề

Ý sâu lên vút tới sao Khuê

Quý thay giây phút gần tương biệt

Lưu luyến người đi với kẻ về.

Ngồi suốt đêm trường không nói năng

Ngậm ngùi chén rượu ánh vầng giăng

Người xưa lưu luyến ra sao nhỉ

Có giống như mình lưu luyến chẳng?

*Đã tắt lò hương lạnh phím đàn
Thư phòng sắp sẵn để cô đơn
Trời cao mây nhạt ngàn sao rụng
Một giải sương theo vạt dậm buồn
Sớm biệt ly nhau không nhớ nhau
Nửa đêm chợt tỉnh bỗng dựng sầu
Giăng mùa Xuân đó, ai tâm sự?
Anh đã xa rồi, anh biết đâu?*

Bài “Tương Biệt Dạ” của Huyền Kiều, sáng tác vào chớm thu năm Canh Thìn – 1940, chỉ mấy tháng sau là bước sang năm Tân Tỵ – 1941... Khi hoàn thành bài “Tương Biệt Dạ”, vào nhà thi Nhất Linh đã lên đường từ lúc nào rồi ...

Trong giới sinh viên tích cực hoạt động bí mật chống Pháp cụ Bách thân với cụ Dương Đức Hiền, lúc đó làm chủ tịch Tổng hội Sinh viên, sau này là chủ tịch Đảng Dân chủ. Hai cụ Nguyễn Tường Bách và Dương Đức Hiền cùng trong đảng Đại Việt Dân Chính do Nhất Linh thành lập. Trong hồi ký, ở trang 123, tình bạn của hai cụ được cụ Bách mô tả như sau: “Một buổi tối sau, có người lên gác trọ tìm tôi. Nhìn rõ, mới biết là anh Dương Đức Hiền. Chúng tôi vui mừng xiết tay nhau...cả hai đều chưa bị khó dễ. Anh Tam (ghi chú của người viết: tức Nhất Linh) vẫn mất tích. Sau có tin báo là anh đã trốn ra ngoài nước, đi Quảng Châu. Hai chúng tôi đồng ý tạm thời hãy nằm im, xem tình thế biến chuyển ra sao.”

Nhưng rồi chẳng bao lâu sau, vì khác chính kiến, tình bạn thắm thiết đó tan rã. Trong hồi ký của Hứa Bảo Liên, trang 64 ghi lại mối quan hệ chặt chẽ giữa cụ Bách và Cụ Dương Đức Hiền. Tác giả cuốn hồi ký viết, “...có người bạn anh Bách là anh Dương Đức Hiền tỏ ý muốn gặp anh Bách để bàn chuyện. Hiền trước kia là bạn cùng một chí hướng và cùng tham gia vào một tổ chức quốc gia. Sau này tổ chức bị Pháp khủng bố, qua một thời gian sau đó, anh ta tham gia vào phong trào Việt Minh và sáng lập đảng Dân Chủ.”

Một cách chi tiết hơn, trong hồi ký VNMTKQ ở trang 153 cụ Bách thuật lại: “Một hôm, vào tháng 6, tôi đương ngồi sửa bài tại tòa soạn thì ở dưới đưa lên một người lạ mặt. Anh ta bảo có thư riêng của một người bạn thân nhờ đưa đến. Rồi anh rút từ ống giày ra một tờ giấy mỏng. Dưới ký tên một người mà tôi cũng không ngờ đến: Anh Dương Đức Hiền. Đã hơn một năm, tôi không được nghe tin tức gì về anh.” Trong thư cụ Dương Đức Hiền trước cùng đảng Đại Việt Dân Chính với cụ Bách nhưng nay đã đại diện Việt Minh, hẹn gặp để bàn luận việc cộng tác chung. Cụ Bách và cụ Khải Hưng được đề cử đi gặp cụ Dương Đức Hiền. Nơi gặp cách Hà Đông độ năm cây số. Cụ Bách viết tiếp, “Chúng tôi đạp xe gần tới Hà Đông thì rẽ vào một con đường nhỏ, lầy lội, có khúc phải vác cả xe lên vai, lội bùn mà đi. Gần đến bờ sông Nhuệ, tới một tòa miếu cổ, thì thấy một người mặc quần áo nâu ra đứng đợi. Tuy quần áo khác, nhưng vẫn nhận ra được anh Hiền, gầy hơn, mặt đen sạm, nhưng hai hàm răng lại quá trắng, chẳng cần là mật thám cũng biết đây là một nông dân giả hiệu.

Chúng tôi ngồi trên thềm miếu, nhìn xuống giòng sông Nhuệ nhỏ nước chảy êm đềm, trông hao hao giống con sông Sen ở quê nhà. Chung quanh vắng không có bóng người, chỉ có một người ngồi sau miếu, có lẽ là một tay súng hộ vệ.

Sau vài lời hàn huyên, anh cho biết là đã gia nhập vào Việt Minh, với tư cách lãnh đạo đảng Dân Chủ, và khuyên chúng tôi cùng các anh em Đại Việt Dân Chính khác cũng nên tham gia Việt Minh, không nên đứng lừng khừng nữa. Anh cầm tờ Ngày Nay trong tay, phê bình chủ trương của nó không triệt để, không cách mạng theo đường lối công nông. Anh nói Việt Minh nay đã phát triển mạnh, có căn cứ quân sự, được Đồng Minh ủng hộ...Chúng tôi chỉ nghe, không giải thích gì. Có lẽ vì thế mà anh thất vọng, rần giọng nói,

-Nếu các anh cứ lừng khừng như thế mãi, thì có ngày Nhật sẽ beng đầu các anh, mà nếu không thì cách mạng sẽ beng đầu các anh!” Cụ Bách và Khải Hưng hơi ngạc nhiên, vì lời dọa

dẫn lại do một đồng chí cũ đưa ra. Hai cụ chỉ cười, đưa mắt nhìn nhau. Cuối cùng cụ Bách đáp, “Cách mạng Việt Nam thì có nhiều con đường để đi, không nhất định là phải tham gia vào Việt Minh. Song về việc hợp tác, chúng tôi sẽ về bàn với các anh em rồi sẽ trả lời sau.” Cuộc hẹn gặp lại sau đó một tuần đã không thành, vì Cụ Hiền nhấn là cụ phải đi lên miền trên có việc cần và sẽ liên lạc lại sau. Hai bên không gặp lại cho tới mấy tháng sau, bất ngờ cụ Bách lại gặp lại cụ Hiền trong một buổi họp tác đảng phái, mà từ bạn hữu đã trở nên đối địch. Cụ Bách viết tiếp ở trang 155, “Âu cũng là định mệnh. Chúng tôi cũng muốn hợp tác vì công cuộc chung, góp sức với nhau để đuổi quân xâm lăng ra khỏi nước. Song thực ra, hai bên có thể chân thành cộng tác với nhau không, lại là một vấn đề khó giải.”

Sự chia tay của hai cụ, chính là điển hình sự chia tay của cả một thế hệ cùng ôm mộng đánh đổ thực dân Pháp, nhưng theo hai con đường khác nhau. Thậm chí, còn có sự chia rẽ của những anh em ruột thịt cùng một gia đình, hay của hai cha con, chỉ vì lý do tương tự. Trong hồi ký VNMTKQ ở trang 100, cụ Bách viết, “Nhưng, trong hàng ngũ người Việt chủ trương giải phóng dân tộc, dành độc lập, đã có những chia rẽ sâu xa về ý thức hệ, về sách lược và đường lối hoạt động.” Thế hệ 1945 là thế hệ của những người yêu nước, dù là cộng sản hay quốc gia. Tất cả đều có một điểm chung đẹp đẽ là đánh đuổi thực dân Pháp. Trong hồi ký VNMTKQ ở trang 101, cụ Bách viết, “Nhiều phần tử trí thức và sinh viên, bị thôi thúc bởi lòng yêu nước, sẽ kế tiếp nhau tham dự vào những phong trào chống Pháp, hoặc cộng sản hoặc không cộng sản.” Thế hệ thanh niên thập niên 1940-45 là một thế hệ “đẹp” với nhiều ước vọng dành độc lập cho tổ quốc. Đặc biệt thế hệ 1945, ở cả hai khuynh hướng Quốc, Cộng, trong tình hình thế chiến thứ II, các dân tộc thuộc địa vươn lên dành độc lập, đã là một thế hệ “huyền thoại” trong lịch sử cận đại của Việt Nam với nhiệt tình yêu nước không bờ bến, sẵn sàng từ bỏ gia đình, người yêu để lên đường cứu nước. Thế hệ 1945 huyền thoại đã được Đặng Phương (bút hiệu của giáo sư Nguyễn Ngọc Huy) mô tả qua bài thơ Những Anh Hùng Vô Danh, mà những câu mở đầu thật cảm động và bi tráng: Họ là những anh hùng không tên tuổi – Sống âm thầm trong bóng tối mênh mông, Không bao giờ được hưởng ánh quang vinh, Nhưng can đảm và tận tình giúp nước.

Nhưng thế hệ đó cũng trải qua nhiều bi thảm. Cái bi thảm thể hiện trong tình bạn của cụ Bách với những người bạn thân thương nhất của cụ, mà sau này, mỗi lần nhắc lại cụ vẫn bùi ngùi. Trong những chia rẽ của tình bạn, có lẽ sự chia tay với Dương Đức Hiền làm cụ ray rứt nhất. Cả hai đều có nhiệt tình chống Pháp, lúc đầu cùng chung một hướng, cùng chung một đoàn thể. Nhưng rồi sau cả hai lại theo hai con đường khác nhau: Quốc Gia và Cộng Sản. Thực ra, thế hệ thanh niên với những người như cụ Dương Đức Hiền mang bầu nhiệt huyết theo Việt Minh không phải là theo Cộng Sản. Ngày nay, khá nhiều các đảng viên Cộng Sản lão thành từ thời 1945 và cuộc kháng chiến 9 năm đã thú nhận lúc đó không biết Cộng Sản là gì, không biết chủ thuyết Mác Lê là gì, chỉ một lòng chiến đấu vì độc lập, tự do của tổ quốc.

Người Cộng Sản đã thắng keo đầu khi họ chớp thời cơ, nhân một cuộc biểu tình của công chức Hà Nội ủng hộ chính phủ Trần Trọng Kim ăn mừng nước nhà Độc Lập, thoát khỏi ách thực dân Pháp. Cộng Sản đã nhanh tay biến cuộc biểu tình của nhân dân Hà Nội yêu nước thành cuộc biểu tình của Cộng Sản, dưới danh nghĩa Việt Minh. Và Cộng Sản đã cướp được chính nghĩa. Chính phủ liên hiệp Quốc Cộng hình thành sau đó đã không có được điều cơ bản là sự tin tưởng lẫn nhau của cả hai phe. Cho nên sự liên hiệp sớm đi tới tan rã. Lịch sử hợp tan của gia đình Nguyễn Tường của cụ Bách cũng gắn liền với giai đoạn hợp tan này của lịch sử dân tộc. Một ngày, cụ Bách bất ngờ tới thăm người chị, bà Nguyễn Thị Thế, nhà ở đề Yên Phụ, cũng gần nhà Thạch Lam. Tuy cùng ở Hà Nội nhưng đã lâu rồi cụ Bách vì bận việc chính sự đã không tới thăm chị và mấy đứa cháu như thường xuyên trước kia. Lần tới thăm bất ngờ này khiến bà chị và mấy đứa cháu ngạc nhiên. Cuộc gặp gỡ đã được Thế Uyên, con của bà Thế, kể lại đại khái như sau: Bất ngờ thấy chú Bách tới sau một thời gian dài vắng mặt. Lần này lại thấy chú đi có một người hộ vệ đứng ở đầu ngõ. Cũng như mọi lần, Thế Uyên lục túi cụ Bách định tìm kẹo. Nhưng lần này chàng không thấy kẹo mà chỉ lôi ra được mấy viên đạn. Cuộc nói chuyện của cụ Bách với mẹ Thế Uyên lần này ngắn ngủi và có vẻ nghiêm trọng. Cụ cho chị cụ

biết cụ phải ra đi, và ra đi khá lâu, không biết bao giờ về. Đi đâu thì cụ không nói. Dĩ nhiên cùng với sự chia tay với gia đình, cụ Bách cũng phải chia tay với “nàng Loan” của cụ.

Sau khi rời Hà Nội Cụ Bách lên chiến khu của Việt Nam Quốc Dân Đảng ở Vĩnh Yên. Theo hồi ký của “nàng Loan của Bách”, Cụ Bách ít gửi tin tức về. “Nàng Loan” của cụ Bách dự tính tiếp tục học đại học tại Trung Quốc. Trong hồi ký “Nguyễn Tường Bách và Tôi” của Bà Hứa Bảo Liên, phu nhân của Cụ Bách, “nàng Loan” của cụ Bách kể chuyện già từ giữa “Loan và Dũng” ở trang 73 như sau:

“Tự nhiên tôi nghĩ có lẽ tôi phải lên chiến khu cho anh Bách biết tôi dự tính đi học. Kỳ thực lúc đó, tôi cũng không biết hiện anh đang ở đâu? Chiến khu ở chỗ nào? Sau hỏi ra rồi tôi mới đáp xe hơi, sau chuyển sang đi thuyền đến Việt Trì. Vừa đặt chân tới đất này, tôi cảm thấy nhẹ nhõm, nhưng rất mau tôi lại cảm thấy không khí khẩn trương, người đi lại rất ít. Thỉnh thoảng lại nghe có tiếng súng nữa. Tôi tìm đến trụ sở thì gặp ngay anh Bách và anh Vũ (ghi chú của người viết, tức cụ Vũ Hồng Khanh, một lãnh tụ quân sự của VNQDD). Có lẽ anh cũng không ngờ tôi đến thăm anh trong lúc này. Tôi cho anh biết tôi dự tính đi Trung Quốc học. Lúc đó chúng tôi cũng không biết bao giờ mới gặp lại nhau vì trong thời buổi loạn lạc này, không ai có thể tiên đoán được tương lai! Mà lúc đó anh cũng không nói cho tôi biết đảng bộ và quân đội của Việt Quốc đã dự định rút khỏi Việt Trì để lên Yên Bái. Sáng hôm sau, tôi đáp thuyền rồi đổi sang xe hơi trở về Hà Nội.”

Không đương cự nổi với Cộng Sản tại Hà Nội, cụ Bách phải dẫn lực lượng vũ trang của Việt Quốc lui về vùng chiến khu Việt Quốc ở Vĩnh Yên, nơi có đồn điền nổi tiếng của một đảng viên cao cấp của Việt Quốc là Đỗ Đình Đạo. Trên cuộc rút quân đó, lực lượng Việt Quốc và Cộng Sản (Việt Minh) đã đụng độ khốc liệt. Trong một lần giao tranh, cụ bắt được một cấp lãnh đạo của Việt Minh, sau này lên tướng. Trong tình cảm lãng mạn tiểu tư sản, cụ không trối hay đánh đập người “tù binh”, mà chỉ tước khí giới rồi cho ngủ chung với lực lượng vũ trang của cụ tại nơi đóng quân. Ngày hôm sau, hai chiếc xe hơi cấm cờ Việt Minh và cờ Việt Nam Quốc Dân Đảng từ Hà Nội tới, trên xe có đại diện hai phe trong chính phủ Liên Hiệp, yêu cầu trả tự do cho người “tù binh Việt Minh” và lãnh người “tù binh” đó về Hà Nội. Người đại diện Việt Quốc trên một trong hai xe hơi đó lại chính là nhà văn Hoàng Đạo Nguyễn Tường Long, anh thứ tư của cụ (xem Trên Sông Hồng Cuồn Cuộn của Nguyễn Tường Bách và Hồi ký của Hứa Bảo Liên) Chẳng bao lâu sau sự chia rẽ của chính phủ Liên Hiệp Quốc Cộng đi tới chỗ tiêu diệt lẫn nhau một cách tàn khốc hơn. Tại làng Phụng Dực, quê của bà Nhất Linh, trong căn nhà của bà, Cộng Sản (dưới danh nghĩa Việt Minh), trên con đường truy lùng Nhất Linh Nguyễn Tường Tam và gia đình, đã bắt mang theo 4 người gồm có bà Nguyễn Tường Tam, con trai Nguyễn Tường Việt của cụ Nguyễn Tường Tam khi đó mới khoảng 14 tuổi, em ruột của bà Nguyễn Tường Tam, tên Tín, và bố tôi, cụ Nguyễn Tường Cẩm, anh thứ hai của cụ Nguyễn Tường Tam. Cộng sản dắt 4 người tù họ gọi là “phản động” đi về vùng họ kiểm soát. Một hôm tình cờ, máy bay đồng minh tới thả bom. Văn phòng nơi giam giữ sụp đổ. Hai người tù đàn ông đang bị xích nên không thoát được. Chỉ có bà Nguyễn Tường Tam và người con trai 14 tuổi không bị trói nên thoát được. Lại vẫn là máu tiểu tư sản, anh Nguyễn Tường Việt mới đây kể lại, trước khi đi trốn, anh và mẹ đã nâng cái cây sừng nhà đổ xập đang đè lên một người cán bộ để cứu người cán bộ đang bị thương này. Sau đó hai mẹ con phải trốn 15 ngày dưới hầm trong căn nhà của một người giúp việc ngày xưa tốt bụng và trung thành mà chúng tôi gọi là anh Tí, trước khi anh giúp việc này tìm được cách đưa vợ con cụ Nhất Linh Nguyễn Tường Tam trốn về Hà Nội. Còn bố tôi và người em bà Nhất Linh, bị thủ tiêu mất tích kể từ đó. Cái sự bi thảm trong cuộc chiến Quốc Cộng đã xảy ra cho gia đình tất cả các anh em Nguyễn Tường của Cụ Bách cũng là những bi thảm tương tự xảy ra cho nhiều gia đình khác.

Khi bàn tới sự thất bại của phe Quốc gia trước đối thủ Cộng sản người ta thường nói tới sự quyết liệt và tài tổ chức khéo léo của phe Cộng Sản hơn hẳn phe Quốc Gia. Nhưng người ta ít bàn tới việc người Cộng Sản quyết liệt ra sao và họ tổ chức giỏi như thế nào.

Từ 1945 cho tới 1975 người Quốc Gia bị thua Cộng Sản vì thái độ “không quyết liệt với kẻ thù,” trong khi Cộng Sản thì hoàn toàn trái ngược. Trong những thanh toán nhau giữa hai phe, người Cộng Sản quyết liệt hơn ở điểm họ truy lùng toàn bộ bố mẹ, anh, chị, em, vợ con, kể cả con còn niên thiếu của đối thủ chính trị để tiêu diệt. Họ gọi chung những người đó là “thành phần phản động”. Một đòn hiểm ác hơn nữa là CS cô lập không những người bị cho là phản động mà còn cô lập cả gia đình họ. Cộng sản vận động, và đe dọa mọi người trong xóm, mọi bạn bè, họ hàng bà con không được quan hệ với cá nhân và gia đình của người bị họ cho là “thành phần phản động”. Ngay cả những người bạn thân, học trò ruột ra đường trông thấy họ từ xa cũng né tránh sang bên kia đường, không dám chạm mặt, không dám chào hỏi dù chỉ một câu, sợ bị liên lụy có thể mang họa vào thân, nhẹ thì bị kiểm điểm, nặng thì bị đi tù. Sự cô lập, bỏ đói của Cộng sản đối với cụ Phan Khôi hay các nhà văn trong phong trào Nhân Văn Giai Phẩm, hoặc với các trí thức từng có công với Cộng Sản như Nguyễn Hữu Đang, Nguyễn Mạnh Tường, Trần Đức Thảo v.v... là những ví dụ cho thấy sự độc ác, quyết liệt của Cộng sản khác hẳn chủ trương, chính sách ôn hòa, hợp lý, hợp tình người của người Quốc Gia. Sự quyết liệt một cách độc ác của cộng sản đã được Luật gia Nguyễn Mạnh Tường mô tả khi trả lời phỏng vấn của nhà báo Hòa Khánh ở trang 712 cuốn Nhân Văn Giai Phẩm của Thụy Khuê. Hòa Khánh hỏi, “Luật sư có bị bắt, bị giam cầm gì không? Trả lời, “Không. Chỉ bị đuổi ra khỏi những nơi đang làm việc. Và độc ác nhất là bị cô lập hoàn toàn. Các anh cứ tưởng tượng suốt mấy chục năm trời, không ai dám đến gặp tôi cả. Họ sợ bị liên lụy đến bản thân, đến gia đình của họ. Có khi đi ngoài đường, nhìn thấy tôi từ xa, là bạn bè, học trò cũ của tôi phải tránh đi chỗ khác.” Hòa Khánh hỏi, “trong thời gian suốt mấy chục năm trời như vậy, luật sư làm gì để sống?” Trả lời, “Không làm gì cả. Xin việc gì người ta cũng không nhận...cứ bán dần đồ đạc trong nhà mà ăn tiêu...Rồi tất cả đồ đạc cạn dần...Tôi lại sống bằng sự bố thí của anh em, bạn bè.” Đọc hết tường thuật về sự đàn áp của cộng sản đối với gia đình tiến sĩ Nguyễn Mạnh Tường, người ta thấy kinh hãi tới độ không tưởng tượng được là có thể tàn bạo tới như vậy (2). Hoàn cảnh bị cô lập và đàn áp của tiến sĩ Trần Đức Thảo cũng kinh hãi tương tự. Và đỉnh điểm là bà vợ Tiến sĩ Trần Đức Thảo không chịu nổi phải nạp đơn ly dị với ông vào năm 1960 (3). Sau khi thống nhất đất nước năm 1975, chính sách cô lập, đàn áp, bỏ tù (gọi là cải tạo), tịch thu nhà cửa, đất đai, ruộng vườn, cửa tiệm, kho hàng, cơ xưởng sản xuất và triệt đường sinh sống lại được áp dụng trên qui mô rộng lớn toàn miền nam đối với hàng trăm ngàn quân nhân, công chức, doanh nhân và người Việt gốc Hoa. Và lần này không phải chỉ vài gia đình tan nát như ở miền bắc sau 1954, mà là cả chục ngàn gia đình vợ chồng bị tan nát, chia lìa. Việc truy đuổi để tiêu diệt toàn thể bố mẹ, vợ con, anh chị em của đối thủ chính trị là điều không một tổ chức chính trị nào của người Quốc Gia chủ trương. Sự khác biệt về cách đối xử của người Quốc gia và Cộng sản đối với thành phần khác chính kiến bắt nguồn từ sự khác biệt trong lý thuyết hành động. Chủ thuyết Mác Lê dạy các cán bộ Cộng Sản phải phân loại nhân dân ra từng thành phần không chỉ dựa trên hành vi chính trị hay kinh tế của cá nhân người đó mà còn dựa trên lý lịch gia đình ba đời. Phe Quốc gia không buộc người dân khai lý lịch ba đời hay hai đời mà chỉ đòi hỏi người dân khai lý lịch về phần cá nhân họ mà thôi. Dựa trên lý lịch ba đời mỗi người dân bị Cộng sản phân loại vào một thành phần nào đó để hoặc được hưởng ân huệ hoặc bị đàn áp, triệt hạ. Ngày 5/6/2013, trên trang mạng “Bảo Tàng Xô Viết Nghệ Tĩnh”, trong bài Quá trình thành lập Xứ uỷ Trung Kỳ và các Tỉnh đảng bộ Nghệ Tĩnh, tác giả Nguyễn Thị Hồng Vân viết nguyên văn, “Xứ uỷ Trung Kỳ, nhất là đồng chí Bí thư ra chỉ thị thanh Đảng viết rõ từng chữ: thanh trừng trí phú, địa hào, đào tận gốc, tróc tận rễ.” Cho tới hiện nay, thế kỷ thứ 21, Cộng Sản vẫn còn áp dụng nguyên tắc của luật rừng này. Ngày nay họ đàn áp, triệt hạ tất cả cha mẹ, anh chị em của những phần tử đối kháng bằng nhiều cách như ép chủ nhà chấm dứt hợp đồng thuê nửa chừng, ép công ty họ đang làm việc phải sa thải họ v.v... Chưa kể họ còn cho công an mặc thường phục đóng vai côn đồ hành hung, gây tai nạn giao thông v.v...Cái thâm độc của CS ở đây còn thể hiện ở điểm họ không chủ trương gây tai nạn chết người mà chỉ gây thương tật nặng. Như vậy, nạn nhân vẫn còn sống và từ đó trở thành một gánh nặng cho toàn bộ gia đình. Ví dụ thì đây đây trên báo chí lẽ trái (blogs). Mới đây, ngày 19/6/2013

trong bài “Đình Nhật Uy bị bắt vì “không thuyết phục được Đình nguyên Kha nhận tội?” ký giả Trương Minh Đức viết, “Kể từ khi sinh viên Đình Nguyên Kha bị bắt thì công an địa phương luôn sách nhiễu gia đình bằng nhiều thủ đoạn, họ thường xuyên gọi điện thoại với những khách hàng đến sửa chữa máy vi tính tại cơ sở của Đình Nhật Uy (ghi chú của Ng. tường Tâm: người anh), công an hăm dọa khách hàng là nếu làm ăn với gia đình “phản động” này thì hãy coi chừng đó! và cũng kể từ đó không ai dám đến làm ăn với cơ sở của Đình Nhật Uy, thời gian vắng khách kéo dài Uy không chịu nổi với các khoản thuế, chi phí... Đành phải đóng cửa để về vườn làm bất cứ công việc gì cho gia đình. Từ một Kỹ Sư Công nghệ thông tin, chuyên gia máy tính đành phải về cuốc đất trồng rau, giăng lưới bắt từng con cá sặc để góp thêm cho mẹ Liên chờ đến chuyến thăm nuôi gửi cho em Nguyên Kha đang ở trong tù... đang thất nghiệp không giúp ích được gì nên tính lên Sài Gòn in tái bản thêm 400 cuốn sách kỹ thuật về sửa chữa máy Photocopy mà Uy cùng mấy người bạn đồng xuất bản trước đây, nếu bán được cũng có ít tiền giúp mẹ để phụ giúp nuôi em Kha... nhưng khi vừa đến nhà in thì bị từ chối với lý do là tên của Nhật Uy có trong cuốn sách đó nên không được in tái bản!??..”

Ngày 19-6-2013 trong phản hồi bài: “Một gợi ý cho biểu tình ở VN: Đứng im để biểu tình ở Thổ ...” Một khách với mã số 90908 đã viết, “Tôi không biết cách xử lý của cảnh sát các nước khác nghiêm tới đâu, nhưng tôi biết rõ ở VN, không chỉ cảnh sát, cả một guồng máy sẽ ập xuống, không chỉ bản thân người đi biểu tình, cả gia đình thân quyền cũng vạ lây. Triệt đường sinh kế, cô lập sinh hoạt, triệu tập lên triệu tập xuống, rỉ tai, hù dọa, rồi nếu cần thì thuê mướn bọn xã hội đen hành xử kiểu côn đồ... Kể sơ sơ những thứ lộ lộ ra trước mắt mọi người thế chứ còn những chiêu ngầm gian xảo hơn, tàn bạo hơn, có thể tôi vẫn chưa kịp nắm rõ.

Phe Quốc Gia không có một lý thuyết hành động nào phân loại người dân theo lý lịch gia đình để có chính sách đối xử tương ứng cho nên không có chính sách đàn áp, tiêu diệt thân nhân, gia đình của các phần tử Cộng Sản. Trong suốt 21 năm của chính quyền miền Nam, không một người vợ nào của Cộng Sản nằm vùng bị bắt nếu không có bằng chứng chính người đó hoạt động cho Cộng Sản. Vợ con họ cũng không bị đuổi việc cho dù đang làm việc cho chính quyền. Các khách hàng làm ăn với vợ con họ cũng không bị đe dọa để chấm dứt buôn bán với họ. Không một người con nào của cán bộ cộng sản nằm vùng hay tập kết ra Bắc bị đuổi học hay không xin được việc làm trong công sở chỉ vì liên hệ gia đình. Nhiều khi người Quốc gia còn đối xử với các đối thủ Cộng sản một cách “Quân tử tâu” nữa. Sự việc này mới đây đã được nhiều “cộng sản nằm vùng” thuật lại. Bài “Có một giờ G khác vào năm 1974” đăng trên báo Saigon Tiếp Thị (<http://sgtt.vn/Loi-song/177101/Co-mot-gio-G-khac-va-o-nam-1974.html>) có lời thuật của “Đại tá, anh hùng phi công Nguyễn Thành Trung”. Người phi công của Không Quân Saigon ném bom Dinh Độc Lập ngày 8.4.1975 đã thuật lại việc Chính Quyền Saigon và Trung Tướng Tư Lệnh Không Quân Saigòn đối xử với vợ con ông sau khi ông theo Cộng Sản phản bội Việt Nam Cộng Hòa như sau: “...thời gian sống trong đội ngũ không lực Sài Gòn cho tôi một niềm tin rằng vợ tôi, một người phụ nữ không liên quan gì đến công việc của tôi, con tôi còn quá nhỏ (đứa lớn mới 5 tuổi, đứa nhỏ chưa tròn năm) sẽ không bị đối xử một cách tàn nhẫn. Thực tế diễn ra đúng như tôi dự đoán. Cảnh an ninh không quân đưa xe đến nhà bắt vợ con tôi. Vợ tôi phản đối vì mình không biết gì về công việc của chồng. Họ từ tốn: “Thưa bà, chúng tôi không bắt bà (nếu bắt chúng tôi đã dùng còng số 8, trói bà chẳng hạn), chúng tôi tới đây mời bà vào phòng an ninh sư đoàn, với trách nhiệm bảo vệ sự an toàn tính mạng của bà và các con bà. Nếu bà có tài sản quý giá nào thì bà cứ mang theo”. Bài báo thuật tiếp, “Trong thời gian vợ tôi bị giam ở số 4 Nguyễn Bình Khiêm, trung tướng không quân Trần Văn Minh đến thăm với tư cách người chỉ huy có một người lính phản chiến. Ông ấy hỏi vợ tôi có cần bạn bè, người thân đến chuyện trò gì không hay cần mua sắm gì thì ông sẽ giúp đỡ.” Người Quốc gia là như vậy, “tiểu tư sản”, lại thêm “quân tử tâu”, nên thua Cộng Sản là phải.

Còn nói về tài tổ chức khéo léo của Cộng Sản hơn hẳn người Quốc Gia thì phải hiểu rằng người Quốc Gia thua kém Cộng Sản chỉ vì khác hẳn Cộng Sản, người Quốc Gia tổ chức theo nguyên tắc Pháp Quyền (rules of law), trong khi Cộng Sản không có luật, hay chỉ có luật để

trung bày, trong thực tế họ dùng luật miệng, luật rừng. Chính vì nguyên tắc Pháp Quyền của Người Quốc Gia mà đại đa số cán bộ Cộng Sản nằm vùng đã được ung dung hoạt động để cuối cùng phá hỏng cái nền dân chủ Pháp Quyền đã từng bảo vệ người dân cũng như bảo vệ chính họ. Ngày nay, họ đang tranh đấu quyết liệt đòi chính quyền Cộng Sản phải trả lại cho họ những nhân quyền họ từng được hưởng ở miền Nam mà ngày xưa chính họ phá bỏ. Để hiểu rõ điều này, tốt hơn hết nên nghe tường thuật của cựu “Việt Cộng nằm vùng” Hạ Đình Nguyên trong bài “Nguyễn Phương Uyên, tôi có thể làm gì cho em?” đăng ngày 5-11-2012 trên trang mạng Việt-studies (-http://viet-studies.info/kinhte/HaDinhNguyen_NguyenPhuongUyen.htm)”

Đối tượng mà chúng tôi chống, lúc bấy giờ, là Chính phủ Việt Nam Cộng Hòa, song lại có đôi điều mà trái tim công bằng của tuổi trẻ ghi nhớ như là nét son của một xã hội công dân – dù nó chưa tương xứng để gọi tên như thế– Tôi nhớ tại Tối Cao Pháp viện, Tổng thống VNCH – Nguyễn Văn Thiệu, đã đích thân đến Tòa án can thiệp, tranh luận tay đôi với Viện trưởng Nguyễn Minh Tiết, rằng cần phải kết án 21 SV trong số 42 SVHS đã bị bắt vừa qua là Việt Cộng, vì có bằng chứng minh bạch. Ông Viện trưởng Tiết đã cương quyết bác bỏ, vì sự tra tấn dã man là bằng chứng của ép cung, lời cung đã khai không còn giá trị. Thế là hầu hết đã được trả tự do ngay sau phiên tòa. Trong đó có một số anh chị có vai trò trong tổ chức Thành đoàn CS.” Cái tổ chức của người Quốc Gia kém xa Cộng Sản ở điểm mà chính ông Hạ Đình Nguyên cũng phải nhận định tiếp, “Dù các anh chị ấy có lập trường kiên định, một lòng trung thành với con đường lý tưởng đã chọn, song không khỏi ghi nhớ về tính cách của một vị quan tòa, và nguyên tắc, dù chưa phải là thực chất của một thể chế dân chủ, nhưng ở đó có một số điểm tựa để cho người dân tin cậy, là hệ thống luật pháp về dân sự, dù thời điểm đó đang là chiến tranh.” Người Quốc Gia tổ chức kém Cộng Sản bởi vì họ có một tổ chức tư pháp bảo vệ người dân như vậy.

Người Quốc Gia đã hành xử hoàn toàn khác người Cộng Sản, “dù thời điểm đó đang là chiến tranh” (mượn lời Việt Cộng nằm vùng Hạ Đình Nguyên) do đó trong một thời điểm của lịch sử họ đã thua.

Sự thất bại của đoàn quân Việt Quốc đã khiến cụ Bách và các đồng chí phải bôn tẩu sang Trung Quốc. Cũng như Loan và Dũng trong Đoàn Tuyệt và Đôi Bạn, cuối cùng hai người cũng tái hồi. Cụ Bách và nàng Loan của cụ cuối cùng cũng tái hồi. Loan của cụ Bách tên là Hứa Bảo Liên, một cô gái xinh xắn, mau mắn, đánh bóng bàn giỏi, người Hà Nội Việt gốc Hoa, thường vào nhà thương làm thiện nguyện và quen chàng sinh viên y khoa Nguyễn Tường Bách trẻ tuổi, đẹp trai, tài hoa, đàn hay, nhảy giỏi, học giỏi, ở đó. Như vừa trình bày ở trên, khi cụ Bách chia tay với cô Hứa Bảo Liên trong chiến khu hai người không một hứa hẹn gì. Chính trường chưa rõ nét mà cuộc đời của chàng Dũng Nguyễn Tường Bách thì vô định, sống nay chết mai, ai biết được đường tên mũi đạn. Sau khi lên thăm già từ chàng thanh niên bác sĩ Nguyễn Tường Bách tại chiến khu của VNQDD tại Việt Trì, cô Hứa Bảo Liên lên đường sang du học bên Côn Minh, Trung Quốc. Sự già từ đã tưởng như vĩnh viễn. Nhưng cuộc tái ngộ bất ngờ của hai người được nàng Loan Hứa Bảo Liên kể lại ở trang 91 cuốn hồi ký “Nguyễn Tường Bách và Tôi” như sau:

“Một buổi chiều mùa thu vào cuối tuần, tôi vội vàng ra trường để cùng các anh Tam (Nhất Linh), Long (Hoàng Đạo) và các anh em khác ra ga Côn Minh... Mọi người đang đứng đợi. Mãi lâu mới có một đoàn xe lửa từ từ tiến vào trong ga. Chuyến xe này từ Khai-Viễn tới. Tất cả mọi người đều chăm chú nhìn những hành khách đang xuống xe. Mãi sau có một anh chỉ cho mọi người nhìn theo, đằng xa có một toán người ăn mặc giống nhau, với những bộ đồ màu xanh đã bạc. Trên vai người nào cũng đeo một túi vải và chiếc bi -đồng đựng nước. Tất cả đều gầy, đen và trông có vẻ mệt mỏi so với những hành khách khác. Anh Bách gầy hơn hết, và đen rạm đến khó nhận ra. Được cái anh vẫn điềm tĩnh vui vẻ bắt tay mọi người. Cuối cùng tất cả đều vui mừng trở về trụ sở. Túi vải anh không có gì đáng giá, ngoài vài bộ quần áo thay đổi, áo len cũng không có. Trên tay anh có chiếc đồng hồ cũ và chiếc nhẫn tôi tặng cho anh trước kia, có lẽ là vật đáng giá nhất mà anh đã đem theo.” Hình ảnh tái ngộ bất ngờ của Bác sĩ Nguyễn

Tường Bách và người yêu tại một sân ga xa xôi, giữa thời chinh chiến, mang đậm nét lãng mạn cách mạng của Dũng và Loan trong tiểu thuyết của Nhất Linh, Tự Lực Văn Đoàn. Thế là một giai đoạn đầy biến động của lịch sử đất nước đã sang trang với sự thất bại của đoàn quân Việt Quốc. Đó là năm 1946 với sự tan rã của chính phủ Liên Hiệp Quốc Cộng. Khi được tôi và bác sĩ Nguyễn Tường Giang con cụ Thạch Lam hỏi, “Trong đời chú điều gì làm chú hối tiếc nhất?” thì không ngập ngừng cụ trả lời ngay: “Chú hối tiếc nhất là vào thời điểm 1945, các chú chỉ chậm chân 15 phút để rồi cuộc chiến Quốc Cộng kéo dài cho mãi tới thế hệ các cháu ngày nay.” Khi nói tới sự chậm chân 15 phút, ý cụ muốn nói tới việc Phe Quốc Gia đã không quyết liệt để có chủ trương cướp chính quyền từ tay chính phủ Trần Trọng Kim để rồi chỉ trong 15 phút bất ngờ Phe Cộng Sản đã biến cuộc biểu tình ủng hộ chính quyền Trần Trọng Kim, ăn mừng nước nhà độc lập khỏi ách thực dân Pháp và Nhật, thành một cuộc biểu tình cướp chính quyền của phe họ.

Theo hồi ký của Bác sĩ Nguyễn Xuân Chử, nxb Văn Hoá, Houston, 1996, thì Bác sĩ Chử lúc đó là đại diện chính phủ Trần Trọng Kim đã từ chối đề nghị của quân Nhật dẹp loạn Việt Minh. Ngoài ra trong một bài phát biểu tại Đại Hội Toàn Đảng Đại Việt năm 1998, tại San Jose, California, USA, ông Hoàng Nhật Tiến, đảng viên niên trưởng (sau này, năm 2006 là chủ tịch Đảng) đã tiết lộ rằng, Cụ Trương Tử Anh, lãnh tụ chung của các đảng quốc gia, đã dè dặt không muốn cướp chính quyền Hà nội nhân ngày công chức biểu tình 19/8/1945 mặc dù các đảng viên các đảng phái quốc gia đã hết sức thuyết phục. Sự thiếu quyết liệt của các đảng phái Quốc Gia đã mang lại cơ hội cho Cộng Sản chiếm được chính nghĩa trước nhân dân. Thực ra, Việt Minh Cộng Sản không đủ cán bộ để làm cuộc biểu tình đông như vậy, họ chỉ cướp công và giấu mặt cộng sản để cướp chính nghĩa mà thôi. Tâm sự tiếc nuối của cụ Nguyễn Tường Bách đã được mô tả ngắn gọn trong tựa đề của một bài phỏng vấn cụ Bách đăng trên tuần báo Saigon USA của Luật Sư Nguyễn Tâm xuất bản tại San Jose, California, Hoa Kỳ ngày 11-1-1999; tựa đề đó là: “Lỡ Một Bước, Hận Ngàn Thu”.

Năm 1946 Bác sĩ Nguyễn Tường Bách và các đồng chí của ông đã một lần thất bại trước đối thủ Võ Nguyên Giáp và phe Cộng Sản và phải bôn tẩu sang Trung Quốc. Năm 2013, trong một trận “quyết đấu tay đôi”, vì cả hai phe giờ chỉ còn hai cụ, một lần nữa Bác sĩ Nguyễn Tường Bách lại thất bại trước cụ Võ Nguyên Giáp khi phải ra đi sang bên kia thế giới, trong khi cụ Võ Nguyên Giáp vẫn còn ở lại, dù phải mang ồng thở.

Cuộc chiến Quốc Cộng thế hệ 1945 như vậy chính thức đã kết thúc. Nhưng cuộc chiến giữa những người Quốc gia, được hiểu là những người tranh đấu cho dân chủ và nhân quyền, và những đảng viên Cộng Sản mù quáng vẫn còn tiếp diễn. Tuy nhiên khác với thời kỳ ba mươi năm chiến tranh 1945-1975, cuộc chiến Quốc Cộng hiện nay đang diễn ra với phần áp đảo nghiêng về phe đấu tranh cho dân chủ và nhân quyền. Mặc cho trước mắt, phe Cộng Sản cầm quyền còn đang hung hãn, nhưng sự hung hãn hiện nay của phe Cộng Sản cầm quyền chỉ như sự vùng vẫy của con thú đang lâm vào đường cùng không lối thoát.

© *Đàn Chim Việt*

(1) http://www.hocxa.com/VanHoc/KhaiHung/KHung&NLinhtrongthoHKieu_QuocNam.php ;
Khái Hưng và Nhất Linh trong thơ Huyền Kiều
-Hồi Ký Việt Nam Một Thế Kỷ Qua cuốn I của Nguyễn Tường Bách.
-Hồi Ký về Gia Đình Nguyễn Tường của Nguyễn Thị Thế

(2): Nhân Văn Giai Phẩm-tác giả Thụy Khuê-nhà xuất bản Tiếng Quê Hương Virginia

(3): http://www.viet-studies.info/TDThao/NTNhat_TDThao_NKVien.htm

Đăng trên VieTimes-10-11-12/10/2007-Chuyện người vợ “duy nhất” của... hai học giả lớn Việt Nam-Ấn bản ngày 24-6-2013 này khác với ấn bản đã được công bố ngày 19-6-2013.

Phụ đính :

Việt Nam, một thế kỷ qua

Đầu thế kỷ, phố Cẩm Giàng

*Trải qua một cuộc bể dâu
Những điều trông thấy mà đau đớn lòng
Nguyễn Du*

Vào một buổi tối cuối tháng chạp năm Bính Thìn, trời rét. Gió bắc thổi vi vu trên phố huyện nhỏ, Cẩm Giàng, trên đồng ruộng mênh mang chung quanh, và trên mái căn nhà tranh năm gian đơn sơ của gia đình. Đó là lúc tôi lọt lòng mẹ, và oa tiếng khóc đầu tiên để chào đời. Trời đã xếp đặt cho tôi thành đứa con út trong một gia đình bảy anh chị em -gia đình Nguyễn Tường- và từ đó số phận của tôi đã được quyết định.

Chị Thế tôi kể là lúc ấy, trông tôi như một con mèo con, tôi không tin lắm vì nếu sinh với tuổi Thìn, đáng lẽ tôi phải giống như con rồng con mới phải.

Chị tôi kể: Một buổi tối, bà tôi đánh thức chúng tôi dậy, bảo dậy mà xem em bé, nó bé tí, cả người chỉ bằng con mèo, chỉ thấy hai con mắt và cái miệng nhỏ tí xíu. Chị tôi luôn miệng hỏi bà em bé ở đâu đến thế, ai cho vậy? Bà bảo đừng có nói bậy, em bé mẹ cháu mới đẻ đấy. Chị tôi lại hỏi thế đẻ ở đâu hở bà? Bà vội gắt lên, đẻ ở nách chứ còn ở đâu nữa! Từ đó, chị tôi cứ đinh ninh là đẻ ở nách ra.

Vì là thứ bậy, nên bà nội luôn tiện đặt cho cái tên Bậy. Về sau, cũng chẳng biết ai đổi thành cái tên Bách mà ngày nay, tôi phải mang, từ bậy nhảy tới một trăm. Nghe nói, cũng có tích nữa, như sau:

Thụy Cẩm Tam Long Vinh Bách Thế

Thụy Cẩm, Tam, Long, Vinh là tên mấy anh trên tôi, còn Thế là chị Năm tôi.

Câu vè trên nghe cũng hay, nhưng hơi bất công và đượm mùi trường giả. Theo đó, thì chỉ có bốn người trên là được vinh quang trăm đời, còn ba người sau thì không. Chị Thế là thứ năm, nhưng lại cho xuống cuối cùng, đủ biết thành kiến trọng nam khinh nữ trăm trọng. Còn tại sao lại cứ phải vinh quang mới được, rõ là óc háo danh truyền thống.

Có một điều chắc chắn, tôi là một quái thai đẻ ở nách ra. Sống sót tới ngày nay, kể cũng kỳ lạ. Tuy giống con mèo, nhưng lại là tuổi Thìn, nên số là phải chạy loăng quăng, rồi bay nhảy lung tung ngoài sức tưởng tượng. Đó là truyện về sau. Đích xác, từ bao giờ, gia đình chúng tôi đến định cư ở đây, tôi cũng không rõ, và tính tôi cũng không để ý gì nhiều tới nguồn gốc của mình. Sau này, có người nói, tôi mới biết là vốn từ tận Quảng Nam ra. Tôi cũng thấy vài người trong họ hàng từ miền Trung ra thăm. Nghe nói, ông nội tôi lúc trước đến làm tri huyện ở đất này, và đã mất ở đây, người ta vẫn còn gọi bà tôi là cụ Huyện. Và hồi xưa, trong các cụ tổ, cũng đã có

cụ là bậc Khai quốc công thần, có vị đã từng đi sứ sang bên Trung quốc. Xem ra, gia thế như vậy thì không đến nỗi kém ai...

Anh em chúng tôi không có ai chú ý tới gia thế. Thực ra, ngày xưa, thường những gia đình như vậy mới có thể có điều kiện cho con cháu được hưởng giáo dục tốt. Nhưng, từ khi ông tôi mất, gia cảnh bắt đầu sa sút, một lạc, gặp nhiều khó khăn. Thầy tôi nhờ học được chữ quốc ngữ và rành câu tiếng Pháp, nên cũng tìm được một chân thư ký, thông phán trong sở. Mẹ tôi cũng buôn bán vặt để thêm vào duy trì sinh hoạt và nuôi nấng mấy con.

Nếu bên nội là giòng giõi văn quan, thì bên ngoại, mẹ tôi, lại là giòng võ tướng. Vì tôi thấy ai cũng gọi bà ngoại tôi là bà quản. Một bên nho nhã, một bên võ biên, nhưng tại sao cả hai bên lại gặp nhau ở đây và kết thân với nhau, tôi cũng chưa rõ. Và sự kết thân này, với hai tính cách khác nhau đó tất cũng đã có ảnh hưởng đến tương lai của chúng tôi. Thầy tôi, tôi chỉ được nhìn qua ảnh chụp, có một khuôn mặt trái soan, văn nhã trong bộ áo dài, còn mẹ tôi thì giống bà ngoại, hay cậu Cả tôi, dáng người rắn giõi. Tiếng nói lớn, bà có tính cách cả quyết trong mọi việc. Có lẽ chúng tôi đã thừa hưởng cả hai thứ tính cách đó.

Sau này, nghe người ta kể, tôi mới rõ chúng tôi ở đâu ra, từ đâu đến, nói thực là về nguồn. Thì ra giòng giõi họ chúng tôi cũng có lịch sử khá phức tạp. Hơn hai trăm năm trước đây, tổ tiên chúng tôi còn mang họ Nguyễn, nhưng lại là Nguyễn Văn. Một ông tổ, đi theo Nguyễn Phúc Chung (tức Nguyễn Phúc ánh, năm 1802 lên ngôi với niên hiệu Gia Long). Một hôm tới địa phận Quảng Nam, Nguyễn Phúc Ánh chỉ một ngọn núi cao hỏi tên là núi gì. Ông đáp là núi Phước Tường. Nguyễn Phúc ánh nói: Nguyễn Phước là họ của ta. Ta ban cho người họ Nguyễn Tường.

Cụ tổ ấy bèn đổi họ sang Nguyễn Tường, và chọn nơi Cẩm Phô, Hội An, Quảng Nam làm phát tường địa (chỗ phát triển tốt lành). Đó là cụ Nguyễn Tường Vân, có tên ghi trong Đại Nam Liệt truyện, và từng giữ chức Binh Bộ Thượng Thư, phó Tổng Trấn Bắc Thành... thì ra chúng tôi cũng là giòng giõi quan to, không kém gì ai! Tuy anh em chúng tôi không ưa giới quan lại chút nào cả.

Cụ Nguyễn Tường Vân có một người con là Nguyễn Tường Phô, nhiệm chức. Giáo thụ phủ Điện Bàn. Cụ Phô sinh ra cụ Nguyễn Tường Tiếp, sau có chức vụ là đồng Tri phủ lãnh Thụy Nguyên huyện Tri Huyện ghi trong gia phả. Đó là ông nội chúng tôi - và tôi cũng không rõ ông đến làm tri huyện Cẩm Giàng từ thời nào và ông mất năm nào. Mà tôi cũng không biết cha tôi là con út của cụ Tiếp. Cũng không biết tên cha tôi là Nguyễn Tường Chiến với tên húy là Nhu, tôi chỉ biết cái tên sau thôi. Tôi cũng chỉ biết giòng ngoại họ Lê, không rõ là giòng họ Lê này ở Duy Phước, Duy xuyên, tỉnh Quảng Nam. Ông ngoại làm đến chức Lãnh binh, và cũng đến Cẩm Giàng. Đó thực là một duyên phận Kỳ ngộ. Một điều đáng tiếc là chúng tôi không rõ cuộc hôn nhân của cha và mẹ chúng tôi là do phụ mẫu xếp đặt hay do tự do luyện ái. Dù sao, cả hai bên đều là khách ly hương, xa quê nhà ở mãi tận miền Trung. Nghe nói, khi cha tôi sắp qua đời, có trần trối để lời với các con.

- Sau này, dù thế nào các con cũng phải tìm về lại quê cha đất tổ.

Sau này, các anh chị tôi đều có ghé thăm Cẩm Phô. Năm 1930, anh Nguyễn Tường Long có về thăm quê và đã cúng vào Văn Miếu làng, nhà thờ tộc bên nội và tộc bên ngoại - mỗi nơi một bức hoành.

Từ năm 1954 về sau, nghe nói trong họ hàng có đi lại nhiều, nhưng tiếc lúc ấy chúng tôi đã đi xa.

Trước khi tôi ra đời, thầy tôi bỗng không may mất việc thông phán ở Hà Nội. Mẹ tôi phải thu xếp về buôn bán ở quê ngoại, huyện Cẩm Giàng.

Đây là một huyện lỵ nhỏ, bình thường, nghèo nàn, nằm bên con đường sắt Hà Nội - Hải Dương, miền đồng bằng Bắc Kỳ, trong thời kỳ những ngày Pháp thuộc âm thầm tại đầu thế kỷ thứ hai mươi. Chung quanh là đồng ruộng im vắng, với tận xa, những lũy tre xanh Việt nam bao bọc các làng mạc nằm ở trong từ mấy ngàn đời.

Nơi chôn rau cắt rốn của các anh chị em trong gia đình, nơi chúng tôi đã lớn lên, tiếp xúc đầu tiên với xã hội. Một cánh đồng, một gốc cây, một góc phố, một cái lều trơ vơ, đến nay chúng tôi vẫn không quên được.

Gian nhà chúng tôi ở một bên trông ra cái ga nhỏ, một bên trông ra con phố hẹp làm lội mỗi khi trời mưa. Nhà ga nhỏ xám, hai bên trồng găng. Mỗi khi có xe hoả lên xuống, cả ga, cả phố xá lại như vùng dậy, rộn rịp hẳn lên. Nhưng đến tối, chỉ còn nghe thấy tiếng còi tàu vắng từ xa đến rồi biến đi trong đêm lạng.

Mấy dãy phố lều tèo, với vài căn nhà gạch, hai cửa tiệm bán tạp hóa của người Hoa Kiều. Cuối phố, rẽ xuống bên đò Sông Sen, ai đi qua cũng phải ngó vào cổng nha Huyện xám xịt, với chú lính lệ đứng gác, tượng trưng cho uy quyền của nhà nước.

Thửa bé, chúng tôi thường chạy ra, theo đường sắt, đứng trên cái cầu sắt bắc ngang trên sông Sen êm đềm trôi giữa hai rặng tre, tới đồng lúa xanh ngắt. Ban đêm, dân phố vẫn lắng nghe tiếng xe hoả chạy rầm rập trên cầu, phá vỡ cả một vùng tịch mịch.

Thế giới của tôi khi mới lò cò chạy đi là căn nhà năm gian rộng rãi dưới mắt một đứa bé con, cửa hàng xếp trông ra phố Chợ với những lều không chống bằng nửa, cái sân gạch đằng sau nhà, đưa tới ngôi nhà gạch bên ngoài. Qua cái nhà gạch đó là chỗ tôi thích đứng ngắm nhất, dù còn quá bé - một vườn hoa nhỏ, có trồng hoa nhài trắng và thơm dịu, với những bụi tóc tiên. Rồi tới cái ao nhỏ, nước phẳng lặng, thỉnh thoảng mới có ít bọt nước sủi lên do cá đớp động dưới đám bèo hoa. Và một cây sung cổ kính, già nua không biết trồng từ năm nào, thân cây to ngã trên mặt nước, một cái cầu ao bằng tre bắc ngay dưới bóng sung.

Mấy rặng găng cao chia cách bên chúng tôi với nhà láng giềng. Khi mùa tới, những quả găng đỏ hồng trông rất hấp dẫn, nhưng dù trẻ con, cũng ít khi hái mà ăn, vì mùi vị quá lạ.

Cuộc sống đúng là vô tư lự, hạnh phúc, tuy thiếu thốn, cho đến một ngày:

Tôi cảm thấy không khí trong nhà khắc hẳn, rộn rịp, các anh về đầy đủ, người ra vào tấp nập. Xen lẫn vào, là tiếng khóc - chắc là của bà nội. Tôi ngờ ngác trước đèn, nến trên bàn thờ đã thấp lên sáng choang. Mùi hương khói, mùi giấy đốt trùm cả trong nhà.

Không nhớ có phải do mẹ tôi chỉ không, mà tôi tiến dần đến bàn thờ, nhìn vào một cái hòm dài dưới gầm bàn. Hình ảnh cái tiểu sành, trong đó xếp mấy ống xương màu vàng bùn, tất cả những di vật còn lại của thầy tôi - giữa hương khói nghi ngút, tôi còn nhớ như ngày hôm qua. Đó là lần đầu tiên tôi đứng trước cái chết. Nhưng trong đầu tôi chỉ thấy lạ lùng, không có cảm giác đau thương. Và đó cũng là lần đầu và lần chót tôi được trông thấy thầy tôi. Về sau, khi lớn lên, nhớ lại hình ảnh đó, tôi mới suy nghĩ về cuộc đời của con người, của sự sống và sự chết, tôi mới cảm thấy một thứ hư không vô hạn. Cái cảm giác hư không ấy sẽ theo đuổi tôi sau này, mỗi lúc tôi đứng trước những cảnh trạng sống chết luôn luôn phải gặp.

Sau khi tôi ra đời hơn năm thì thầy tôi phải đi làm xa, với việc thông ngôn cho một viên Công Sứ, sang tận đất Sầm Nưa bên Lào - thiên sơn vạn thủy, ma thiêng nước độc, vì sinh kế. Lúc đầu ông cho biết ở bên đó công việc nhàn hạ, khí hậu cũng tốt, làm cho mọi người yên tâm. Nhưng đến một ngày mùa đông, hai anh Thụy và Cẩm bỗng đột ngột đáp xe hoả từ Hà Nội về báo tin dữ: thầy đã mất vì bệnh bên Lào rồi, tin như sét đánh. Vừa nghe nói, bà nội đã ngất xỉu ngay giữa vườn rau. Bà khóc thảm thiết cho mãi tới khuya.

Thầy tôi mất vào ngày 23 tháng 10 năm Mậu Ngọ, tức năm 1918, hưởng thọ 37 tuổi, vào lúc ông hãy còn trẻ quá. Ông mất đi, bên cạnh chỉ có mỗi mình mẹ tôi, để lại mẹ già, vợ goá và một đám con còn nhỏ bơ vơ.

Tang tóc bất ngờ đã để lại một vết thương âm ỷ, sâu xa trong lòng cả anh em chúng tôi. Cảnh mồ côi bố không phải không có ảnh hưởng. Sinh sống khó khăn, lại thiếu sự dạy dỗ chỉ bảo hay diu dắt của người bố, bà mẹ bận về tìm cách làm ăn, sao cho nuôi dưỡng được bầy đứa con cho thành người, những cái đó có lẽ đã rèn luyện anh em chúng tôi tinh thần tự giác, độc lập trong cuộc đời phức tạp, đầy gian nan. Ngôi mộ thầy tôi cũng không ở xa lắm đối với phố huyện. Nghe kể lại, lúc đó đã mướn một thầy địa lý đi nhiều nơi tìm chỗ tốt, mang tới phú quý cho gia đình. Cuối cùng, thầy chọn được một nơi tại làng Trữ La, mà thầy bảo là ở ngay giữa miệng con rồng. Có người lại nói là ở đúng trên lưng một con phượng.

Theo chỗ tôi ngắm, thì không giống miệng con rồng chút nào mà phải giàu tưởng tượng mới cho là lưng con phượng được. Còn ông thầy địa lý đó chắc cũng phải ngẫm nghĩ, nếu ông biết gia đình chúng tôi sau này chẳng thấy phú quý ở đâu cả, mà toàn là long đong.

Nhưng dù sao, tôi cũng vẫn còn nhớ nơi mà thầy tôi an nghỉ vĩnh viễn. Đó là một cảnh rất nên thơ. Là nơi rất thân thiết đối với chúng tôi, từ lúc còn nhỏ cho đến khi trưởng thành. Ra khỏi bụi găng ở đầu ga, chúng tôi hay chạy trên con đường sắt thẳng tắp, hai bên là đồng ruộng. Bên tay mặt, trên con sông Sen, một cây cầu sắt gầy không biết tự bao giờ vẫn đứng trơ trơ qua ngày tháng. Bên trái, cánh đồng Kinh nguyên, một dải mộ địa im vắng.

Rời bỏ đường sắt, rẽ vào một con đường đất, chẳng bao xa thì tới một góc cây đa cổ thụ, cành lá xoè ra, trùm lên cả một khoảng rộng. Đó là cây đa mâm xôi - như người vùng đó thường gọi. Bóng cây đa đã từng che mát cho bao nhiêu dân làng gần xa. Từ chỗ này, qua mấy thửa ruộng, là tới mộ thầy tôi. Và sau này, bà nội tôi cũng đến yên nghỉ ngay bên cạnh cây đa. Hai mẹ con cuối cùng cũng đã nằm gần nhau tại mảnh đất này. Mộ nằm trên một gò đất, trước mặt là hai ao nhỏ và con đường vắng, lá tre rụng đầy đưa vào trong làng, và vào một ngôi chùa cổ kính, đầy rêu, một ngôi chùa Việt nam chân chính. Hai bên có giải đất dài, dẫn xuống mấy thửa ruộng đằng sau. Chung quanh nhiều khóm cây rữ bóng trên mặt nước. Về sau, có khi tôi đến ngôi bên mộ, không nghĩ ngợi gì, để ngắm cảnh làng quê im lừn, xa vắng.

Thời kỳ ấy, chính vào lúc đệ nhất thế chiến đã kết thúc, nước Pháp đại thắng. Chữ quốc ngữ, chữ Pháp càng được dùng nhiều thay vào chữ Nho, chữ Nôm. Những ông đồ nho chi hờ giả đã dần dần cảm thấy hết thời, bị những ông Ký, ông Thông, Phán thay vào, làm trung gian giữa người Pháp cai trị và người dân Việt. Những công việc này cũng nhàn nhã, lương hậu. Các nhà trường cần nhiều giáo viên, nghề gõ đầu trẻ tuy lương bổng thấp hơn, nhưng cũng không quá vất vả.

Cảnh nghèo nàn thiếu thốn trong gia đình, dù mẹ tôi và bà tôi cố gắng xoay sở, cũng chưa giải quyết được vì đông con. Tôi còn nhỏ quá nên chưa thấy rõ những phiền muộn, éo le, xung đột trong nhà. Tuy cũng cảm thấy nhiều khi, có bầu không khí nặng nề giữa người trong gia đình

qua những cuộc cãi cọ, đấu khẩu.

Tại chung quanh, cảnh nghèo khổ, tiêu điều trong các gian nhà lụp sụp, cảnh chân lấm tay bùn của nông dân cặm cùi trên đồng ruộng làm lội, những người chỉ có một cái khổ che thân, cảnh phiên chợ lều tều... cảnh mưa phùn gió bắc, mưa bão trên những lều tranh đầu phố... tất cả những cái đó đã ăn sâu vào trí óc chúng tôi. Về sau, đã thúc giục chúng tôi muốn viết lên, muốn làm một cái gì để thay đổi tình trạng đó. Không phải là ngẫu nhiên, mà chúng tôi đã từng có cảm xúc mạnh - Mệnh vận của mỗi người có thể khác, nhưng chúng tôi có chung sự đồng tình, lòng trắc ẩn sâu xa đối với những đau khổ của cuộc đời.

Hồi đó, tôi lại được quen với những thứ mùi lạ mà ít người khác được biết, đó là mùi rượu lậu. Mỗi khi nấu rượu thì mọi cửa ngõ đều phải đóng kín hết, mọi người thay nhau ra gác để phòng Tây Đoan đột nhiên đến khám. Thường thường là chị tôi hay anh Sáu đứng ở cổng trông ra đường ga hay trông ra phía chợ. Anh Sáu bắc một cái ghế ngồi, giả vờ đương đọc sách một cách chăm chú. Nấu rượu cũng là bắt đắc dĩ để duy trì một gia đình đông con.

Song, đi đêm lắm cũng có ngày gặp ma.

- Tây đến! Tây đến!

Đương nằm thiu thiu trên chõng, tôi bỗng bị mấy tiếng kêu lớn vọng từ ngoài cổng vào đánh thức, ngồi dậy, ngỡ ngác. Tức thì một cảnh hỗn loạn khuân vác, dẹp chạy khẩn cấp diễn ngay ra. Nồi niêu, thùng sắt được khuân ngay ra đằng sau phố. Một người dẹp tắt lửa trên bếp, một cái cửa ngang. May mà hôm đó, Tây Đoan đã không xông tận vào nhà trong, chỉ lục lọi ở ngoài một lúc rồi bỏ đi khám nơi khác. Nguyên do cũng vì anh Sáu ngồi lâu quá buồn ngủ thiếp đi, nên bọn Tây Đoan đến gần mới phát giác, gây ra cảnh hoảng loạn kể trên...

Nhưng Tây Đoan cũng không vừa. Đã có kinh nghiệm, lại có tay trong, nên lần sau chúng chia người vây nhà, rồi xông vào bắt được quả tang tại chỗ, phạt tiền, tịch thu môn bài rượu. Việc kinh doanh trái phép này phải ngừng, và quay về buôn bán hàng xếp, cùng cân gạo. Sinh hoạt gia đình càng khó khăn hơn.

Sau đó, nhờ hai anh lớn đỡ bằng Thành Chung, (tục gọi là đíp lôm) rồi xin được chân giáo viên tiểu học, giúp gia đình sinh sống tạm được yên ổn, tuy vẫn thiếu thốn. Chăm học, lại thông minh, các anh lớn đều học giỏi và đỗ sớm cả. Bấy năm thửa bé của tôi đã qua trong khuôn cảnh phố ga Cẩm Giàng. Trong ký ức, tôi không nhớ rõ lắm về hình ảnh ba anh lớn, Thụy, Cẩm, Tam - có lẽ vì bận học và công việc, nên ít về nhà. Chỉ có anh Long (Tủ) là hay về chơi, nhất là vào dịp nghỉ hè. Thường ở nhà chỉ có chị Thế và anh Sáu, lúc đó học ở trường huyện. Đó là những ngày vô tư vô lự của đám trẻ. Chúng tôi thường rủ nhau đuổi bắt những loại bướm màu sắc sỡ bay lượn trên bụi găng, rồi cùng mấy cô em họ tinh nghịch chạy ra cánh đồng, đánh cò gà, một lối chơi rất thú vị, hoặc ngắt những bông hoa thài lài xanh trên bờ ruộng.

- Đi câu cá, đi anh!

Vì biết anh Tư thích câu cá, cô Tám, một cô em kéo anh ra bờ ao nhìn ra cánh đồng xa. Chỗ này mát mẻ, dưới một gốc sung già da sần sùi. Chúng tôi đào giun hay đi súc tép dưới bèo để làm mồi. Hai anh Tư và Sáu ngồi trên thân cây hay trên cầu ao, ung dung đợi cá rô đến đớp. Mấy cô gái trèo thoăn thoắt lên cây, rồi ngồi vắt vẻo trên cành là trên mặt nước. Một cô em hái mấy quả sung đưa các anh ăn, quả nào cũng chín, màu tím, và ngọt lịm. Nhưng chúng nó lại chỉ hái mấy quả còn xanh, lấy ít muối chấm ăn, rất thích thú, tuy đắng chát tê cả lưỡi. Mỗi khi ai kéo lên được một con cá rô đen hay một con cá mại bụng trắng tinh, là mọi người đều nhảy lên

reo mừng y như trước một chiến thắng lớn.

Chán rồi, lại kéo nhau ra la cà tại các quán chợ, nếu đến phiên, nhiều người gồng gánh từ chung quanh mang hàng tới bán. Chỉ có mấy viên kẹo vừng hay kẹo lạc cũng đủ làm chúng tôi vui vẻ hạnh phúc nhất là khi trong túi có thêm mấy xu, có thể làm được mấy bát cháo dương - thứ cháo bột nấu với ít sườn- ngon tuyệt vời, có lẽ ngon hơn tất cả những thứ sơn hào hải vị trên thế gian này.

Nhưng rồi những ngày êm ả tuổi thơ tại Cẩm Giàng cũng đến lúc phải hết. Bắt đầu là cậu học trò bé bị mẹ xua đuổi tới nhà trường. Tôi ngồi im thin thít trên ghế trong lớp, như một sự phản kháng thâm lặng, vì thế tôi được tiếng là một học sinh ngoan ngoãn. Một năm sau, hoàn cảnh biến đổi, gia đình dọn lên Hà Nội ở. Một thời kỳ mới bắt đầu trong cuộc đời anh em chúng tôi.

Đất Thăng Long - Những cuộc gặp gỡ đầu tiên

Chuyến xe hoả sinh sịch chạy qua cầu Giàng, trên con sông Sen êm đềm. Tôi ngoảnh đầu, cố nhìn lại con sông hiền lành của thời thơ ấu, cái phố huyện, mấy căn nhà tranh lều tèo, cái nhà ga xám nhỏ, căn nhà năm gian của mình, cái sân nhỏ trồng tóc tiên và hoa nhài, cây sung trên bờ ao, cây đa mâm xôi, và nắm mộ của thầy tôi trên đồng ruộng im vắng. Đối với tôi, Hà Nội tuy đông vui thực, nhưng chỉ là những đường phố bụi bặm, khô khan. Từ ở phố Sinh từ chật chội, trên vỉa hè đầy những người buôn thúng bán mẹt, chúng tôi lại dọn đến hàng Bún, trong một ngõ cụt vắng vẻ hơn. Tôi vào học trong một trường tiểu học gần đó, và không cần nói, tôi vẫn chưa thấy có hứng thú đối với làm bài, đọc sách. Tôi vẫn tính nào tật ấy. Trước đây, hay đòi ăn thịt mỡ, nay lại giờ chúng, đòi ăn lạp xường, cao cấp hơn.

- Tao làm gì có tiền để mua lạp xường cho mày ăn! Tiền mua rau cũng chưa đủ!

Một hôm mẹ tôi nổi giận, gắt.

- Thì bán cả mẹ đi là đủ tiền mua chứ sao! - tôi không chịu nhượng bộ.

Mọi người trong nhà đều phì cười về yêu cầu quái dị của tôi. Sau đó, bà nội lẳng lặng lấy tiền của mình mua mấy đôi lạp xường và nấu một nồi cơm nếp cho cả nhà ăn.

Tất nhiên, với tính xấu như vậy, năm sau, tôi đi thi bằng sơ học yếu lược sau hai năm tiểu học - một thứ bằng duy nhất ở Việt nam Pháp thuộc mới có! Tôi đã ngồi ngậm cán bút sắt trước bài toán thi - trượt vô chuối. May mà không ai trong nhà nói câu nào- không ai thêm để ý đến một việc nhỏ như vậy.

Năm đó, tôi cùng gia đình xuống Thái Bình cùng ở với anh Cả đương làm đốc học trường huyện Thư Trì, ngay bên sông Hồng Hà. Lần đầu tiên, tôi được thấy giòng sông Hồng cuộn cuộn, mênh mang, đỏ lừ chảy về xuôi, qua những bãi cát dài, những vườn ngô thẳng tắp và ở xa, những làng mạc đồng quê. Cảnh con sông Hồng đã in sâu vào trí óc tôi, và hơn nữa, vào trái tim non nớt của tôi.

Chiếc tàu Phi Phượng ghé vào bến Tân Đệ. Chúng tôi - mẹ, chị tôi và tôi đến ở một làng gần ngay huyện và nhà trường. Một căn nhà tranh nhưng cao ráo, sáng sủa. Trong vườn sau cổng vào, hai cây cam lớn, với quả vàng óng chói khiến tôi thêm muốn. Nhưng thất vọng rất nhanh, vì cam chua quá. ở đó con người, kể cả những bạn học lớn của tôi, đều rất thành thực, chất phác. Có khi, tôi theo bạn học qua con đê lớn, xuống những làng xóm nằm dưới chân đê. Họ hái cho tôi những quả táo ta vàng ruột khi chín, rất ngọt -táo ở vùng này có tiếng là to và

ngon, gọi là táo cống.

May mắn, qua một năm, lần này tôi thi đỗ cái bằng đó. Có bằng đó rồi, thì đã ngang với hàm Cử phẩm văn giai, mà nhiều người lấy làm hãnh diện, treo ngay trong phòng khách. Thời đó hình như đồ tú tài thì có thể xin hàm lục phẩm và nếu làm tri huyện thì được hàm Ngũ phẩm triều đình. Nhưng rồi không lâu, vì cãi cọ với viên tri huyện, anh Thụy tôi phải đổi đi nơi khác. Chắc là bị trừ, nên lần này đổi lên tận Cao Bằng, mãi tận vùng Đông Bắc núi cao rừng rậm. Gia đình lại trở về Hà Nội. Lúc đó, tôi đang học lớp nhì tại trường học tỉnh Thái Bình. Một lần, ông giáo hỏi tôi một câu gì, tôi trả lời hơi chậm chạp, ông bèn phê luôn một câu bằng tiếng Pháp:

- Những học trò ở quê lên, thường là ngớ ngẩn!

Chạm vào lòng tự ái, tôi thấy ông giáo này không công bằng và có ý khinh miệt những người nhà quê). Để kháng nghị, tôi bỏ học và hôm sau bỏ Thái Bình về Thư Trì, nhân dịp nhà trở về Hà Nội, đúng lúc. Hai mươi năm sau, tình cờ, tôi lại gặp ông giáo đó tại Hà Nội, hai người bắt tay nhau, cùng cười xoà. Chắc trong bụng, ông vẫn cho tôi là ngớ ngẩn.

Bước vào giữa thập niên 20, tình hình Việt nam đã rục rịch những biến chuyển mới, theo tình hình trên thế giới và những thay đổi trong xã hội.

Sau thế chiến thứ nhất, với tư cách kẻ chiến thắng, nước Pháp đã duy trì được nền thống trị trên các thuộc địa. Nhưng do sự tiếp xúc, giao lưu với thế giới bên ngoài đã tăng mạnh, nhất là về những phong trào đòi độc lập ở á châu, Phi Châu, phong trào đòi dân chủ tự do, và một mặt là ảnh hưởng của chủ nghĩa cộng sản cùng mọi thuyết dân chủ xã hội tại Âu, Mỹ, người dân Việt cũng như dân các nước bị trị khác - đã cảm thấy đến lúc phải đứng lên hoạt động, và kế thừa tinh thần của các phong trào ái quốc được khơi dậy bởi những thế hệ tiền bối, như Đông Kinh Nghĩa Thục, Việt nam Quang Phục Hội.

Nói chung, thanh niên hồi đó chịu ảnh hưởng của ba luồng tư tưởng trong quốc tế. Một là ảnh hưởng của cuộc cách mạng Tân Hợi Trung Hoa đã thành công năm 1911, và việc quật khởi của nước Nhật bản cường thịnh. Hai là của những tư tưởng tự do, bình đẳng, bác ái do cuộc Cách Mạng Pháp nêu lên, và của Tuyên Ngôn về Hiến Pháp của Hoa Kỳ. Ba là của cuộc cách mạng tháng 10 ở Nga, đưa đến hành lập Liên Bang Xô Viết, với khẩu hiệu giai cấp vô sản liên kết với nhân dân các nước bị áp bức do Lenin đưa ra. Những luồng tư tưởng dân tộc, dân chủ và đấu tranh cho giai cấp vô sản ít nhiều đã tràn vào Việt nam, dù bọn thực dân có muốn cũng không ngăn cản được. Trong nội bộ Việt nam, đã xuất hiện những giai tầng kinh doanh, trí thức mới, vận dụng chữ quốc ngữ và chữ Pháp, hấp thụ được những quan niệm mới tự do, phóng khoáng hơn, đẩy lui dần những quan niệm Khổng Nho cũ, những gò bó quân thân phụ tử, tam tòng tứ đức phong kiến lỗi thời mà một số người khư khư cho là khuôn vàng thước ngọc. Đây là giai đoạn phôi thai cho một nền văn học mới. Một số báo chí có khuynh hướng trung dung như Trung Bắc Tân Văn, Hữu Thanh tạp chí ra đời. Trên mặt văn đàn, những tên tuổi như Tân Đà Nguyễn Văn Vĩnh... và sau đó Phạm Quỳnh đã lần lượt xuất hiện. Những tác phẩm thời kỳ đó, tôi đã từng đọc, tuy chưa là hay lắm, nhưng cũng có phần nào thoát được lối văn cũ. Những bài thơ hài hước của Tú Xương, hay những bài dịch ngụ ngôn của La Fontaine của Nguyễn văn Vĩnh, theo ý tôi, rất đặc sắc và có giá trị riêng, tôi rất thích đọc.

Chính giai đoạn này là lúc chớm nở những tài hoa xuất chúng, sửa soạn đi tới một thời kỳ toàn thịnh của nền văn nghệ Việt nam sau năm 30. Tôi có may mắn được gặp gỡ mấy nhà văn trong Tự lực văn đoàn sau này trong lúc sáng tác của các anh đó còn trong thời kỳ sơ khai - Nhất Linh, Tú Mỡ, Khái Hưng.

Thực ra, lúc còn bé, sự tiếp xúc giữa hai anh em không nhiều. Trong ký ức, hồi đó, anh Tam là một người cao, hơi gầy, mặt xương xương, đôi mắt sâu như tất cả các anh chị em trong nhà. Mắt sâu nhưng sáng, hay nhìn đăm đăm về phía trước. Từ trẻ, anh đã suy nghĩ về nhiều vấn đề mà thường thường, những thanh niên khác không chú ý ngoài việc đi học, đi làm, lấy vợ.

Đặc biệt, người ta hay để ý tới cái mũi của anh, sống mũi cao, đầu mũi hơi to và hiện ra những mạch máu đỏ li ti. Vì thế, rất sớm, anh đã có biệt hiệu là Tam mũi đỏ. Còn một biệt hiệu nữa trong nhà và bạn hữu đặt cho, là Tam muối vừng: không biết vì lười hay cho là ăn như thế mới ngon, anh hay tự gĩa muối vừng đã rang, rồi từ cối múc ra để ăn cơm. Lại thêm biệt hiệu Tam cối nữa.

Tính tình anh hiền từ, chưa bao giờ tôi thấy gắt gỏng to tiếng, hay cãi lộn với ai, cũng như các anh em khác trong gia đình. Có thể nói hiền lành, ít nói là một đặc tính chung cho chúng tôi.

Tác phẩm đầu tiên của anh là mấy bài dịch thơ Đường đăng trên báo Trung Bắc Tân Văn. Thơ Đường đã có ít nhiều ảnh hưởng đối với anh cũng như đối với các nhà văn nhà thơ Việt nam. Nhưng anh không có hứng thú làm thơ, mà có hứng thú viết truyện hơn.

Năm 1926, tôi được đọc cuốn truyện đầu lòng của Nhất Linh. Chỉ còn nhớ cuốn sách đó in trên giấy bản, gáy sách đóng bằng chỉ. Là một cậu học trò nhỏ tuổi, tôi chưa đủ trí óc để phán đoán. Truyện một cô gái gặp khó khăn, nhưng hiền hậu đảm đang, cố gắng giúp chồng đỡ đạt, làm nên... thực có vẻ nho phong, tuy chưa thoát khỏi được lẽ lối cũ, song lối hành văn có vẻ trong sáng hơn, ít sáo ngữ hơn. Có lẽ vì thế nên đặt tên truyện là Nho Phong.

Một buổi chiều (không nhớ là vàng hay tím), tôi cắp sách về tới nhà. Một người bạn đương ngồi trong phòng khách. Ông bạn này người cũng hơi cao, gầy, da mặt ngăm ngăm đen. Đôi mắt rất thông minh, miệng cười có duyên, có vẻ hóm hỉnh. Ông đương rít một hơi thuốc lào, nước kêu lộc sộc, rồi thở ra một cách khoan khoái. Độ ấy, nhiều người hút thuốc lào, kể cả Nhất Linh, Khái Hưng, Thế Lữ, Thạch Lam, trong đó Tú Mỡ, Thế Lữ là nghiện cụ. Anh Hoàng Đạo ngoan trai hơn, không thuốc lào cũng không thuốc lá. Lớn lên, tôi cũng tập tễnh hút. Phải thú thực, thuốc lào đưa đến cho người ta một thứ say sưa, khoái cảm đặc biệt.

Thoạt trông, anh Hồ Trọng Hiếu có vẻ chất phác, không có gì nổi bật khiến người ta chú ý. Hiền hậu, khiêm tốn, ít nói về mình, ai cũng mến anh. Anh và anh Tam cùng làm trong sở Tài chính, có lẽ vì tính tình hợp với nhau, nên rất tâm đắc. Nhìn anh, không ai nghĩ đây là một nhà thơ trào phúng xuất chúng sau này.

Không phải là Tú Mỡ chỉ viết sau khi gặp anh Tam. Trước đó anh đã có một số bài thơ đăng trên các báo, hay vài bài tạp ký. Nhưng phải nói là Nhất Linh đã cổ vũ anh rất nhiều về sự nên chuyên vào làm thơ trào phúng, và chỉ có qua Phong Hóa, Ngày Nay, tài hoa của anh mới được phát triển đầy đủ và được độc giả ưa chuộng. Tiện đây, xin nói là sau này, khi bắt buộc phải tự kiểm thảo lên án công dân Nguyễn Tường Tam về tội phản động, một mặt vẫn còn đủ can đảm và lương tâm để khẳng định rằng không có Nguyễn Tường Tam thì không có Tú Mỡ và chính Nguyễn Tường Tam đã tạo nên Tú Mỡ. Nhưng, ngược lại, nếu không có Tú Mỡ cộng tác và khuyến khích, thì sự nghiệp văn học của Nhất Linh chắc cũng không thuận lợi như hồi đó, và cũng không có Tự lực văn đoàn sau này.

Có thể vì hoàn cảnh, hai anh lớn -Thụy và Cẩm không có duyên với nghiệp văn chương. Anh Thụy từ giáo viên đổi sang tự học đỗ tú tài, rồi sau thi vào làm một chức tham tá Bưu Chánh ở sở Bưu điện Hà Nội. Còn anh Cẩm thì tốt nghiệp trường Cao đẳng Canh nông, và được bổ đi làm tham tá tại nhiều nông trường ở miền Nam, ở Lào. Chấn đời cạo giấy tại sở Tài chính, anh

Tam xin vào học trường Y sĩ Đông dương- lúc đó chưa có trường Y khoa Đại Học- nhưng chắc số anh không phải là đeo ống nghe, tiêm thuốc, và tâm hồn nghệ sĩ không ăn khớp với cái nghề khô khan không chút thi vị này, anh lại vội nhảy sang học trường Mỹ Thuật Đông dương.

Nàng Mỹ Thuật có lẽ hợp với anh hơn, vì anh có khiếu về vẽ. Trong trường, anh cũng là một học trò giỏi. Một lần, cùng mẹ, tôi đi xem cuộc triển lãm hội họa của nhà trường tổ chức. Thường thức mọi loại tranh từ trên lụa cho tới sơn dầu, thủy mặc. Cuộc triển lãm này cũng là một bước đánh dấu sự phát triển của nền hội họa Việt nam. Văn học và mỹ thuật cùng chớm nở và trưởng thành trong một thời kỳ, hoàn toàn không phải là ngẫu nhiên, mà vì xã hội đã hội đủ những điều kiện cho sự trưởng thành ấy.

Mẹ tôi và tôi đứng trước bức tranh truyền thần vẽ bằng bút chì, chân dung một bà cụ già.

- Tranh của anh mà vẽ đấy, có biết vẽ ai không?- mẹ tôi chỉ vào bức tranh hỏi.

Tôi nhìn lại, mới nhận ra là người trong tranh vẽ chính là bà nội mình. Tôi thấy vẽ giống thực và đẹp thực. Mẹ tôi lại gật gù tấm tắc:

-Vẽ giống quá! Tinh thần, tinh thần lắm!

Con vẽ, mẹ khen hay, tưởng cũng tự nhiên thôi.

Hồi ấy, nếu anh Tam cứ theo đuổi nghề vẽ, thì tất có lẽ trở nên một Tô Ngọc Vân, Nguyễn Phan Chánh hay Nguyễn Gia Trí, một nghệ sĩ tài hoa, nhưng lúc đó sẽ không còn nhân vật Nguyễn Tường Tam - Nhất Linh, và không có Phong Hóa, Tự lực văn đoàn. Người ta có lúc không thể không tin ở số phận. Cũng may, lý tưởng chính của anh vẫn là viết văn. Năm sau, cuốn Người quay tơ ra đời. Một tập truyện ngắn, với nhiều đề tài khác nhau. Lúc đó, tôi đọc, thấy thích thú hơn cuốn Nho Phong. Lối viết đã gọn ghẽ, sáng sủa, ít có văn sáo rỗng tuếch như nhiều tác phẩm đương thời. Đặc tính văn chương đã lộ ra, đó là lòng nhân đạo, vị tha, nhạy cảm trước những éo le, mâu thuẫn của con người. Khuynh hướng xã hội trong văn chương Nhất Linh đã chớm nở.

Đọc Người quay tơ tôi thích nhất là mấy bài Nô Lệ, Sư bác chùa Kênh. Chàng nông phu trong Nô lệ vốn có mấy mẫu ruộng, nhưng sau mất dần vào tay một chủ đồn điền, cuối cùng lâm vào cảnh tá điền phải thuê ruộng để cày cấy. Chỉ còn chiều đến, đứng dưới chân đồi nhìn lên toà nhà ông chủ mà than ấy đên ông chủ, ấy chó ông chủ. Nhà sư trong Sư bác chùa Kênh ngẫu nhiên tìm thấy một số vàng chôn dưới gốc cây, thì, ba năm sau, người ta thấy ông ra ứng cử nghị viên thành phố Hà Nội... số ông không phải đi tu.

Tuy có tiến bộ, nhưng tác phẩm của Nguyễn Tường Tam không được chú ý bằng những áng văn kiêu lãng mạn, trữ tình, khóc than sướt mướt như bài Giọt Lệ Thư khóc chồng của bà Tương Phố, hay cuốn tiểu thuyết Tố Tâm của Song An Hoàng Ngọc Phách. Ai đã sống qua thời đó, cũng nhớ rằng mấy tác phẩm ấy đã khiến cho bao người, đặt biệt là phái nữ đa sầu đa cảm phải rơi bao nhiêu là nước mắt. Ngay khi tôi đọc Giọt Lệ Thư cũng không khỏi thấy mắt cay cay. Mỗi lần thu sang em lại rầu lòng than khóc- câu văn ai oán này có khi lại vắng bên tai tôi với tiếng khóc chồng bi đát của thiếu phụ tuyệt vọng. Sao mà bi ai đến thế?

Còn Tố Tâm và Đạm Thủy, một đôi người yêu bị tục lệ phong kiến gia đình cấm đoán không lấy được nhau, cuối cùng đều tự vẫn chết. Cũng tựa như bi kịch Lương Sơn Bá và Chúc Anh Đài ở Trung Hoa hay Romeo và Juliette tại Âu Châu. Đông Tây không như Rudyard Kipling nói- vẫn có thể gặp nhau, vì dù ở đâu, cũng có tình người.

Những áng văn rầu rĩ ấy, cũng lạ, ra đời trong lúc mà xã hội đương rung động sau vụ liệt sĩ Phạm Hồng Thái hy sinh tại đầm Bạch Nga, Quảng Châu, nhà chí sĩ Phan Chu Trinh qua đời, cụ Phan Bội Châu bị bắt và đưa ra tòa, cùng những cuộc biểu tình, bãi công khắp nước, đánh dấu cho sự trỗi dậy của dân chúng Việt nam. Nỗi niềm bi quan trong những tác phẩm kể trên tất nhiên cũng phản ánh những mâu thuẫn có thực trong xã hội, trong những tầng lớp trung lưu hay những tầng lớp đã một lạc, sa sút, và mâu thuẫn giữa quan niệm cổ hủ với quan niệm mới yêu cầu tự do cá nhân. Tình trạng ấy không riêng cho Việt nam, mà là chung cho nhiều dân tộc trên thế giới, khi ảnh hưởng của nền văn minh Tây Phương lan tràn tới khắp nơi. Cùng với những sự xâm lược bằng vũ trang tân tiến, trên các nước á Châu hồi đó một nền công nghiệp dựng trên khoa học kỹ thuật mới đã đem lại tầng trí thức càng ngày càng đông đã dễ dàng hấp thụ những tư tưởng quan niệm mới khác hẳn với quan niệm truyền thống phong kiến dựa trên Khổng giáo, nhất là tại Trung quốc, Việt nam hay Nhật bản, Đại hàn.

Song An Hoàng Ngọc Phách, tác giả cuốn Tố Tâm, cũng từng nhận xét về ảnh hưởng của thay đổi xã hội tới nền văn chương, mà ông cho thời kỳ này là lúc Âu-Á giao thời. Cùng một thời kỳ 1920-1940, tại Trung quốc cũng đã nảy nở ra một nền văn học mới, viết bằng lối bạch thoại sáng sủa, khác hẳn với lối viết cổ văn khó hiểu và gò bó trước đây. Những nhà văn có tiếng thời ấy như Ba Kim -nhà tiểu thuyết - Mâu thuẫn- tiểu thuyết và tạp văn -Lỗ Tấn - nhà tư tưởng, hay Tào Ngưu - tác giả kịch Lôi Vũ, cũng đều có những tác phẩm phê phán những lạc hậu, cổ hủ của xã hội cũ và đưa ra những ý kiến cải cách xã hội, mong đưa tới một lối sống rộng rãi, nhân đạo, tự do hơn.

Với tính chất dân tộc đặc biệt của mỗi quốc gia, nền văn hóa có thể khác nhau nhưng cũng là chịu ảnh hưởng của trào lưu tiến hóa chung của nhân loại. Văn học vẫn chịu ảnh hưởng sâu xa và trực tiếp của nền văn hóa Pháp, và cả nền văn hóa Âu Tây, như Đức, Anh, Nga, Mỹ. Mặc dầu thực dân Pháp cố nhồi vào đầu óc người Việt những tư tưởng nô đòi Nos ancêtres, les Gaulois (Tổ tiên chúng ta là người Gaulois) - yêu nước Pháp, yêu nhà nước bảo hộ... những chúng không thể không đồng thời nêu ra khẩu hiệu Tự do, bình đẳng, bác ái dính liền với danh hiệu Cộng hòa Pháp. Cũng không thể không mang lại những tên tuổi như Voltaire, Jean Jacques Rousseau, Montesquieu, hay những nhà văn như Lamartine, Victor Hugo, Balzac, Paul Verlaine, Beaudelaire, Romain Rolland, Sartre, v.v... cùng một số tên tại các nước khác như Shakespeare, Byron, Goethe, Tolstoi, Dostoieski và ngay cả Maxims Gorki, Mark Twain...

Do đó, người ta không lấy làm lạ khi, trong nền văn học Việt nam, đã xuất hiện đủ các khuynh hướng: bảo thủ, hiện thực, lãng mạn - kể cả thứ gọi là hiện thực xã hội chủ nghĩa dưới ảnh hưởng của chủ nghĩa Mác-xít. Trên một khía cạnh nào đó, chính người Pháp đã gieo những mầm mống chống chế người đế quốc, và tự do, dân chủ, nhân quyền trong người Việt.

Câu danh ngôn của Ruyard Kipling, một tác giả người Anh Đông là Đông, Tây là Tây, Đông Tây không bao giờ gặp nhau, thực ra chỉ là một suy nghĩ quá cổ xưa.

Lúc ấy, tôi chỉ là một cậu học trò mười mấy tuổi, thích đọc tiểu thuyết đủ mọi hạng. Trước hết, là những bản văn của Tấn Đà Nguyễn Khắc Hiếu, hãy còn mang lối viết sáo và còn thô sơ, rồi những truyện kiếm hiệp khá hấp dẫn. Ngoài ra, tôi còn nhớ được đọc cuốn Tuyệt Hồng Lệ Sử dịch ra tiếng Việt. Cuốn này cũng là một tác phẩm sướt mướt, chắc là tiền bối của những áng văn đắm nước mắt. Bây giờ nghĩ lại, những áng văn ấy đã có ảnh hưởng sâu xa đến đầu các thanh niên nam nữ thời đó - trong đó có cả tôi một độc giả trung thành. Nhiều người đã không khỏi nhiễm những tư tưởng ủy mị, lãng mạn, cá nhân, trong một thời kỳ cần tới ý thức dân tộc, đấu tranh hơn. Tất cả những luồng quan niệm trái ngược trong xã hội đã có ảnh hưởng sâu xa tới thế hệ trẻ nói chung, và tới anh em chúng tôi nói riêng. Ai cũng đều phải suy nghĩ và tìm một

con đường cho mình. Có người thì buông mình trôi theo chiều gió, có người hăng hái hơn, muốn góp sức vào việc thay đổi tình trạng sao cho tốt đẹp hơn, lý tưởng hơn.

Chúng tôi ít nhiều cũng thuộc vào hạng người sau. Và anh Tam là con người tiêu biểu nhất, có ý chí, lý tưởng mạnh mẽ và đi tiên phong trong việc thực hiện ý nguyện ấy. Tôi thường thấy anh hay ngồi viết hay suy nghĩ, nhiều khi tới nửa đêm. Thành công trong sự nghiệp văn chương hay xã hội sau này không phải là ngẫu nhiên, tuy lúc đó, anh chưa tìm thấy rõ rệt con đường để đi.

Nếu là tiên phong trong công việc văn hoá, thì anh Tam lại là tiên phong trong việc lấy vợ, trước cả anh Cả. Theo ý muốn của bà nội và mẹ, năm 20 tuổi anh đã phải lấy vợ. Cô dâu là con gái một gia đình buôn bán ở đầu phố Cầu gỗ, trông ra bến xe điện Hà Nội - Hà Đông. Trong cuốn Hồi ký về gia đình Nguyễn Tường, chị Thế tôi đã thuật rất cặn kẽ về đám cưới cũng khá long trọng này. Tôi là một chứng nhân lịch sử mới mười tuổi, hãnh diện trong áo đoạn xanh, và một thẻ bài ngà đeo trước ngực giống như một quan lớn, ngồi trong xe kéo để đi đón dâu. Chú rể ở đầu phố, cô dâu ở cuối phố, quá gần. Thực là:

*Thiếp tại Tương Giang đầu, quân tại Tương Giang vĩ,
Tương tư bất tương kiến, đồng âm Tương Giang thủy*

Câu thơ Đường tôi nhớ mang máng, bèn phỏng theo mà đổi là:

Thiếp tại đầu Cầu gỗ, chàng tại đuôi Cầu gỗ...

Nếu có tương tư thì cũng rất tiện, chỉ cách nhau có năm phút đi bộ. Mà muốn tương kiến thì chỉ cần đi ngang qua cửa hàng cau là thấy mặt nhau ngay.

Cũng vì cách nhau quá gần, nên đoàn xe đón dâu không đi đường thẳng mà lại mua đường, đi riều phố một vòng qua Bờ Hồ rồi mới quay về nhà. Đám cưới ông Nhất Linh tương lai có khác:

Ngồi lâu hay chóng đối với tôi không quan trọng. Tôi chỉ quan tâm đến sự được ăn cỗ bát: bóng, mực, bò câu... rất hiếm hoi trong đời. Tối hôm ấy thì có cỗ cưới linh đình đủ các món. Việc lấy vợ cũng có ảnh hưởng đến tương lai anh Tam. Sẵn nghề buôn cau trong tay, chị Tam đã giúp được chồng cáng đáng gia đình, để anh không bị trói buộc vào những công việc khô khan. Rồi, nhờ ở đó và sự giúp đỡ của một hội đoàn, anh có đủ điều kiện để đi du học ở Pháp, một điều anh đã mong ước từ lâu

Theo ý nguyện của anh, việc đi Pháp không phải là chỉ lấy được bằng cấp của Tây, kiếm được việc tốt, mà quan trọng nhất là sang được một phương trời mới văn minh, tiến bộ, mở rộng được tầm con mắt, hiểu biết về thế giới ở ngoài.

Trước khi đi Pháp vào đầu năm 1927, anh bỏ trường Mỹ Thuật vào Sài-gòn rồi đi Nam Vang. ở đó, anh làm nghề vẽ phông (màn kịch) cho rạp hát để kiếm thêm một số tiền, theo lời chị tôi kể.

Giai đoạn này, gia đình đã dọn tới một căn nhà gác tại Ô Cầu Rền, dưới chợ Hôm, đối diện với trường Yên Thành, và có đường xe điện chạy qua. Một đường phố và cửa Ô đông đúc, náo nhiệt, dân cư phần lớn là thợ thuyền nghèo.

Mẹ tôi và chị tôi lại mở một cửa hàng tạp hoá, bán đủ các thứ, từ gạo đến nước mắm, nên hương. Tôi thì đi học tại trường Hàng Vôi, mỗi hôm phải đi bộ mấy lượt. Hôm nào cũng đi qua mấy phố Tây, phủ Thống sứ, khách sạn Métropole sang nhất Hà Nội, vườn hoa Paul Bert với bức tượng tay thực dân này. Vườn hoa con Cóc trông ngộ nghĩnh hơn, với những con cóc

phun nước ngay trước cửa nhà băng Đông dương. Thỉnh thoảng có thì giờ, tôi và mấy bạn học rẽ sang bờ Hồ Gươm, đứng trên cầu Thê Húc ngắm làn nước xanh như rêu. Hay quay sang phố Tràng Tiền, phố đẹp nhất thời đó, dán mũi vào những tủ kính bày hàng của nhà Gô-Đa (tức tổng hợp bách hoá). Cuối phố, nhà Hát Tây - sau gọi là Nhà hát Lớn- thực ra không đồ sộ lắm, nhưng dưới mắt chúng tôi, là toà kiến trúc đẹp nhất Hà Nội.

Ngã tư Tràng Tiền với phố bờ Hồ có thể cho là một góc hiện đại nhất của thành phố hồi ấy. Buổi tối những ngày nghỉ, đó là nơi dạo gót tất yếu của thanh niên nam, nữ. Nếu chỉ nhìn bề mặt, thì thực là một cảnh thanh bình, trai thanh gái lịch vô tư lự. Nhưng đối với những người biết suy nghĩ một chút, thì không thể không nhìn thấy cảnh những ông tây bà đầm phê phỡn, ngạo mạn, những tay cảnh sát đeo dùi cui ngạo nghễ đi tuần, và cảm thấy có cái gì căng thẳng, nặng nề. Tuy còn là học trò tiểu học, chúng tôi cũng đã có cảm tưởng như vậy, và chắc còn nhiều người nữa. Số người thương nữ bất tri vong quốc hận chắc là không đông. Thực ra, tôi cũng không rõ lắm về hoạt động của anh Tam hồi trước khi đi Pháp. Có tác giả đã viết anh từng gia nhập Việt nam Quốc Dân đảng. Điều này không chính xác vì năm 1926 Việt nam quốc dân đảng chưa thành hình, chỉ có Nam Đồng Thư Xã. Song có thể anh đã gia nhập một nhóm bí mật nào, và để tránh bị khủng bố, phải rời vào Nam. Năm 1926, một số tổ chức như Phục Việt Tân Việt cách mệnh Đảng, hay Việt nam thanh niên cách mệnh đồng chí hội bắt đầu hoạt động.

Hoạt động cách mệnh cùng hoạt động văn hóa đều đã bắt đầu mạnh mẽ hơn, đó là đặc điểm quan trọng nhất từ 1925 trở đi.

Trong lúc đó, du học Pháp là một mốc quan trọng trong đời anh Nguyễn Tường Tam, có ảnh hưởng sâu xa tới sự nghiệp văn hoá và chính trị của anh sau này.

Trại Cẩm Giàng - Phong Hóa - Bà nội mắt

1931. Suy nghĩ vài tháng rồi, tôi lấy một quyết định mạo hiểm: bỏ học về nhà. Tôi sợ nói ra, mẹ tôi và các anh chị sẽ phê bình tới tấp và sẽ ngăn cản. Vì có ai dại mà đi bỏ một trường học tốt như vậy, không dễ thi vào. Và nếu tự học thì có làm nổi không, bằng Tú Tài đâu phải là dễ lấy, mà tôi lúc này mới lên năm thứ hai.

Khác hẳn với dự đoán của tôi, các anh tôi chẳng ai cho là việc đáng bàn, còn mẹ tôi sau khi do dự, cũng bằng lòng:

- ừ, thì mày về nhà mà học lấy. Nhưng phải chăm mới được!

Bà sợ tôi về nhà lêu lổng, nhưng cũng tin ở khiếu học hành của các con.

Tôi vác đơn xin thôi học, không ngờ, một ông giáo người Pháp xưa nay có tiếng là ác, bắt học trò phải ngồi im như phỗng trong khi ông giảng lịch sử, và bị tôi ghét nhất, xem đơn của tôi lại tỏ ra rất ân cần, giữ tôi ở lại:

- Anh có gì khó khăn? Anh là một học sinh giỏi, có tương lai mà! Đừng nên bỏ trường! - Ông nói.

- Thưa ông, vì gia đình tôi phải dọn về quê, nên rất tiếc không đi học ở đây được nữa- tôi xin có giải thích.

- Đáng tiếc thực. Sau này, có dịp trở lại, tôi sẽ nói với ông hiệu trưởng.

Lúc này, tôi không thấy ông đáng ghét như trước. Thì ra, chỉ nhìn qua bề ngoài, không thể hiểu được tính cách của con người.

Sự thực, cơ chính là tôi ghét không khí nhà trường và cũng vì muốn tránh gò bó, hãy được tự do bay nhảy đã, vì bản tính tôi cũng lười.

Ngày đó, nhờ dành dụm được ít vốn liếng, và các anh lớn giúp một phần, mẹ tôi đã gắng thực hiện nguyện vọng một đời của mình: có nhà, có vườn, có ít mẫu ruộng. Trờ lại đất Cẩm Giàng, bà mua được mấy thửa ruộng gần nhà ga, ngay bên cạnh đường xe lửa.

Căn nhà chính bằng gỗ, chất vách, kiểu mới cao ráo, có hiên bốn bên, mái lợp tranh rất dày. Tuy nhỏ, nhưng cũng đủ phòng khách, bàn thờ, phòng ngủ. Chung quanh trồng những luống tót tiên, hoa cúc, cây đào. Ngoài vườn, bắt đầu trồng cây ăn quả chuối, na hay ổi.

Bên cạnh, là hai căn nhà ngang thấp hơn, lợp tranh, là phòng ngủ, bếp. Đằng trước, trồng hàng rào tre, đằng sau, trông ra cánh đồng thẳng tắp đến tận những làng xa. Cũng vắng vẻ cô quạnh, nếu không có một nhà lán giềng và ngôi trường tiểu học bên cạnh, ban ngày học trò ra vào đem lại một chút náo nhiệt. Nơi này là chỗ tốt nhất để tĩnh dưỡng, ôn tập bài vở.

Mỗi ngày có mấy lần tàu lên tàu xuống chạy ngang qua cổng nhà. Trẻ con thường chạy ra cổng để ngó xem, đến tận lúc con tàu đã khuất bóng sau rặng tre, chỉ để lại làn khói trắng bay lên trời. Đêm đến, khi tiếng còi tàu cuối cùng và tiếng bánh xe rầm rập trên đường sắt đã mất dần ở xa rồi, chỉ còn nghe thấy muôn tiếng côn trùng rí rả chung quanh trại - bao nhiêu đời cũng vẫn thế.

Thêm tôi về ở Trại Cẩm Giàng, bà mẹ và chị tôi đều mừng rỡ và bớt vắng vẻ. Tôi mua đủ các sách giáo khoa để tự học, kể cả cái tiếng Anh xa lạ. Buổi chiều, học xong, dạo chơi theo đường sắt, nghe gió thổi vu vu qua cột giầy thép, hay đến ngồi dưới bóng cây đa mâm xôi ngắm ra đồng ruộng. Những ngày gặt hái tấp nập, tôi cũng theo mọi người ra ruộng. Lúc nghỉ cùng ăn cơm nếp hành mỡ thơm nóng với những người dân quê chất phác. Mùa lạnh tới, mưa phùn gió bắc tạt ngang trên các góc rạ đồng khô, không gì để chịu bằng chui vào ổ rơm ấm áp.

Đêm ba mươi Tết, anh em ở Hà Nội về, quây quần trước mấy thùng bánh chưng, thức suốt đêm để nấu. Tối hôm ấy, các bà, các chị bận tấp nập về việc làm cỗ, bày bàn lễ tổ tiên, hương nến sáng chung lẫn với mùi thơm ngát của bát thủy tiên, của hoa đào cây nhà lá vườn.

Sáng mùng một Tết đã đến. Mọi người trịnh trọng tập hợp ở nhà trên. Bà tôi và mẹ tôi ngồi trên sập giải chiếu cạp đỏ, để con cháu mừng tuổi, lãnh phong bao. Tối đến, rủ nhau vào nhà ông cậu. Năm nào ở đó cũng mở sòng sóc đĩa, rất đông người trong phố đến đánh. Nếu không đánh sóc đĩa, thì cùng mấy cô em họ làm một canh bắt miệt mài cho tới khuya. Nhưng thú vị nhất đối với tôi vẫn là một mình đi thơ thẩn tới các làng xóm chung quanh, những túp nhà tranh âm thầm nép sau lũy tre xanh. Trời nắng, tôi đi vào những con đường đất nhỏ, êm mát giữa hai rặng tre bên bờ ao vắng động. Thỉnh thoảng, một căn nhà gạch lẩn sau cây buri và mít, với bể nước bên cây cau thẳng vút đầy về Việt nam. Vào buổi trưa im ả, chỉ nghe thấy liếng ru con vắng tới hay vài tiếng gĩa gạo, tiếng đập nước của vài cô gái giặt áo trên cầu ao. Đời sống im lìm và nghèo nàn, ai cũng sống như vậy không biết đã bao nhiêu đời. Về sau này, tôi đã bôn ba nhiều nơi, đã tới nhiều nơi đô thị phồn hoa, giàu sang, náo nhiệt trên thế giới. Nhưng lúc nào tôi cũng không quên những làng xóm thôn quê ở cố hương. Ngay hy vọng giản dị là về sống một cuộc đời thanh bạch trong làng xóm Việt nam cũng hình như không bao giờ thực hiện được. Có phải đó là số phận không?

Trong thời gian có thể gọi là êm ả này, bỗng nhiên một sự bất hạnh xảy ra, một tang tóc đau thương mà tới nay mỗi lần nhớ đến tôi cũng vẫn ngậm ngùi khó nguôi: đó là cái chết của bà tôi, cái chết làm cho tôi xúc động sâu xa, rất lâu mãi về sau này vẫn không nguôi.

Từ lúc còn nhỏ, tôi luôn luôn đồng tình với bà tôi, vì bà sống chịu đựng, đắng cay hơn ai hết trong phần cuối đời, người con trai duy nhất đã mất, tất cả đều do con dâu tấn tảo làm ă. Bị kịch mẹ chồng nàng dâu không một gia đình nào lúc đó tránh nổi. Niềm an ủi duy nhất của bà là lòng thương mến của các cháu: và sáng nào bà cũng thắp hương, châm ngọn đèn con trên bàn thờ, rồi ngồi yên niệm Phật với chuỗi tràng hạt đen bóng.

Không biết tại những ngày cuối cùng của đời mình, bà đã nghĩ những gì. Tôi mong tự đáy lòng là bà đã tìm được hạnh phúc trước khi nhắm mắt.

Chính những xung đột nghiệt ngã trong gia đình chúng tôi giữa mấy lớp mẹ chồng nàng dâu, cùng với nhiều nỗi bất hạnh của phụ nữ bị trói buộc trong lễ giáo phong kiến lạc hậu trên xã hội, đã là đề tài cho nhiều tác phẩm sau này - thí dụ như cuốn Đoạn Tuyệt của Nhất Linh. Riêng tôi, lúc đó, tôi thấy băn khoăn, không hiểu tại sao người ta không sống hoà hợp chung với nhau được, mà lại khắt khe với nhau về những thứ quá nhỏ nhoi không có một giá trị gì, và ganh tị với nhau về những cái vô ý thức mà ai cũng khư khư ôm lấy.

Anh em chúng tôi đứng trước những cảnh trạng éo le, bi đát trong xã hội và ngay trong gia đình, ít nhiều đều có phản ứng tâm lý sâu xa. Và do đó, tánh cách phóng khoáng, nhạy cảm trước sự vật dần dần thành hình. Quan niệm về dân tộc, về xã hội, về văn hóa ấy đã quyết định những hành động sau này. Cuộc đời của chúng tôi đã bước sang một giai đoạn mới, với sự xuất hiện của tờ báo Phong Hoá bộ mới do Nguyễn Tường Tam sáng lập.

Võng anh đi trước, võng nàng đi sau

Câu ca dao này đã quen thuộc quá đối với người Việt rồi, nên không ai thắc mắc gì. Nhưng nếu suy nghĩ cho kỹ, thì nó đại biểu cho một quan niệm phong kiến hủ bại, đầy óc danh lợi cá nhân. óc làm quan, óc ăn trên ngồi chốc, óc khinh miệt phụ nữ...

Cho nên, khi anh Tam về nước, anh không màng đi kiếm công việc lương cao, mà chọn đi dạy học ở trường tư thực Thăng Long. Cũng như anh Long đã từ bỏ cơ hội có thể đi làm quan.

Một thanh niên có tâm hồn, có chí khí cao thượng, tất không chạy theo những thứ dục vọng tầm thường như làm quan, làm giàu, vinh thân phì gia. Từ nhỏ, chúng tôi không ưa những thứ đó, chúng tôi không ưa quyền thế.

Một điểm chung nữa là mấy anh em đều thích viết, và đều có khiếu về viết. Thêm vào đó, có hai người bạn cùng chí hướng và cùng có tài - anh Tú Mỡ và anh Khải Hưng. Với nhóm người nòng cốt này, một tập hợp văn chương ít có - và có lẽ ít có trên cả thế giới nữa - hoàn toàn có thể ra một tờ báo có giá trị và được độc giả ưa thích.

Mặc dầu lúc đó đã có một số báo, tạp chí ra đời, nhưng nói chung, trình độ còn thấp và cũng lê tẻ, chưa gây ảnh hưởng mạnh. Phần nhiều, lối văn viết và nội dung chưa thoát được kiểu cách sáo rỗng cũ, chưa đưa ra được những ý kiến, chủ trương mới, táo bạo.

Mặt khác, 1932 có hoàn cảnh thuận lợi hơn cho sự phát triển của văn nghệ. Dù sao, sau cuộc đàn áp tàn bạo, xã hội cũng yên tĩnh hơn. Bọn thực dân cũng cảm thấy cần phải nới tay một chút để dẹp bớt bất mãn của dân chúng, còn khuyến khích thể thao, đua xe đạp, thi ngựa, hội

chợ, cùng ca nhạc, điện ảnh.

Sau này, có khi ngồi rồi, bàn đến lý do tại sao các anh bị đưa đẩy vào nghiệp viết văn, viết báo trong khi hoàn toàn có thể kiếm được nghề khác đủ danh lợi, thì không ai trả lời rõ rệt cả. Như anh Khái Hưng, có một bạn hỏi đùa tại sao với gia cảnh anh - ông thân sinh là Tuần Phủ và bên vợ là Tổng Đốc- anh không chạy một chân tri huyện nào đó mà lại làm nghề báo bấp bênh, nghèo kiết này, thì anh chỉ cười nói:

- Cũng chẳng hiểu vì sao cả. Thích viết thì viết!

Từ chỗ thích đến chỗ thành nghề nghiệp một đời, cũng không xa lắm.

Nguyện vọng mãnh liệt cải cách xã hội cộng với tài hoa viết văn đã tạo nên nhóm Tự lực văn đoàn.

Giữa năm 1932, tôi còn ở Cẩm Giàng, thấy anh Tam và anh Long có bàn qua về việc ra một tờ báo, lấy tên là Tiếng Cười. Phỏng theo tờ Le Rire (Tiếng Cười) và tờ báo trào phúng Le Canard enchainé) (Con vịt bị buộc) là mấy tờ rất được độc giả hoan nghênh bên Pháp ở Hà Nội chúng tôi cũng đã từng đọc qua. Những bài châm biếm không những làm cho người ta cười, mà còn có ý nghĩa châm chọc những thứ xấu rởm trong xã hội. Nhưng sau tờ Tiếng Cười không được cấp giấy phép, vì thực dân đâu muốn cấp cho một người đã từng du học ở Pháp về. Theo chính anh Tú Mỡ viết về sau này Phàm những người chân chính học ở Pháp về đều có tư tưởng bài Pháp thực dân... nó thực dân sợ tờ báo cười tung trời sẽ làm đảo lộn cả trật tự của cái xã hội thối nát mà chúng nó duy trì để dễ cai trị. Nhưng anh Tam không chịu bó tay. Vẫn lời Tú Mỡ, anh Tam đâu có chịu bó tay. Anh xoay và xoay rất cừ. Bảy giờ, nhân có tờ báo của anh Phạm Hữu Ninh... anh Tam đề nghị... nhường lại cho mình làm chủ bút, chỉ cần mất chút tiền thuê báo. Người viết, bài vở lúc đó cũng đã sẵn sàng.

Sự kỳ ngộ may mắn trong lịch sử văn học, dưới sự chỉ dẫn và tổ chức của Nhất Linh, đã tạo nên một nhóm cây viết, một văn đàn gắn bó với nhau, tiến tới một trào lưu văn hoá độc đáo. Ngay trong nhà đã có ba cây viết rồi, cộng với Tú Mỡ là bốn, lại vừa kéo thêm được một tài năng nữa, đó là Khái Hưng. Cuộc đời của Khái Hưng cũng có thể gọi là kỳ lạ. Anh đã đậu Tú Tài ban Triết Học - độ ấy rất hiếm - nhưng không ra làm quan hay công chức gì. Nhà văn sĩ lãng mạn tương lai quay ra đi... buôn, làm đại lý cho một hãng dầu, chắc muốn giàu to. Song óc nghệ sĩ của anh có lẽ không thích hợp với buôn bán quét quéo nên đã thua lỗ rồi từ Ninh Giang lên Hà Nội, Trần Khánh Giu (tên thật) vào làm giáo sư trong trường tư thực Thăng Long. Ngay hồi đó, anh đã viết cho tờ báo Duy Tân những truyện vui hay xã thuyết, cùng với mấy nhà văn Lãng Nhân Phùng Tất Đắc và Tchya (tôi chẳng yêu ai?) Đái Đức Tuấn. Một số bài nữa đã đăng trên tờ Phong Hoá (cũ) và tờ Văn Học tạp chí của anh em Dương Bá Trạc. Nhất Linh sau đó lại vào dạy trường Thăng Long. Hai người rất tâm đắc, có cái nhìn chung về xã hội, về văn nghệ, và có chung hoài bão dùng ngòi bút của mình để canh tân văn nghệ cùng văn hoá đất nước.

Nhóm 5 người này quyết tâm sáng tạo một đường lối mới, cả về hình thức lẫn nội dung, mà họ tin chắc là sẽ thành công. Họ sẽ bỏ lối viết sáo rỗng, nặng nề, hay đạo mạo dạy đời, để dùng một lối văn trong sáng, bình dân hơn. Họ sẽ chống lại những thứ mà họ cho là xấu xa, rởm đời, hay lạc hậu, cổ hủ, họ sẽ dám phê phán cả chính sách quan liêu, bất công, bằng lời văn châm biếm sắc bén can đảm. Họ sẽ đưa một bầu không khí mới mẻ, tươi tắn, lạc quan vào trong cái ao tù bảo thủ truyền thống vẫn đè nặng lên con người từ trước tới nay. Họ muốn thay đổi, cách tân. Họ có cái mà các nhóm khác thiếu sót - đó là cái lửa.

Không có cái lửa về muốn viết, về cải cách xã hội, về giúp ích cho dân chúng, thì không có

Phong Hoá, Ngày Nay hay Tự lực văn đoàn.

Muốn ra được và duy trì một tạp chí, tất phải có số vốn. Mà anh em lúc đó toàn nghèo xơ, làm gì có đủ tiền? Chị tôi kể rằng ban đêm anh Tam cặm cụi viết bài, lại lo ế không bán được. Một hôm không biết đùa hay thực, anh đề nghị nếu báo ế thì bắt cả nhà vừa đi vừa rao bán sao cho kỳ hết. Mẹ tôi trả lời một cách thản nhiên: Khó gì mà phải lo! Bán không hết thì mang về cho anh ấy (tức chị Tam) gói cau cày tiện.

Nhưng, nhờ trời, số phận tờ Phong Hoá chưa đến nỗi khốn khổ như vậy.

Phong Hoá bộ mới ra đời - Tôi rời trại Cẩm Giàng.

Đúng như nhà văn N.V đã kể lại trẻ con ôm báo để bán rong, vừa chạy vừa la inh ỏi, khắp cả phố phường Hà Nội. Thiên hạ tò mò xem, báo bán chạy như tôm tươi .

Số báo đầu Phong Hóa mới được đưa về Cẩm Giàng. Tôi cũng tò mò đọc. Tôi thấy, trước hết khác với những tờ báo đã có, tờ Phong Hoá là tờ đầu tiên đưa ra tôn chỉ rõ ràng, tỏ ra nhóm chủ trương có mục đích, đường lối đảng hoàng, như:

- Hăng hái theo con đường mới, tìm lý tưởng mới.
- Không chịu khuất phục tàch kiến.
- Không làm nô lệ ai, không xu phụng một quyền thế nào
- Lấy thành thực làm căn bản.
- Lấy trào phúng làm phương pháp

Giống như một tuyên ngôn, thể hiện ý chí tự lập, quật cường. Với tôn chỉ như thế, tất sẽ được độc giả mến phục, nhưng tất mình sẽ có những kẻ thù hận.

Mục từ nhỏ đến lớn ở trang 2, có những bài châm biếm những hiện tượng xấu xa, xu nịnh, quyền thế trong xã hội, bênh vực cho công lý, cho những kẻ thấp cổ bé họng, là mục trụ cột của tờ báo. Có những tên tác giả Nhất Linh, Nhị Linh (Khái Hưng), và Tú Ly (Hoàng Đạo sau này)... Tiếng cười ở đây có ý nghĩa, không giống như những tiếng cười thô tục, vô ý thức nhan nhản trên một số báo thời đó. Ngoài ra, những mục truyện ngắn, tiểu thuyết không những đưa ra sự thực, lột được những mâu thuẫn trong gia đình xã hội, giữa cái mới và cái cũ, giữa công lý và bất công, tả về những bi kịch của đời người, mà bằng một lối văn sáng sủa, trữ tình, để đi sâu vào lòng độc giả. Mặc dầu còn có những chỗ non sót, thiếu sót, nhưng người đọc quả đã thấy một cái gì mới lạ, tỏ ra những người viết này đã có lòng chân thành, tính can đảm, có đầu óc cao thượng hơn là viết để chỉ mua vui cho độc giả hay để sinh sống.

Ngay trong số đầu, nhóm Phong Hoá đã tỏ ra có chủ đích và rất tự tin trong ý muốn đưa lại một luồng sinh khí mới cho làng báo. Bài thơ sau đây đã tỏ ra có khí phách, khi đụng chạm tới hai nhân vật lão thành quyền uy. Một là Nguyễn Văn Vĩnh với tờ Trung Bắc Tân Văn và Đông dương tạp chí, hai là Phạm Quỳnh với tờ Nam Phong... Hai ông Vĩnh và Quỳnh quả thực có tài nhưng người ta đã thấy họ quá ư đạo mạo, cũ kỹ đối với lớp trẻ phóng khoáng hơn. Chủ trương chính trị trực trị của ông Vĩnh hay lập hiến của ông Quỳnh cũng chỉ là những biện pháp cải lương trong khuôn khổ thực dân. Người ta cần cái gì trẻ trung, mạnh bạo hơn.

*Nước Nam có hai người tài.
Thứ nhất xừ ình, thứ hai xừ Uỳnh.
Một xừ béo núng rung rinh,
Một xừ lều đều như hình cò hương
Không vốn liếng, chẳng ruộng nương.*

*Chỉ đem dư luận bán buôn làm giàu
Bây giờ đang xiả xối nhau
Người câu lập hiến, kẻ câu trực quyền.
Thưa các ngài, thực vi tiên.
Muốn xem chiến đấu, quảng tiền vào đây*

Chế riều Vĩnh và Quỳnh bán buôn dư luận có thể hơi quá đáng, nhưng châm biếm các ông đó về quan niệm chính trị là đúng. Ông Vĩnh về sau qua đời còn Phạm Quỳnh tới 1933 thì được triệu vào làm Lại bộ Thượng Thư cho triều đình Bảo Đại, trong mắt những lớp người mới, không còn ai nhắc tới nữa.

Trên báo Phong Hoá, còn thêm mục phóng sự, tả thực về các hiện tượng xã hội đáng chú ý. Tôi nhớ có thiên Hà Nội ban đêm của Việt Sinh (Thạch lam) và Trường Khanh (một bạn viết). Trường Khanh ghi được nhiều tài liệu sống động của đời sống những giới sống về đêm... thuốc phiện, cờ bạc, ma cô, đĩ điếm... và Việt Sinh đã viết thành văn đã làm cho độc giả thấy được những bí ẩn, éo le, đau khổ của những hạng người đặc biệt ấy.

Những bài thơ châm biếm của Tú Mỡ lại là một đặc sắc khác của tờ báo, dễ đi vào trong các tầng lớp người đọc, và có vẻ Việt nam nhất, so với những truyện ngắn, thơ mới phảng phất có mùi vị Âu Tây.

Nghe nói báo bán rất chạy, rất được hoan nghênh, cả nhà bớt lo, không phải đưa báo ế về cho chị Tam gói cau nữa. Bà nội chúng tôi được đưa ra an táng tại mảnh đất do một thầy địa lý chọn ở gần gốc cây đa mâm xôi, cách mộ con trai bà không xa lắm. Đứng ở cổng trại nhà tôi, có thể nhìn thấy cây đa lớn ấy. Ban đêm, về khuya, có thể nhìn thấy những con ma chơi lấp loé bên gốc đa. Không biết trong đó có linh hồn bà tôi hay thầy tôi không? Và đến bây giờ, hai nấm mộ còn nằm nguyên ở chỗ cũ không?

Mấy tang tóc liên tiếp tại trại Cẩm Giàng - đưa con gái thứ hai của anh chị Tam và đưa con gái của anh chị Hai đều bất hạnh qua đời, khiến tôi cảm thấy buồn thương vô hạn. Nhất là đến đêm, bóng tối đã trùm lên tất cả cánh đồng hiu quạnh, trong nhà chỉ còn mấy người cô đơn, càng thấy cô đơn.

Gia đình quyết định dọn lên Hà nội để, vả lại tôi cũng cần lên để sửa soạn thi Tú Tài. Lần này, do các anh góp tiền, chúng tôi thuê được một căn nhà hai tầng, cao ráo, rộng rãi, có cổng sắt có đường lát sỏi hai bên trồng hoa, cùng na, ổi. Đây lại rất gần nhà báo Phong Hóa vì cùng một phố Quan Thánh.

Các anh Cả, Hai, Ba đã thành gia thất cả rồi. Tất nhiên phải đến lượt anh Tư (Long). Sau một thời gian mới manh, xem mặt (lại xem mặt!) một cô gái nhà con một, ông bố đã mất, chỉ có hai mẹ con ở với nhau. Dù sao cũng là dịp hay đối với tôi, vì nghỉ hè năm ấy, hai gia đình hẹn nhau ra tắm bể Sầm Sơn, một nơi nghỉ mát có tiếng ở Thanh Hoá.

Cùng với mẹ, chị Cả, anh Tư và chị Thế, đến Thanh Hoá rồi chúng tôi ngồi xe tới Sầm Sơn. Con đường rộng rãi, hai bên trồng những cây phi lao xanh rờn, gió biển từ xa thổi vào khiến người ta cảm thấy không khí tươi mát khác hẳn với thành phố.

Nhà gái có một biệt thự ở gần bờ bể, còn chúng tôi thì thuê một căn nhà hơi xa một chút. Đêm nằm nghe tiếng sóng vỗ ầm ầm không ngừng ở ngoài khơi, và gió thổi vi vu qua ngọn cây phi lao. Sáng sớm, ra bờ bể, đằng sau rặng cây, mặt biển mênh mang hiện ra, lấp lánh dưới ánh mặt trời. Ngoài xa, những cánh buồm nâu của dân chài. Tại một đầu bãi bể, một mỏm núi cao đứng

chấn những làn sóng bạc xô đẩy nhau từ xa vào bờ.

Chỗ này do người Pháp khai thác, những biệt thự đẹp toàn là của Pháp hay một số ít người Việt giàu có. Du khách đa số mượn phòng hay thuê ngay những nhà lều dựng trên bãi cát. Chiều hôm đó, chúng tôi ra bãi biển. Đã có không ít nam nữ mặc áo tắm chạy tung tăng hay đương bơi rờn dưới nước. Chị Long tương lai là một thiếu nữ cao, hơi gầy, trắng trẻo. Mới đầu còn hơi ngượng ngùng, ít nói nhưng không bao lâu sau, do không khí vui vẻ chung quanh, tất cả đã thành ra như quen thuộc từ lâu. Chúng tôi chạy trên bãi cát, đuổi theo những chùm cỏ rối bay theo gió, hay rình bắt những con dạ trắng nhỏ xíu mỗi khi nước biển rút ra lại nhô lên để xe cát - một công việc không bao giờ ngừng.

Buổi sáng, là lúc dân chài kéo lưới lên bắt cá. Đứng xa, nhìn hình tượng những người cời trần giống như những bức tượng đồng vạm vỡ dưới nắng sớm. Có lẽ nhân vật Vội trong một truyện của Khải Hưng là do đi tắm bể mà nên - nhưng đời sống cực nhọc, kham khổ thực của người dân chài quanh năm vật lộn với sóng gió có nhiều thứ đáng tả hơn là một mối tình lãng mạn miễn cưỡng giữa những lớp người khác nhau. Vụ đi tắm bể Sầm Sơn đã đưa lại kết quả tốt đẹp, một đám cưới vui tươi. Vì cô dâu là con một, anh Tư bằng lòng ở gửi rể, tại căn nhà ở phố Hàng Vôi, xế cửa với trường tiểu học cũ tôi học.

- Chú xem, đầu đề tờ báo viết thế này có được không?

Anh Nguyễn Kim Hoàn, lúc ấy giữ việc quản lý trong ban trị sự nhà báo, đưa một xấp giấy hỏi tôi. Một điều ít người biết, là anh rất thích làm báo, và thích có riêng một tờ của mình. Tờ này, anh cùng một người bạn cộng tác, nội dung gồm vấn đề xã hội, văn hoá, thông tin, khổ nhỏ, độ tám trang. Tôi sẵn lòng giúp về trình bày, và viết một bài tạp ký - lúc đó tôi đã bắt đầu viết trong báo Phong Hoá. Tên tờ báo tôi còn nhớ, và về sau, nó cũng chết yểu vì thiếu vốn và cũng thiếu bài nữa.

Nhưng sau, anh trở thành anh rể tôi. Sau khi anh Tư kết hôn, mẹ tôi đã trở về ở Cẩm Giàng. Hai vợ chồng chị Năm và anh Sáu dọn đi, thuê một căn nhà ở bên đê Yên Phụ. Đây là một căn nhà vuông vắn, nằm dưới bờ đê, bên một lạch nước và nhìn ra đình làng Yên Phụ, và qua đình làng lên mặt nước Hồ Tây rung rinh mỗi khi trời nắng. Cảnh hồ nên thơ, thêm vào đó, hoa đào thường nở rộ về mùa xuân trong làng Yên Phụ, Cũng khiến cho người ta quên một phần nào cảnh nghèo nàn trong đời sống.

Từ đó, chúng tôi kết duyên với làng Yên Phụ và Hồ Tây cho tới mãi mười mấy năm sau, khi thời thế chuyển động kinh hoàng.

*Tây Hồ có danh sĩ,
Nhà thi ở nhà tranh*
(Huyền Kiêu)

Mái nhà tranh này, tới nay cũng vẫn không mờ trong ký ức tôi. Vì nó liên hệ tới bao nhiêu kỷ niệm vui buồn trong đời sống gia đình, và riêng trong đời sống của tôi. Danh sĩ kể trên là anh Sáu - Thạch Lam. Không biết từ ngày nào, anh ra ở riêng, mà anh lấy vợ lúc nào tôi cũng không nhớ. Không giống nhiều gia đình cổ truyền, anh em chúng tôi ít khi chú ý đến việc riêng của mỗi người. Một mái nhà tranh ngay đầu làng Yên Phụ, bên bờ Hồ Tây, từ đê xuống rẽ vào con đường gạch, qua đình làng là tới. Căn nhà nhỏ nên thơ, nấp đằng sau hàng rào tre, có cổng gỗ ra vào. Nhà ba gian, cũng cao ráo, sáng sủa. Có thêm rộng trông ra mặt hồ. Ngồi trên đó nhấp chén trà, nhìn xuống mặt hồ mênh mênh, với trước mặt là trường Bưởi, bên trái là con đường Cổ Ngư, nghe nước vỗ nhẹ vào bờ dưới chân, thì cảm giác như ở xa trần tục.

Chị Sáu là một người đàn bà hiền hậu, chất phác, rất niềm nở đối với các bạn văn chương của chồng, thường hay đến tụ họp uống trà hay cà phê, có người đến học bơi hay bơi thuyền. Đời sống chị Năm hay anh Sáu cũng thanh đạm như nhau, vì lương rất ít. Lương ở toà báo chỉ đủ để duy trì quần áo tối thiểu, ngày hai bữa cơm với rau đậu, với ít thịt cá dành cho các con nhỏ. Chỉ có khi nào xuất bản một cuốn sách, đời sống mới được đầy đủ hơn một chút.

Đến đây, tất có bạn hỏi, thế thì còn sót lại người em út thân phận ra sao? Tôi còn nhỏ tuổi, lại đương đi học, tất nhiên là độc thân rồi. Không có chỗ ở nhất định, cố nhiên là phải đánh du kích, nay nhờ nhà này, mai nhà kia. Nhiều khi không tiện, thì đi ở trọ. Một lối sống thông thường cho học sinh thời ấy, tuy có vẻ kém nền nếp và lông bông dưới con mắt của một số người. Mẹ tôi có vẻ dễ dãi hơn:

- Mẹ về Cẩm Giàng rồi, con muốn ở đâu cho tiện học là được.

Bà có vẻ tin tưởng ở tôi sẽ không hư hỏng. Còn các anh tôi theo thói quen, chẳng ai đã động gì. Tôi đến ở với một số bạn, xem ra toàn là đồ quý sự cả, tứ chiếng giang hồ - nghĩa là ở mấy nơi khác tới. Năm đó, thi bằng Tú Tài phần thứ nhất, tôi đã trượt vô chuối tuy đã cuốc bở hơi tai trước kỳ thi. Nguyên nhân là khi khâu thí, gặp ông giám khảo hắc búa, bắt tôi đọc một đoạn truyện David Copperfield của Dickens. Tôi gân cổ đọc, còn ông chỉ ngồi cười. Sau tôi mới hiểu, vì ông chẳng nghe hiểu gì hết với cái tiếng Anh lạ tai của tôi. Tất nhiên là trượt, về nhà học lại. Được tin tôi trượt, gặp tại nhà báo, anh Tam vỗ vai tôi an ủi:

- Thắng bại là sự thường cho nhà binh. Sang năm, tôi tin chắc chú sẽ thành công!

Một điều an ủi cho tôi là, trong số anh em cùng trọ, không chỉ có tôi đã trượt vô chuối, mà phần lớn cũng chung một số phận. Một chàng tên là Nhung, trước ngày thi, chắc mẩm lần này sẽ đỗ bằng Thành Chung, sẽ về quê vinh quy bái tổ và cưới vợ ngay, nhưng lúc treo bằng lại không thấy tên mình, tuyệt vọng, về nhà bỏ cả bữa cơm và nằm lì suốt hai ngày không nói năng. Một chàng nữa, thi Tú Tài bản xứ phần thứ hai, cũng bị đánh rớt, nhưng vẫn thản nhiên, tới đến cùng mấy bạn xuống phố Khâm Thiên để giải sầu. Xin nói rõ là trong bọn đó không có tôi, vì còn quá nhỏ tuổi, chưa đủ tư cách. Thế là lại phải cuốc một năm nữa. Phải nhai lại những bài cũ nhất là tiếng Anh khô khan. Cũng may, năm ấy, tôi bắt đầu bước vào nghề viết báo, làm thơ, nên thì giờ cũng dễ trôi qua. Một cách chật vật, tôi cũng qua được phần thứ nhất bằng Tú Tài Tây, nhờ ông giáo chấm tiếng Anh dễ dãi, cho một điểm không đến nỗi quá thấp. Nhưng, phải đối diện với phần thứ hai, làm sao đây? Theo ý kiến của các bạn, muốn ăn chắc, nên xin vào học trong trường Trung Học Albert Sanaut. Đây là một trường quý tộc hơn, nhưng gia đình cũng đồng ý cho tôi vào học, dù tiền học phí hơi cao. Mùi thực dân của trường này tất sẽ nặng nề, nhưng đành phải chịu.

Nằm ở trên mạn Cửa Bắc và gần phủ Toàn Quyền trường này trông cao ráo, lịch sự hơn trường Bưởi nhiều. Mấy toà nhà ba tầng vây chung quanh một sân rộng rãi sỏi. Học sinh có người Pháp, nhưng đa số vẫn là người Việt. Lớp Triết học của tôi có một điểm lạ là có năm nữ sinh người Pháp, trông cũng dễ coi, nên đỡ buồn tẻ. Có cái là mấy cô đều có vẻ lạnh nhạt, nếu không nói là khinh người. Lạ nhất là trong bọn, một cô xinh đẹp nhất, đôi mắt xanh trong, má hồng, thân hình như một cô đào xi-nê trên màn ảnh Mỹ dạo đó - mà chắc các chàng trai trong lớp đều thầm yêu- lại có vẻ hoà nhã và dễ dàng nói chuyện nhất. Điều này có người làm chứng: một bạn học cùng lớp may mắn sống đến tận ngày hôm nay, anh Trần Trung Dung. Quả đất nhất định là không to lắm, và chắc con Tạo xoay vần, nên qua 60 năm sau, anh Trần và tôi lại gặp nhau tại quận Cam, Hoa Kỳ, và cùng uống cà phê tại nhà một bạn già ở Huntington Beach. Mỗi người một cảnh ngộ, nhưng đường nào cũng đưa tới quận Cam, và chắc đều còn nhớ tới

cô bạn học hoa khôi thuở còn trẻ. Anh Trần Trung Dung nay đã ra người thiên cổ, anh mất và an táng tại quận Cam, miền nam California, Hoa Kỳ.

Đáp lại thái độ của mấy cô đầm, chúng tôi chỉ giữ một thứ im lặng cao ngạo. Vì chúng tôi có cách trả thù dân tộc bằng chiếm ưu thế trong việc học. Thành tích của các cô lạc hậu khá xa. Vì trước kia, tôi đã ưa đọc những sách triết học, nên được ông giáo sư dạy môn Triết mền, những tác văn của tôi thường thường ông chỉ sửa chữa rất ít và khuyến khích. Việc này giúp cho tôi rèn luyện lối suy nghĩ khoa học và đào sâu vào mọi vấn đề

Một ông giáo nữa, cũng đáng ghi nhớ đối với tôi, là giáo sư Lê Thành ý. Ông Lê dạy Việt Văn, và ông hay theo dõi báo chí và văn chương thời đó. Có một lần, ông hỏi tôi, không phải về bài học, mà là về tình hình tờ Phong Hoá, và khuyến khích tôi nên cố gắng viết nhiều hơn nữa. Người cao lớn, bệ vệ, nhưng giọng nói ông lại rất ôn tồn. Cuối năm, dù không đóc hết sức để ôn tập các bài vở, nhưng may mắn tôi cũng được giải nhất trong lớp và tương đối dễ dàng qua được phần thứ hai bằng Tú Tài, trước vẻ hân hoan của mọi người.

Toà báo Phong Hóa: Anh Khải Hưng, họa sĩ Nguyễn Gia Trí, Trần Bình lộc, Lemur

Vào cuối năm 1932, tôi đến thăm toà báo Phong Hoá.

Toà nhà có thể gọi là lịch sử này cả về mặt văn hoá lẫn chính trị, đã chứng kiến bao sự kiện đã từng xảy ra trong mười lăm năm. 80, phố Quan Thánh, ngay góc đường Quan Thánh và Hàng Bún. Có hàng rào sắt, có cổng lớn ra vào. Mấy cây bàng cao trồng hai bên đường, mùa thu tới, lá bàng đỏ thường rụng và bay vào trong sân. Con đường xe điện Bưởi chạy ngang trước cổng.

Một toà nhà hai tầng, có sân rộng bao bọc. ở giữa, bước lên thềm, là phòng trị sự và nhà in: Muốn lên toà soạn ở trên gác, thường rẽ sang bên cạnh, qua một khóm tre Đắng Ngà thân màu vàng. Chỗ này, mọi người lúc rỗi thường bắc ghế ngồi chuyện trò, hay đánh bóng bàn.

Đằng sau có thang lên gác, bên trái là phòng của hai vợ chồng Khải Hưng, còn ở giữa là toà soạn. Gian giữa để làm việc, gian bên là phòng khách. Trong cùng, còn có hai buồng nhỏ để tài liệu, máy móc cần thiết.

Tôi chưa gặp Khải Hưng bao giờ. Nên khi bước vào phòng khách, một người thấp nhỏ, da mặt ngăm ngăm đen quay ra, tôi ngờ ngờ không biết có phải là anh không. Khi có một anh giới thiệu, chúng tôi bắt tay nhau. Trong lúc bắt tay rất chặt, không hơi hợt như một số bạn khác, tôi cảm thấy anh là người rất nhiệt tình, dù đối với một người trẻ như tôi. Đôi mắt anh lạnh lợi, đôi môi hơi trễ xuống, nhưng cười nói rất có duyên, nhanh nhẩu. Vì gầy nhỏ, môi lại hơi thâm, nên có người nói anh nghiện thuốc phiện, thực ra oan cho anh. Từ lúc đầu, thái độ anh rất chân thành, coi tôi như người bạn và cũng là em út trong nhóm, không hề lên mặt người lớn. Thành ra, tôi cảm thấy dễ chịu như trong anh em một nhà. Hôm đó, Thạch Lam có mặt, Khải Hưng nhanh nhẩu tự pha cà phê cho chúng tôi uống. Thứ cà phê đen đặc, vị rất nồng. Truyện trò một lúc, mấy người giờ bàn cờ tướng ra. Khải Hưng hỏi tôi có thích đánh cờ tướng không.

- Cứ thử xem, anh cho với nó một ván đi. - Thạch Lam gợi ý.

Khải Hưng xem ra có vẻ khinh địch, bày cờ xong thì vừa đi nước vừa gật gù truyện gẫu. Nhưng đi năm nước rồi mới biết mình hổ, lâm vào thế yếu, sau khó nhọc lắm mới gỡ hoà cờ.

- Hậu sinh khả úy- anh nói.

Anh không biết tuy còn ít tuổi tôi cũng đã đọc qua cuốn quất trung bí. Ván sau, chơi với Thạch Lam, anh lại phải chịu thua. Một đặc điểm chung cho Khái Hưng, Thạch Lam hay Tú Mỡ, Thế Lữ, như Nguyễn Tuân thường đùa, là đều có bộ ngực Omega cả, có nghĩa là lép kẹp như chiếc đồng hồ đeo tay mỏng dính. Song điểm này chẳng phải là độc quyền của các anh, mà như Vũ Trọng Phụng, Vũ Hoàng Chương mấy anh khác cũng vậy. Đủ rõ đời sống của họ thời ấy ra sao. Vì ở luôn trong tòa báo, nên Khái Hưng có thể coi như Tổng thư ký tòa soạn. Thạch Lam cũng thường xuyên ở đó và kiêm những bài phóng sự. Nhất Linh xử lý công việc chung và xếp đặt kế hoạch nội dung mỗi số. Còn Hoàng Đạo vì bận đi làm nên buổi tối hay ngày nghỉ mới tới. Nhiều khi anh em phải làm việc tới khuya mới ra kịp báo. Một điểm mà Phong Hóa chú trọng nhiều là những tranh vẽ, hoạt họa, khiến cho tờ báo linh động hơn và hấp dẫn hơn.

Lúc đầu, người vẽ chính là Nhất Linh - ta còn nhớ anh đã học tại trường Mỹ Thuật. Sau đó, mời thêm một số họa sĩ giúp việc.

Có người đưa ra ý kiến, làm một số Xuân đặc biệt, với bìa màu, nhiều tranh vẽ. Người vẽ tranh bìa là họa sĩ Trần Bình Lộc. Gặp anh lần đầu, tôi rất có cảm tình với nhà họa sĩ thấy lùn nhưng vui tính, hay nói đùa. Còn nhớ, tranh bìa năm ấy vẽ hai thiếu nữ áo dài thướt tha, yếu điệu, đứng bên gốc mai hái hoa bỏ vào lẵng. Thực tình, bức tranh chưa có trình độ nghệ thuật cao, nhưng vì mới mẻ nên nhiều người thích. Dưới bức tranh, có bài thơ cảm đề của Thạch Lam, bài Ngày Xuân hái hoa:

*Ngày xuân, chị em đi hái hoa,
Rừng mai, đứng dưới gốc mai già...
Hoa mai trắng xóa trong xuân tươi,
Một chị một em xuân mấy mươi
Gió xuân! dịu dàng tà áo lay,
Gió xuân! hoa mai tan tác bay!
Em tay nâng gió chị vin cành
Bẻ đóa hoa mai với lá xanh
Ngày xuân cánh hoa đượm hạt móc
Hái hoa, hoa rơi vương mái tóc
Tiếc hoa nên hái giỏ hoa đầy
Một giỏ hoa xuân nặng trĩu tay
Người về tiếc xuân biết còn ai?
Còn lại trong vườn xuân với mai.*

Tranh và thơ đều nhuốm vẻ êm đềm, dịu dàng, trữ tình hợp với tâm tình của những thanh niên - hay không thanh niên- ở các thành phố. Số báo xuân bán rất chạy. Sau đó nhiều báo cũng ra số xuân, có thơ, có tranh thiếu nữ - thành một thứ mốt còn truyền đến tận bây giờ, nửa thế kỷ sau.

Rất tiếc là về sau, Trần Bình Lộc mất quá sớm. Nhưng có mấy anh Tô Ngọc Vân, Cát Tường (tức Lemur - tiếng Pháp là bức tường) Nguyễn Gia Trí giúp việc.

Tô Ngọc Vân, chuyên về tranh sơn dầu, là một trong những họa sĩ tài năng nhất. Anh người còn bé nhỏ hơn cả Trần Bình Lộc, tính tình điềm đạm dễ thương.

Lemur là một chàng dong dỏng cao, nhanh nhẹn, vui vẻ. Anh khét tiếng không vì tài họa của anh, mà vì anh đã nghĩ ra những mẫu kiểu áo tân thời cho phụ nữ, gọi là kiểu áo Lemur. Hoàn

cảnh xã hội đã thay đổi, tương đối yên ổn. Nên các thứ vui chơi, thể dục, văn nghệ có môi trường để phát triển. Tại các thành phố, nhất là tại Hà Nội ngàn năm văn vật đất Thăng Long, giới trung lưu có những nhu cầu riêng. Phụ nữ có nhiều dịp để phô trương sắc đẹp, quần áo kiểu cũ- áo cánh trắng, quần lĩnh đen đã lỗi thời. Tại các phố hàng Ngang, hàng Đào, Tràng Tiền tới đến tấp nập thanh niên đi dạo phố.

*Mình ơi, có đi bờ Hồ,
Cùng ta ăn kem kẹo dứa,
Cứ đi đi mình nhé...*

Câu Lưu Thủy Hành Vân này rất thịnh hành lúc đó. Lại cần có quần áo lộng lẫy hơn khi đi xem hát, xem điện ảnh

Thương nữ bất tri vong quốc hận...

Chắc nhiều người sống ở thời ấy đã biết kiểu áo Lemur là thế nào. Đó là một thứ quần, áo dài Việt nam đổi kiểu, phỏng theo lối đầm. Ai đã xem qua phim Số Đỏ thì cũng rõ. Mới thì mới thực, nhưng quá lai căng, rườm rà, như cổ áo quá cao, vai bông, eo lưng quá thắt, lại thêm viền đăng ten diêm dúa, làm mất vẻ đẹp tự nhiên của chiếc áo dài Việt nam. Nên không bao lâu sau, nó đã thành ra cổ lỗ hơn cả những kiểu áo cũ.

Một lần, Lemur, Thế Lữ và tôi, cùng một thiếu nữ đi chày hội chùa Hương, với mục đích làm một bài phóng sự. Lemur bận vẽ phác cảnh núi rừng, còn chúng tôi về ngắm cảnh thiên nhiên, chùa, động. Khi ngồi nghỉ ở chùa ngoài, Thế Lữ tò mò hỏi cô bạn về cái kiểu áo Lemur, thì không ngờ cô bĩu môi một cách tinh nghịch:

- Những mẫu áo ấy à? Thì anh ấy có biếu em, em cũng không mặc.

Lemur ngồi im, không nói gì. Và chính anh sau đó, cũng gác các kiểu áo anh vẽ vào tủ.

Còn anh Nguyễn Gia Trí thì lại khác hẳn. Thoạt mới gặp, thực khó nghĩ đây là một nghệ sĩ tài hoa. Tướng anh rất đặc biệt. Tôi liên tưởng đến Trương Phi. Người cũng thấp, tóc bờm sòm, lông mày rậm, bộ râu quai nón lồm xồm chung quanh đôi môi hơi dày. Đôi mắt anh cũng khác người, màu xanh biếc và long lanh như mắt mèo. Nhưng biết anh rồi, mới rõ bản tính hiền lương và khiêm tốn của anh. Anh ít nói, càng ít tranh chấp hay kể gì về mình.

Lúc trước anh vẽ sơn dầu, sau đổi sang chuyên về sơn mài, và anh đã thành công vượt bậc. Một lần, tôi đến thăm xưởng vẽ của anh ở chân đê Thụy Khê. Xưởng vẽ thực là lộn xộn, vô trật tự. Những bức tranh, bình phong vẽ chưa xong để bừa bãi khắp nơi trên mặt bàn, đất, đủ các thứ bút, giấy, các thứ màu để vẽ vàng, bạc thực và rất nhiều vỏ trứng vứt lung tung. Nên nhớ, đối sơn mài, vỏ trứng là một vật liệu rất quan trọng.

Hôm ấy, chúng tôi gặp một cô người mẫu, coi có vẻ đồng ruộng nhưng cũng mảnh khảnh, yếu điệu... có lẽ vì thế mà những nhân vật trong tranh của anh phần lớn là những thiếu nữ bay bướm tung tăng, hay những nàng tiên múa trong mây. Hình tượng Lý Toét đầu tiên do Nhất Linh vẽ, sau đó do Gia Trí sửa đổi đôi chút. Còn Xã Xệ và Bang Bạnh thì do anh Gia Trí nghĩ kiểu. Nhiều độc giả lúc đó thích vì chê cười những cái ngờ nghệch, ấu trĩ, nhà quê hay hống hách, quan dạng. Nhưng cũng có người cho rằng không nên chế diễu quá đáng, những thứ ngờ ngẩn, ấu trĩ không phải là lỗi ở nông dân bản thân mà do xã hội, chế độ thực dân kìm hãm trong tình trạng lạc hậu mà ra. Bang Bạnh quả thực nên chế diễu. Ý thức nhạo báng những cái gọi là nhà quê, xét cho kỹ, cũng là nhận xét thiên lệch của những tầng lớp ở thành thị đối với

những người thôn quê.

Tờ Phong Hoá được hoan nghênh về tinh thần sáng tạo, cái cách, và tiến bộ, và đồng thời về giá trị văn chương cao, về những tác phẩm xuất chúng. Nhiều ưu điểm hợp lại, lại là một tập hợp của nhiều tác giả tài hoa đã khiến cho nhóm này trở thành đại biểu cho cả một trào lưu văn nghệ mới.

Nhưng ngược lại, cũng có một số người khư khư ôm lấy quá khứ nên bực dọc, bất mãn, ngoài ra còn một số ghen ghét, ganh tị. Có người vỗ ngực than thân Ôi! Phong Hóa suy đồi! (Tờ Phong Hoá phá hoại phong hóa). Cái đó cũng tự nhiên thôi.

Nói cho khách quan một chút, Phong Hoá và Tự lực văn đoàn ra đời vào một thời điểm đặc biệt trong lịch sử Việt nam dưới thời thực dân. Nhưng năm 1927 cho tới 1932, nhiều cơn gió bão đã đưa tới xáo trộn nặng nề trong xã hội, mà cao điểm là cuộc khởi nghĩa của Việt nam Quốc Dân đảng năm 1930 và những vận động của nông dân tại Nghệ Tĩnh do đảng cộng sản Đông dương thúc đẩy. Cả hai phía đều bị thực dân Pháp đàn áp tàn ác với bao nhiêu bản án tử hình, khổ sai chung thân và trại tập trung. Tình thế ổn định tiếp theo sau là ổn định dựng trên khủng bố, một thứ ổn định bề mặt.

Chính bọn thống trị người Pháp cũng cảm thấy như thế, nên đổi sang dùng sách lược an dân để xoa dịu bất mãn và lôi kéo dân chúng sang những hoạt động vô hại. Chúng đưa vua Bảo Đại về hồi loan và reo rắc những hy vọng duy tân lừa gạt vào nhà vua trẻ này cùng với sử dụng học giả Phạm Quỳnh làm bung xung. Một mặt, chúng hờ hào những phong trào thể thao hấp dẫn như thi đua xe đạp suốt Đông dương hay những cuộc đua quần vợt với Chim-Giao. Ngoài ra, còn phong trào ăn chơi, mặc quần áo đẹp, nhây đầm, bầu hoa khôi. Phong trào quần áo kiểu Lemur cũng bắt nguồn từ đó. Lại còn phong trào đua đi nghỉ mát, lên núi, đi tắm biển Đồ Sơn, Sầm Sơn, Cap Saint Jacque... Những tiệm nhảy, chơi cô đầu, thậm chí tiệm thuốc phiện, sòng bạc mọc ra nhan nhản. Tại đất ngàn năm văn vật, thanh niên kéo nhau tới những chỗ tên tuổi như Khâm Thiên, Ngã Tư Sở, Bạch Mai và những ngõ hẻm giữa thành phố. Các rạp điện ảnh cũng chật ních người háo hức xem những phim hiệp sĩ, cao bồi miền Tây Hoa Kỳ hay những phim lãng mạn với những cô đào Mỹ, Pháp tuyệt sắc.

Gặp Tú Mỡ, Thế Lữ

Tôi bước vào làm báo, viết thơ. Nhớ tới Bàn Bá Lân, Vũ Ngọc Phan

Dạo đó, nhà anh Tú Mỡ ở bên đê, không rõ gần Ô Cầu Giấy hay Láng. Một hôm, ngày nghỉ, anh rủ các anh em đến thăm nhà anh. Chưa bao giờ, tôi thấy sốt ruột như thế, vì anh đạp xe một cách quá ư từ tốn, như đi dạo mát, làm cho mọi người thường phải dừng lại để đợi.

- Anh đạp nhanh hơn một chút có được không? - Gia Trí hỏi gắt.

- Việc gì mà vội? - Tú Mỡ điềm nhiên đáp - Sắp tới rồi. Đạp nhanh quá, nhớ có hòn đá nào trên đường mà vấp vào thì chết...

Mọi người đều phải cười.

- Cẩn thận vô áy náy- Khái Hưng xuề xòa, tỏ vẻ đồng tình.

Cuối cùng, rồi cũng tới đích. Một căn nhà nhỏ, cũ kỹ, nhưng thoáng mát. Chung quanh có đất trồng cây. Trong nhà đồ đạc đơn sơ. Đời sống nhà thơ nghèo, thanh đạm quá. Số lương thấp, tiền nhuận bút cũng không được bao nhiêu. Nhưng anh thấy là đầy đủ: gia đình êm ấm, thơ

được nhiều người yêu chuộng.

Tú Mỡ là một nhân vật đặc biệt. Trông bề ngoài, không ai nghĩ một ông phán bình thường Sáng vắc ô đi, tối vắc về lại có tài viết thơ châm biếm như thế. Và lại, tính tình anh hiền lành, khiêm tốn, ít nói.

Bữa cơm gia đình khiêm tốn, chỉ có thịt lợn luộc, lòng heo, đậu rán chấm tương. Thêm vào, một ly bia Hommel hay rượu Văn Điển. Sau cà phê đen là tới món thuốc Lào quốc hồn quốc túy. Nhìn anh, thực gầy như con hạc. Vì thế, vấn đề biệt hiệu Tú Mỡ của anh vẫn được người ta băn khoăn. Nghe nói, trước khi lấy tên này, anh cũng đã nghĩ đi nghĩ lại. Tú thì được rồi, nhưng Tú gì mới được chứ?

- Có Tú Xương rồi, hay ta lấy chữ Tú Mỡ để đổi lại, người ta dễ nhớ - Khái Hưng gợi ý.

- Tú Mỡ à? Nghe không ổn lắm.

Thạch Lam cho rằng chữ Tú Mỡ kém bề thanh nhã. Người gầy, mặt xương xương, bộ ngực lép, không hợp lắm.

Nhưng sau rồi, anh Hiếu cũng chọn tên Tú Mỡ, để khiến người đọc chú ý.

Tuy bận học thi, tôi cũng thấy ngứa tay, muốn thử viết. Mới đầu là mấy bài bàn luận ngắn về hiện tượng xã hội, và phóng sự ngắn về đời sống dân nghèo, hoặc về những nơi hội hè, du lịch. Rồi, tôi cũng bước vào làng thơ mới.

Thơ mới xuất hiện chậm hơn đối với các thể văn khác. Trước 1930, là thiên hạ của thể thơ Đường, hay thơ lục bát với nội dung nhạt nhẽo, không làm ai rung động. Những bài thơ lãng mạn, tình cảm, như Lamartine khóc cho Graziella, hay Beaudelaire, Verlaine ủ rũ.

Tôi đi theo gió xấu, đưa tôi đi đây đi đó,

giống như chiếc lá khô... (tạm dịch từ Pháp văn).

Hay thì hay nhưng quả thực ủy mị quá, không thích hợp cho lắm đối với những thanh niên Việt đương sống cuộc đời nô lệ dưới ách thực dân và còn bao nhiêu những cùng khổ. Nhưng tại các tầng lớp thành thị, trong hoàn cảnh tương đối yên ổn, những văn thơ lãng mạn, than khóc đã tìm được thị trường.

Xe chạy tới ga Lăng Cô, câu thơ nào đó của Phan Khôi, thực ra nó ngộ nghĩnh, và chưa là mới lắm, chỉ mới thoát khỏi quy luật cũ. Một số nhà thơ bỏ Đường Luật, làm theo lối tám chữ một câu - thể Sonnet của Pháp, dễ diễn đạt tư tưởng, không gò bó. Sau này là thể dùng nhiều nhất cho thơ mới.

Tôi gặp Thế Lữ lần đầu tiên cũng ở toà soạn, cũng đương ngồi đánh cờ. Người không cao, mặt hơi vuông, cũng gầy, miệng cười rất có duyên. Tuy gầy, nhưng cái bắt tay của anh rất chặt, tỏ ra anh rất nhiệt tình. Giống như Khái Hưng, anh mặc bộ âu phục màu xám, đội mũ dạ, ăn nói nho nhã, chậm rãi. Vì thân hình gầy ốm, vì nước da xám xám, nên nhiều người cho anh là nghiện thuốc phiện - việc này có thực, nhưng lúc đó anh đã cai được.

Do việc gửi mấy bài thơ đến báo Phong Hoá, Nhất Linh đã hẹn anh đến toà báo. Gặp mấy anh Khái Hưng, Tứ Ly (Hoàng Đạo) anh được cổ vũ vì thái độ nhiệt thành của các anh em. Về sau,

Nhất Linh đã nhiệt liệt giới thiệu Thế Lữ trong bài Nguyễn Thế Lữ, một nhân vật mới trong làng thơ mới

Bài thơ đầu tiên đáng chú ý của anh là Con người vợ vắn trên báo số Tết. Cùng trong số đó, có bài Thiên Thai của anh, một bài nữa, đầu đề là Cảnh đào Xuân - tôi làm, ký tên Trường Bách, và còn bài của vài nhà thơ khác.

Thế Lữ, cả về nội dung và hình thức đều mang lại một luồng gió mới cho làng thơ. Hồi đó, làm thơ còn có Phạm Huy Thông, Bằng Bá Lân, và vài thi sĩ khác.

Chính tôi cũng không hiểu tại sao lại thích làm thơ mới.

Đúng ra thì đối với tôi, văn xuôi thích hợp hơn. Lúc còn bé tôi đã từng viết truyện ngắn, và lúc đầu, trên tờ Phong Hoá, tôi cũng đã góp ít bài vào mục Từ nhỏ đến lớn, mục Hạt đậu dạn. Có lẽ lúc đó có dịch thơ - dịch đây có nghĩa là một bệnh dịch - theo sau dịch làm báo, dịch viết văn... và sau những ngày gay go, căng thẳng mấy năm vừa qua, đầu óc người ta, nhất là thanh niên các thành thị, đã lãng mạn hoá. Người ta thích ngắm trăng và mây, tả hoa và nước, tình cảm nam nữ trước đây bị trói buộc, nay đã được dễ dàng đưa lên trên mặt giấy. Người ta, đặc biệt giới đẹp, biến thành đa sầu đa cảm. Cho nên thi sĩ cũng đua nhau ra đời.

Phan Khôi, Thế Lữ, Lưu Trọng Lư... rồi có Phạm Huy Thông, sau đó một tụi nhỏ hơn, đồng thời là Tường Bách, Bằng Bá Lân, Trần Văn Kiện- thơ hay nhưng đời thơ quá ngắn ngủi. Riêng đối với tôi chẳng có ai cổ vũ, hay hướng dẫn tôi trong nghề văn thơ. Có người nghĩ rằng, trong gia đình Nguyễn Tường, chắc là do Nhất Linh dìu dắt, chỉ bảo các em mà thành tài. Sự thực không đúng như vậy.

Nhất Linh là người đi tiên phong, có óc sáng tạo và dám làm, dám nêu ra những ý kiến cải cách, đồng thời lại có óc tổ chức. Nhưng về tư tưởng cải cách, về đường hướng văn nghệ, theo chỗ tôi biết, thì các anh em cũng đều có ý nghĩ chung. Về lối viết thì hoàn toàn mỗi người có một sắc thái riêng. Cá tính tôi lúc đó không thiên về những thứ tình cảm cá nhân, cho nên thơ đều tả về cảnh thiên nhiên. Bài đầu, tôi nhớ mang máng lấy tên là Cảnh đào đầu xuân nói về hoa lá, cảnh trời đất trong lúc đi xuân. Không ngờ lại được một số người để ý. Họa sĩ Cát Tường cho là trong có nhiều hình tượng đẹp và do đó, về sau anh vẽ một bức họa đầu xuân.

Hậu sinh khả ử, một lần tại toà soạn, Khải Hưng phát biểu ý kiến. Anh không ngờ tôi lại biết làm thơ mới... Còn Thế Lữ thì lúc nào cũng xuề xòa, mỉm cười rất có duyên, anh không sợ cạnh tranh.

Việc học hành quá bận, nên sau đó tôi chỉ sáng tác thêm mấy bài, trong đó có bài Nắng trưa hè, tả về cánh đồng làng quê dưới ánh nắng buổi trưa mùa hạ. Ngày đó, bài này rất được chú ý, vì ít nhà thơ nào chuyên về ca tụng tự nhiên. Phạm Huy Thông có viết bài về thơ tả tự nhiên và dần dần, có độc giả gọi tôi là tiểu Leconte de Lisle một nhà thơ Pháp xuất chúng.

Tiếc rằng đời sáng tác thơ mới của tôi cũng quá ngắn ngủi, phần vì bận rộn, phần vì đã hết hồn thơ, đầu óc trống rỗng, khô khan - không đúng như lời Đinh Hùng đã viết: là một trong ba tiểu quỷ - Huyền Kiều, Đinh Hùng, Tường Bách tuy học bác sĩ nhưng có óc nghệ sĩ không kém các anh em. Tuy về sau, tôi có viết vài truyện ngắn và phóng sự, nhưng đời sáng tác văn nghệ đã phải đứt đoạn theo biến chuyển của tình thế. Và từ đầu thập niên 40 trở đi, đã đổi sang viết bình luận xã hội, chính trị, tuy trong thâm tâm tôi vẫn thích viết thơ văn. Trong cuộc đời lặn lội và sóng gió, đó là phần nuôi tiếc nhất. Có lẽ chính vì tôi đã chót chọn nghề y, một nghề đòi hỏi quá nhiều thì giờ và quá vất vả...

Sau khi ra số Xuân, mấy anh em, trong đó có Khái Hưng, Nhất Linh, Thế Lữ, họa sĩ Lemur - người vẽ tranh trong số này- kéo nhau đi dạo phố, rồi rẽ sang đường Cổ Ngư dưới hai rặng cây xanh qua đền Quan Thánh, chùa Trấn Quốc. Một bên là hồ Trúc Bạch xinh xắn, một bên là hồ Tây mênh mang.

Từ trên đê Yên Phụ nhìn xuống, những ngôi nhà nhỏ nằm giữa làn nước long lanh và những vườn hoa đủ màu sắc. Mùa xuân, trăm hoa đua nở. Vào sâu trong làng, vườn nào cũng trồng đào, màu đỏ hay hồng nổi lên trong màu xanh lá cây. Ngoài ra, còn đủ màu cúc, thược dược, hoa mai...

- Đây thực là một Đào Nguyên- Thế Lữ nói.

- Đẹp thực. Nhiều hình tượng, nhiều màu sắc, giống như trong mấy bài thơ. - Lemur chỉ vào mấy luống hoa bên đường, bảo tôi.

Chắc là chợt nhớ tới một bài thơ, Khái Hưng gợi ý:

- Nhưng tiếc là chỉ thấy hoa, mà không thấy người, chưa đủ, Rồi, như muốn thử kiến thức của Lemur, anh đọc hai câu thơ, khi chúng tôi ngồi nghỉ bên bờ hồ.

Trước sau nào thấy bóng người.

Hoa đào năm ngoái còn cười gió đông

- Ai viết ra câu thơ này? - anh hỏi.

Ai cũng đều biết cả chỉ có nhà họa sĩ đồng ý là có bóng người thì tuyệt, để thêm vào tranh vẽ, nhưng anh chịu không biết ai là tác giả. Cả đến thơ Kiều anh cũng không thuộc.

Lúc đó, trên Hồ Tây phẳng lặng, mặt nước lấp lánh dưới ánh mặt trời, chỉ có mấy chiếc buồm phát phơ ngoài xa. Thế Lữ vẫn là người trầm lặng nhất, ngồi trông ra cảnh thiên nhiên trước mặt. Những phút đó, có lẽ là những phút êm đềm, trong lòng nhẹ nhàng nhất của chúng tôi, vì ít phiền não nhất. Tôi còn nhớ mang máng hai câu thơ của anh:

*Mặt hồ nước phẳng nghiêm như giận,
Một áng hương đưa, khói toả mờ.*

Không biết có phải bắt nguồn từ lúc này không?

Số phận long đong của văn nghệ sĩ thời ấy, một phần vì suốt đời phải đi ở thuê. Thế Lữ cũng kiếm nhà ở ngoại thành, vì rẻ hơn và tĩnh hơn. Còn nhớ, căn nhà nhỏ của anh thuê ở ngay đường cái, xẽ trước áp Thái Hà và gò Đống Đa có đường xe điện Hà Nội - Hà Đông ngang qua cửa. Nhà cũng thoáng mát.

Đồ đạc cũng đơn sơ. Phòng ngoài, một tấm phản lớn để tiếp khách, một bàn làm việc, mấy chiếc ghế gỗ.

Nghèo, nghèo thực. Còn nghèo hơn cả nhà Tú Mỡ. Đó là chỗ ở của hai danh sĩ một thời. Thế Lữ và Song Kim, nhà kịch sĩ có tiếng. Nhà Thạch Lam, nhà chị Thế tôi cũng nghèo, có khi còn nghèo hơn. Riêng tôi thì cũng quen với cảnh nghèo, trong cuộc đời ở trọ nay đây mai đó.

Nhưng tôi vẫn thấy ái ngại về hoàn cảnh thiếu thốn của các anh em. Và, với Vũ Trọng Phụng hay Nguyên Hồng, tình trạng cũng gần như thế và còn hơn nữa. Ấy là chưa kể tới một số nhạc sĩ, họa sĩ tài năng nhưng suốt đời sống trong cảnh thiếu thốn.

Có hiểu biết những tình trạng thực tế như trên, thì mới hiểu được sự cố gắng vượt bực của văn nghệ sĩ thời đó, và đánh giá chính xác về tác phẩm và tác giả.

Không phải là một người đẹp, nhưng chị Song Kim có đôi mắt to, rất niềm nở, cởi mở. Tuy một chân hơi thọt, nhưng chị vẫn đóng được nhiều vai trong nhiều vở kịch, và đóng rất giỏi. Chẳng ai rõ Thế Lữ - Song Kim chung sống từ bao giờ, và không ai hỏi đến. Cuộc tình duyên trước sau kể cũng éo le. Dù thế nào, không có Song Kim thì đã không có ban kịch Thế Lữ, và cuộc tình duyên của hai người thế mà cũng đã đi vào lịch sử văn nghệ, tuy khó tránh được dị nghị của những người khó tính.

Một hôm, nhân tiện, chúng tôi đến thăm Thế Lữ rồi kéo sang ấp Thái Hà đến thăm nhà anh Vũ Ngọc Phan, anh Phan có nhã ý mời tới ăn cơm trưa. Chị Phan sẽ làm món ốc hấp tuyệt diệu để thết chúng tôi.

Qua những bậc gạch, chúng tôi trèo lên gò Đống Đa. Gió thổi mạnh trên những ngọn cây, xì xào như tiếng than thở của những vong hồn chôn ở dưới chân. Lịch sử như sống lại sau hơn thế kỷ đã qua. Chung quanh, đồng ruộng gần xa vẫn im lặng. Dưới chân, những mái nhà trong ấp Thái Hà thấp thoáng giữa rặng cây, bên lạch nước trắng. Yên tĩnh, như một nơi ẩn dật.

Qua cổng gỗ, vào một sân nhỏ, trồng nhiều cây, có cau, bưởi, mít. Căn nhà không lớn, nhưng ngăn nắp, sạch sẽ. Vũ Ngọc Phan, người nhỏ nhắn, nho nhã. Mới trông cũng đoán được là một học giả. Độ ấy, anh đã viết bài phê bình văn chương: Cái đó ai cũng biết. Nhưng có một điều mà tới nay, tôi vẫn không quên: đó là một món ốc hấp do chị làm, với lá gừng. Trái với tôi nghĩ, ốc rất mềm, không dai, vị ngọt và thơm. Về sau, không bao giờ tôi được nếm một món ốc ngon như thế nữa. Cũng không được gặp lại anh chị Phan nữa.

Trong làng thơ hồi ấy, tôi không được quen anh Phạm Huy Thông cùng anh Lưu Trọng Lư. Nhưng trong ký ức bề bộn, tôi không thể quên để mấy giòng nhắc tới một người bạn trẻ, bạn thơ thân thiết - anh Bàn Bá Lân. Vì hoàn cảnh khác nhau, chúng tôi đã không liên lạc được. 40 năm sau, khi đã sang Hoa Kỳ ngụ cư, mới có người cho biết anh vẫn ở Sài Gòn. Song đáng buồn là anh bị bệnh nặng phải nằm liệt trên giường. Anh có gởi cho tôi hai bức thư rất chân tình, đầy cảm xúc. Hai người bạn trẻ xưa nay đã đầu bạc. Cảm thư anh, bất giác tôi nghĩ đến câu thơ Đường tả cảnh tiễn bạn già trên con sông Dương Tử:

Sóng bạc đầu quanh khách bạc đầu

Thực là thương cảm. Nhưng sóng đây lại là sóng Thái Bình Dương. Rồi về sau, lại nghe tin anh mất. Một người bạn cố tri, một thi tài đất nước đã ra đi. Tôi may mắn vẫn còn ở trên đời, nhưng biết bao nhiêu người thân, bao nhiêu tài hoa, xuất chúng mà tôi đã có dịp gặp nay đã đều vĩnh viễn ra đi. Đau thương ngày càng đè nặng lên những người còn sống.

Ngàn năm bạc mệnh, một đời tài hoa...

Câu Kiều đó lại vắng bên tai.

Mấy ngày tôi gặp anh lần cuối cùng là ở ga Kép, Bắc Giang. Anh mời tôi lên chơi. Nhà anh cao ráo, lại có cửa tiệm ăn trông ra đường phố ga.

Phố này ngày phiên chợ đông đúc, đủ cả người Kinh, người Thổ, đủ các màu sắc rực rỡ trên quần áo những cô gái dân tộc thiểu số. Anh Lân thết chúng tôi mọc châu phở đặc biệt, ở dưới vùng xuôi không có, là phở xá xíu, ăn lạ miệng. Nhà anh có vườn cam Bồ Hạ gần đó. Vườn rất rộng, nằm trên sườn đồi. Từ xa đã thấy vàng óng cả một vùng. Đi trong các vườn cam, không khí thoáng mát, đượm mùi thơm dịu của cam. Cắt mấy quả cam, vừa ăn vừa nhìn ra đồng, núi xa xa. Màu cam rất đẹp, nhưng tiếc là hơi chua, không ngọt như cam Xã Đoài.

Trở về nhà, anh bảo tôi đi cưỡi ngựa. Tôi vừa thích vừa run, lo gặp một con ngựa bất kham thì rầy rà. Người ta bắt đến một con ngựa thấp bé hiền lành, có vẻ dễ thương nữa. Tôi yên lòng, nhẩy lên yên, bỏ lỏng cương. Thì nó cũng từ tốn bước đi nhưng mà quá từ tốn, thúc thế nào nó cũng không đi nhanh. Rồi nó tự rẽ vào một cổng chùa bên đường, và ung dung cúi xuống gặm cỏ, mặc tôi muốn dật cương hay thúc chân, nó vẫn đứng lì. Cuối cùng, anh Lân phải đến lôi nó đi, cứu tôi ra khỏi cảnh bê bối đó. Tôi bèn liêu nhẩy xuống đất, thoát nạn. Từ đó, tôi không dám cỡi ngựa nữa.

Đến bây giờ, những kỷ niệm êm đềm trên vẫn còn phảng phất trước mắt tôi, với hình ảnh anh Bằng Bá Lân đứng dưới gốc cam, sáu mươi năm về trước

Thăm chùa cổ Bắc Ninh - Tự lực văn đoàn

Một ngày trong năm 1933. Vừa đến toà soạn chơi, Khải Hưng đã hỏi tôi.

- Tuần này anh có rỗi không?

- Có việc gì, anh?- Tôi hỏi lại. Kỳ thực, lúc nào tôi cũng bận và cũng rỗi cả, vì tự học một mình.

- Đi lễ chùa, ở Bắc Ninh. - Anh cười.

Lễ chùa? Xưa nay, Khải Hưng đâu phải là một Phật tử nhiệt tâm. Vì mấy anh em dự định đi thăm phong cảnh Bắc Ninh và đặc biệt là mấy ngôi chùa cổ có tiếng như Bút Tháp, Phật Tích.

Hôm đó, có Nhất Linh, Khải Hưng, Thế Lữ, Gia Trí và tôi. rước hết, chúng tôi đáp xe hỏa đến một ga gần chùa Bút Tháp. Đây là một ngôi chùa cổ, có tháp cao cổ kính nhiều tầng. Rồi thuê một chiếc thuyền rộng, xuôi giòng sông đào tới miền đồi Lim.

Cảnh thực nên thơ. Chiếc thuyền lướt nhẹ trên mặt nước chảy êm, giữa hai cánh đồng dâu biền biệt. Xa xa là những rặng đồi núi thấp. Chung quanh im vắng, thỉnh thoảng mới có một chiếc thuyền nhà chài vớt lưới bên bờ. Cảnh đồng quê Việt nam sao mà êm đềm thế, hình như ngủ im đã hàng thế kỷ.

Mọi người ngồi yên, ngắm cảnh. Không có nước trà, nhưng có nước vối rất hợp vị.

- Giá lúc này, có ai làm một bài thơ tả cảnh sông nước thì hay.- Anh Gia Trí đương ngồi ở một đầu thuyền, hí hoáy phác những nét chì, đề nghị. Không ai tức cảnh làm thơ cả. Khải Hưng bèn đọc hai câu thơ của Lý Bạch:

*Cô phàm viễn ảnh bích không tận,
Duy kiến Trường giang thiên tải lưu*

- Nhưng đó là thơ Đường, mà đây đâu phải Trường Giang?- Nhất Linh nói.

Thế Lữ ngấm nghĩ một lát, rồi nhỏ nhẹ nói:

- Trước đây, lâu lắm, tôi có làm một bài, xin đọc để các anh nghe, được không?

Mọi người hoan nghênh. Anh từ tốn ngâm một bài thơ tám câu, trong đó tôi chỉ còn nhớ bốn câu sau cùng:

*Trời lặng, én nghe chèo vỗ nước.
Nhớ nhung, ai tiếc cánh buồm xa.
Cô hàng đầu biết ta buồn nhĩ.
Đón đả ra chào hỏi khách qua.*

Chùa Phật Tích nằm trên một sườn đồi. Một ngôi chùa nóc, tường rêu phủ. Đằng sau chùa, rải rác nhiều tháp lớn nhỏ, chứng tỏ đã bao đời nhà sư đã tu hành ở nơi vắng lặng này. Đứng trên đồi, dưới góc thông reo, nhìn xuống những xóm làng nhỏ bé núp sau lũy tre, cảm giác lâng lâng như đương lui về quá khứ.

Rời chùa Phật Tích, theo con đường nhỏ, chúng tôi rẽ sang chùa Bách Môn gần đồi Lim... Cũng nằm trên sườn đồi, có đường rộng dẫn vào, chùa Bách Môn kém bề cổ kính, có nhiều cửa to nhỏ ra vào, nhưng đếm đi đếm lại cũng không đủ một trăm.

Song, ngôi chùa này đã được Khái Hưng để ý và chọn làm nơi chàng trai trẻ Ngọc đã gặp chú tiểu Lan trong mối tình của cuốn tiểu thuyết đầu tay. Liên tưởng đến truyện ngày xưa, Lê Thánh Tôn đã gặp một nàng tiên tại một ngôi chùa nào đó. Câu thơ được truyền tụng tới nay:

*Gió thông đưa kệ tan niềm tục,
Hồn bướm mơ tiên lẩn sự đời.*

Vì đó mới có cuốn tiểu thuyết Hồn bướm mơ tiên, hiện đại hoá và lãng mạn hoá cuộc gặp gỡ kể trên. Truyện viết thì hay thực. Nhưng đối với tôi, thì cảnh đồng quê, sông núi, chùa chiền cổ kính, và tất cả những con người đã sống âm thầm trên mảnh đất quê hương này, bên góc thông reo vi vút - giang sơn Việt nam yêu mến mới thực gây xúc động sâu xa trong tâm khảm tôi như một phần của linh hồn đất nước, chưa có một ngòi bút nào tả nổi.

Hồn bướm mơ tiên là cuốn tiểu thuyết in ra đầu tiên của Tự lực văn đoàn. Cùng một hoài bão về văn hoá và cải cách xã hội, mấy anh đã tổ chức một tập hợp trên chủ trương tự lực, cả về tinh thần lẫn vật chất, không ỷ lại, không khuất tất. Có chí hướng cao thượng, lại tập hợp được những nhân tài xuất chúng, đó là nguyên nhân tại sao Tự lực văn đoàn đã thành công và gây được ảnh hưởng sâu xa trong xã hội Việt nam.

Lúc đó, còn là học sinh mới mười bảy tuổi, tôi phải chuyên chú về thi cử. Tự lực văn đoàn gồm sáu người tức Nhất Linh, Khái Hưng, Hoàng Đạo, Tú Mỡ, Thạch Lam, Thế Lữ - Anh Gia Trí không ở trong văn đoàn, tuy góp nhiều về tranh vẽ và ý kiến. Sau này cũng chỉ thêm một thành viên là Xuân Diệu, cộng thành Thất tinh hay Thất hiền.

Một điều đặc biệt trong Văn đoàn là tất cả đều như anh em một nhà, gắn bó và nâng đỡ lẫn nhau, không hề có xích mích, ganh tị. Tôi chưa thấy giữa các anh em có cãi cọ, to tiếng bao giờ, cũng không có tranh chấp về tiền tài. Tài năng đa dạng của nhóm đã làm thoả mãn mong muốn của phần đông độc giả các giới.

Dưới đây kể lại mấy điều kinh nghiệm trong làm báo, làm văn: Muốn được vui vẻ, khoan khoái thì có những bài trào phúng, hoạt hoạ sống động Muốn có truyện ngắn, truyện dài để xem thì có đầy đủ, và viết rất hấp dẫn.

Muốn thấy phê bình, đả kích những cái bất công, xấu xa, rởm đời thì có nhiều mục châm biếm. Có nhân vật như Bang Bạnh, Sa tiền (Thống sứ Chatel)

Mục Bùn lầy nước đọng bày tỏ những khốn khổ của dân nghèo. Mười điều tâm niệm đưa ra một quan niệm về công bằng xã hội, đạo lý làm người.

Hạt đậu dạn phơi bày những thứ cầu thả trong văn chương, những thứ kỳ cục.

Chọn vài đoạn tiêu biểu:

Trong một truyện đăng trên Tiểu Thuyết Thứ Bảy, có đoạn.

Từ lúc gặp Liễu Dương (sic), Hùng Phong chợt thấy trái tim mình, trái tim từ trước vẫn câm lặng, bắt đầu ú ớ chẳng khác một đứa trẻ bập bẹ lời nói đầu tiên.

P.H bình: Thế thì trái tim ấy nó sắp sửa vùi vò kẻo ấy.

Một đoạn nữa:

Nàng chưa bị tiếng sét của tình yêu đánh cháy lòng

P.H bình: Văn kêu như sét. Nàng chưa bị chết cháy.

Một đoạn văn của nhà lý thuyết Trương Tửu:

Khi mảnh yếm rơi xuống

Thì người đàn bà phải thay nó bằng cái coóc xê!

Mảnh yếm là của thời đại cũ. Cái coóc xê là của thời đại mới...

và sau đó.

Khi mảnh yếm rơi xuống,

thì người đàn bà không mặc được nó lên ngực nữa

P.H bình: Còn chúng tôi, đọc hết dòng này, quăng sách và ôm nhau cười.

Tự lực văn đoàn có can đảm chỉ trích cả giới thực dân: Toàn Quyền, Thống đốc, Đốc Lý và giới triều đình: nhà vua, Hoàng Trọng Phu, Phạm Quỳnh. Phê bình những chủ trương thoả hiệp với nhà nước Bảo Hộ. Tất nhiên, những chỉ trích ấy không thể trực tiếp, rõ ràng dưới chế độ chuyên chế. Vậy mà Phong Hoá, Ngày Nay đã nhiều lần bị kiểm duyệt, cảnh cáo, bị treo giò... anh em mấy lần bắt buộc phải đi nghỉ mát. Một lần, Ngày Nay ra một số đặc biệt. Tranh bìa, anh Gia Trí vẽ cảnh một túp lều lụp xụp, rách nát, ngoài cửa, một người đàn bà lam lũ, mấy đứa nhỏ gầy đét, ồng bụng đương bò lê.

Dưới đề một câu là (tôi chỉ nhớ có một câu) BỐ cu mẹ dĩ rúc vào nằm

Phòng kiểm duyệt rất nhanh kết tội nói xấu chính phủ Bảo hộ, báo phải đình bản ba tháng và định truy cứu Nhất Linh ra toà, nhưng sau đổi ra cảnh cáo nặng.

Vẫn không chừa, mấy tháng sau, người ta lại bàn tán về một hoạt họa trên báo, vẽ Lý Toét từ nhà quê ôm một con gà mái đưa biểu ông Sa tiền (Thống sứ). Gà mái, dịch ra tiếng Pháp có nghĩa bóng là kỹ nữ. Ông Thống sứ này có tiếng là hiếu sắc. Song chắc cũng không muốn làm to truyện, ông ta đành lờ đi.

Cách châm biếm, hài hước nhiều khi rất tài tình. Như ông Bùi X.H. chủ nhiệm tờ Hà Thanh Ngọ báo, tới một nơi hội họp, bị người ta cản lại hỏi. Ông cáu sừng vì bị coi rẻ, bèn lớn tiếng bằng Pháp văn Je suis quelqu'un (ý nói ta là một người có tên tuổi đây) Phong Hoa khi nhắc lại truyện này, bèn nhại tiếng quelqu'un đổi sang Je suis King Kong (gần đồng âm), King Kong là tên con khỉ đột khổng lồ trong một phim ảnh nổi tiếng mà ai cũng biết.

Vì vậy Tự lực văn đoàn đã gặp khó dễ, công kích, chê bai từ mọi phía, cũng không có gì lạ. Theo chỗ bản thân tôi thấy thì Phong Hoá, Ngày Nay có khi chủ quan, lầm lẫn, hay châm chọc hơi quá đáng, nhưng không có ác ý, không muốn đim ai xuống để tranh giành cái gì. Bản tính các anh em là vô tư, hiền hậu, đồng thời cũng kiên quyết trong việc bênh vực công lý, chống đối bất công, xấu xa. Tôi thấy, nếu không có tâm hồn như vậy, thì không có Tự lực văn đoàn.

Thạch Lam qua đời

Mỗi lần về sau, có dịp rẽ xuống con đường gạch đưa vào làng Yên Phụ, là mỗi lần bóng dáng người anh cao, gầy trong bộ âu Phục cũ, với cái mũ dạ xám bốn mùa, từ tốn bước chân lại hiện ra trước mắt.

Nếu so về thông minh và tài hoa thì có lẽ anh hơn cả mọi người trong gia đình. Nhưng nếu về sức khỏe thì từ ngày làm báo trở đi, mỗi ngày một sút kém. Có người cho rằng, khác với anh em, anh đã bước vào một cuộc sống lãng mạn, phóng túng hơn, ra ngoài quy củ thường tình, cũng giống như một số văn nghệ sĩ thời ấy. Có thể anh đã tiếp xúc với nhiều tầng lớp, nhất là tầng lớp dưới trong xã hội. Đáng buồn nhất là anh đã mắc nghiện thuốc phiện.

Có lẽ chính vì thế mà anh có những cảm xúc riêng, và tác phẩm của anh có một phong cách riêng, bình dân, giản dị và đầy lòng trắc ẩn, đồng tình với những con người nghèo khổ hơn là những truyền của Nhất Linh, Khái Hưng. Mai hay Lộc trong Nửa Chừng Xuân hay Loan, Dũng trong Đoạn Tuyệt, dù sao cũng là con cái những gia đình khá giả, hay quan lại. Nhưng nhân vật người phu xe già trong một truyện ngắn của Thạch Lam làm cho người ta rung động sâu xa, thấm thía hơn. Và ngay trong phóng sự Hà Nội ban đêm cùng viết với Trường Khanh, tình trạng chân thực của những kẻ bất hạnh, sa ngã, trụy lạc đã làm cho độc giả thông cảm và đồng tình dưới ngòi bút đầy tình cảm. Tôi còn nhớ hai câu Kiều lấy trong đó:

*Liều bỏ nấp bóng cây tùng,
Thuyền quỳên còn đợi anh hùng... lĩnh lương*

Đời sống gia đình anh thực là thanh bạch, anh vẫn giữ được phẩm cách không màng danh mang lợi chung của gia đình. Vài tấm phản, mấy chiếc ghế đơn sơ, một bàn làm việc là tất cả gia sản của nhà văn.

1941, gia đình, anh em tan tác. Chỉ có bên anh Cả là yên ổn một chút, nhưng lại quá đông con,

cũng vất vả. Anh Hai vẫn làm tại nông trường ở Bolovens, bên Lào. Đôi khi, chúng tôi lên biệt thự Hồ Tây để mượn rượu giải sầu, và riêng tôi cũng để né mắt bọn mật thám.

Bạn rượu thường xuyên nhất là Đình Hùng, Huyền Kiều và tôi. Nếu trong túi có được ít tiền, thì mua ít đồ nhắm lên theo. Song Đình Hùng lúc nào cũng thấy nghèo kiệt xác xơ, Huyền Kiều may mắn thỉnh thoảng được gia đình tiếp tế. Thịnh soạn nhất là khi nào chị Thạch Lam tìm được con cá chắm tươi vừa đánh lên, hay một khúc thịt cày, thêm vào có bia, hay chút rượu Văn Điển. Nấu xong, mấy anh em ngồi vừa nốc rượu vừa ngâm thơ để chờ trăng lên, nhìn ánh trăng xen qua lá liễu chiếu xuống mặt nước. Tuy không đến nỗi say túy lúy nhưng cũng ngây ngất, mặt Đình Hùng thì tái xanh, mà Huyền Kiều thì mặt đỏ hơn gấc, chưa uống cũng đã phải chịu phạt rồi. Thạch Lam thì không dám uống nhiều, mà tôi cũng vậy. Tôi không nhớ rõ lắm, nhưng theo chị tôi kể. Tết năm đó, trời lạnh, anh về tới Cẩm Giàng là cần ngay một hỏa lò than hồng để sưởi. Có chăn và nệm hần hoi mà anh vẫn kêu rét. Sau phải đốt một đống củi lớn ở giữa nhà, trải ổ rơm chung quanh, mọi người ngồi đánh bát để đợi giao thừa. Khi cả nhà ngồi vào mâm để uống rượu mừng năm mới, anh có vẻ buồn, lặng lẽ ngồi nhìn khói trầm tỏa lên cao. Đó là cái Tết cuối cùng của anh.

Những giây phút như thế cũng không kéo dài được bao lâu. Căn bệnh phổi quái ác đã dần dần gặm nát cơ thể anh. Tôi giục anh đi khám bệnh và chụp lại phổi. Tấm ảnh quang tuyến X của anh khiến tôi và người bạn cùng lớp, anh Đ. phải giật mình. Nhưng thời đó chưa phát minh được thuốc chữa bệnh lao có hiệu quả. Muốn đưa anh đi Đà Lạt dưỡng bệnh, nhưng ông giáo sư khoa truyền nhiễm không đồng ý, sợ bệnh tăng kịch. Ông khuyên nên tĩnh dưỡng và cai nghiện, uống thuốc. Bất buộc, tôi phải thay anh trông nom việc xuất bản dù còn đương đi học, và luôn luôn đến thăm anh. Chị Sáu lại có mang đứa con thứ ba. Mặc dầu mọi người trong gia đình tận lòng săn sóc, bệnh tình của anh cứ nặng dần. Sang giữa năm sau, đã có lúc anh không đủ sức trở dậy, ra ngồi bên thêm nữa. Mẹ tôi từ quê lên cùng chị Thế giúp săn sóc hai đứa trẻ thơ. Tình trạng ngày càng xuống. Anh đã bắt đầu tức thở, thường thường phải ngồi dậy, dựa vào mấy chồng gối. Một hôm anh hỏi tôi:

- Tôi hút thuốc lại có được không, chú! - Tôi chỉ im lặng gật đầu, rồi quay mặt đi.

Đến một ngày tháng 7 năm 1942, hơi thở của anh là dần, đôi mắt đã hơi lờ lờ. Mẹ tôi, vợ con anh, anh Cả, chị Năm và tôi đều đứng chung quanh giường. Đến gần trưa, anh vẫn tỉnh táo nhưng không nói ra được tiếng nữa. Anh tự biết sắp đi đến tận cùng con đường mình đi. Ai nấy đều muốn khóc, nhưng không ai khóc ra tiếng. Run tay, tôi tiêm một ống thuốc cường tâm cuối cùng, thì anh bỗng mở to mắt ra hiệu cho mọi người đỡ anh ngồi dậy. Mẹ tôi ngồi đằng sau đỡ anh lên. Nhưng không còn ảo tưởng gì nữa. Thấy vợ khóc, theo lời chị tôi thuật anh còn đủ sức nói anh đã chết đâu mà khóc. Nhưng lúc đó, thú thực, tôi cũng không nghe thấy gì. Không bao giờ tôi quên được Cảnh tượng lâm chung của người anh ruột thân yêu đồng thời cũng là người anh trong sự nghiệp văn bút.

Anh đưa mắt lờ lờ nhìn mọi người như muốn nói lên một điều gì trước khi từ biệt. Hình như anh gọi tên tôi, tôi nghe không rõ. Bỗng anh nấc lên một tiếng, lên cơn suyễn rồi hai mắt nhắm lại. Hơi thở cuối cùng của nhà văn Thạch Lam đã dứt. Anh ngả về đằng sau, rồi dưới sự nâng đỡ của mẹ và vợ, anh nằm xuống giường, hai chân đã duỗi thẳng. Người anh thân yêu đã vĩnh viễn bỏ cuộc đời khi mới ba mươi ba tuổi. Trong những tiếng khóc thê thảm chung quanh, muốn tránh nhìn lại anh, tôi vội bước ra ngoài cửa, mặc hai giòng nước mắt tuôn trên hai má. Chưa bao giờ tôi khóc nhiều như hôm ấy. Vài hôm sau, chúng tôi im lặng đi sau xe tang, đưa anh đến nghĩa địa Hợp Thiện, gần Ô Đống Mác, nơi đã chôn chị Cả đầu tiên và những người trong họ. Mọi người đã ra về, tôi còn ngồi lặng bên mộ anh rất lâu, dưới rặng cây âm u, nhưng nỗi thương cảm về cái chết đầu tiên trong anh em bấy người, cũng như về bao xa cách, biệt ly -

làm sao có thể khuấy khoả được. Anh là nhà văn giàu tình cảm nhất trong giòng họ Nguyễn Tường, nhưng lúc nào anh cũng cố gắng để vượt qua mọi khó khăn. Trong một cuốn sách tặng anh, nhà văn Lê Văn Trương có đề Tặng anh Thạch Lam, một nghị lực phi thường trong một thân thể còm cõi.

Tôi tin chắc rằng Thạch Lam đã được người đời chấp nhận và đã có một vị thế xứng đáng trong lịch sử văn học Việt nam, sau một cuộc đời quá ngắn ngủi và đầy thương cảm. Trong những ngày khó khăn, tan rã, cái chết của Thạch Lam đã để lại một vết thương không gì hàn gắn nổi. Trong lo buồn, tôi đứng ra làm giám đốc nhà xuất bản Đời Nay, lại vừa tiếp tục đi học năm thứ năm trường Thuốc. Ngoài ra, còn phải lo việc trong nội bộ tổ chức chưa bị phá vỡ liên lạc với ngoài nước. Thi cử đối với chúng tôi, đã không phải là nhiệm vụ quan trọng nhất.

Với thời cục chuyển biến mạnh mẽ, phe Đức ý bắt đầu suy thoái ở âu Châu, quân Nhật gặp nhiều khó khăn tại Trung quốc và á châu. Máy bay Mỹ luôn luôn đe dọa bầu trời Việt nam. Người Việt cảm thấy không chóng thì chày sẽ bị cuốn vào trong một luồng thác lũ.

Những đợt sóng kinh hoàng sẽ đến sớm hơn là người ta tưởng. Do biệt ly, tang tóc, thời đại hoàng kim của nhóm Tự lực văn đoàn -Ngày Nay, và do thời thế đã khác nên đã đi qua rồi, không bao giờ trở lại nữa. Các nhóm văn nghệ khác cũng dần dần suy đồi theo thời gian.